

## KHẮC PHỤC MỘT SỐ SAI LÂM KHI GIẢI TOÁN CHO HỌC SINH LỚP 6

Thạc sỹ: Bùi Thị Dần

Trường PTTH CLC Nguyễn Tất thành

Email: buithidanhb@gmail.com

***Tóm tắt:** Trong quá trình học toán, học sinh hiểu phần lý thuyết có khi chưa chắc chắn hoặc khả năng áp dụng lý thuyết vào giải bài tập còn chưa tốt nên thường dẫn đến sai lầm khi làm bài tập. Có những dạng bài tập, nếu học sinh không chú tâm để ý hay chủ quan xem nhẹ hoặc làm theo cảm nhận tương tự là có thể mắc phải sai lầm.*

*Trong bài viết này, tác giả đưa ra một số biện pháp khắc phục sai lầm khi giải toán cho học sinh lớp 6 giúp các em hình thành kỹ năng giải toán, tạo điều kiện cho các em tiếp thu bài một cách chủ động, sáng tạo và tránh sai sót.*

***Từ khóa:** Các sai lầm thường gặp, toán 6*

### **I. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Trong quá trình học toán, học sinh có thể mắc những sai lầm, cho dù những sai lầm đó thường xảy ra hoặc ít có thể xảy ra đều là điều đáng tiếc cho bản thân học sinh và người dạy. Nếu trong quá trình dạy học toán, ta đưa ra những tình huống sai lầm mà học sinh dễ bị mắc phải, chỉ rõ và phân tích cho các em thấy được chỗ sai thì sẽ giúp cho các em không những khắc phục được sai lầm mà còn hiểu kỹ hơn bài học. Vì vậy, trong khi trực tiếp giảng dạy bộ môn toán 6, tôi đã chú ý đến những sai lầm thường gặp của học sinh trong quá trình dạy học, phân tích cho học sinh thấy được nguyên nhân sai lầm và cách khắc phục.

### **II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

#### **II.1. Nghiên cứu cơ sở lý luận**

Phần số học lớp 6 và tham khảo một số tài liệu nói về phương pháp dạy toán trung học cơ sở.

#### **II.2. Nghiên cứu cơ sở thực tiễn**

Thông qua thực tế giảng dạy, trao đổi, nắm bắt tình hình học tập của học sinh, phương pháp dạy học và kinh nghiệm cho bản thân.

Tổng hợp các bài toán trong sách giáo khoa, sách bài tập và sách tham khảo toán lớp 6.

### **III. KẾT QUẢ**

#### **III.1. Các biện pháp khắc phục sai lầm khi giải toán**

Để khắc phục những sai lầm cho học sinh khi thực hiện phép toán ở một số bài học của Toán 6, tôi có một số biện pháp sau:

##### **1) Biện pháp 1: Phát hiện sai lầm và giải quyết sai lầm đối với mỗi tiết dạy**

- Đối với mỗi tiết học, giáo viên thấy học sinh có thể mắc sai lầm trong tình huống nào thì giáo viên cần cho học sinh tiếp cận các tình huống đó sớm.

- Mỗi sai lầm đưa ra giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu nguyên nhân và có biện pháp khắc phục giải quyết những sai lầm để học sinh rút kinh nghiệm và hiểu thêm bài học.

##### **2) Biện pháp 2: củng cố khắc sâu kiến thức cơ bản**

- Khi dạy bất kì một dạng toán (hoặc một bài tập) nào cho học sinh thì giáo viên cần phải yêu cầu học sinh nắm vững kiến thức cơ bản như: Các khái niệm, các định nghĩa, các tính chất, các công thức, ...

- Trong quá trình đưa ra các khái niệm, các định nghĩa, các tính chất, các công thức, ... giáo viên cần giải thích tỉ mỉ, kèm theo các ví dụ cụ thể và đưa ra bài tập vận dụng để học sinh hiểu đầy đủ về kiến thức đó mà vận dụng vào giải toán.

Ngoài ra, trong các tính chất mà học sinh tiếp cận, cần chỉ ra cho học sinh những tính chất đặc thù khi áp dụng vào giải từng dạng toán, vận dụng phù hợp, có nắm vững các tính chất đặc thù thì mới giải toán chặt chẽ và lôgic.

##### **3) Biện pháp 3: Tìm hiểu nội dung bài toán**

Trước khi giải toán giáo viên cần yêu cầu học sinh: Đọc kĩ đề bài, xem bài tập cho biết gì và yêu cầu làm gì? Chọn những kiến thức cơ bản nào có liên quan để phục vụ giải bài toán. Xác định rõ những nội dung trên sẽ giúp học sinh có kĩ năng

phân tích bài toán và giải bài toán theo những quy trình cần thiết, tìm ra nhiều cách giải hay và tránh sai sót.

#### **4) Biện pháp 4: Mỗi dạng toán cần giải nhiều bài để hình thành kĩ năng**

Học sinh cần được giải nhiều dạng bài tập, nếu mỗi dạng toán học sinh được giải với số lượng lớn bài tập thuộc cùng một dạng thì kĩ năng giải dạng toán sẽ tốt hơn. Chính vì vậy giáo viên cần tìm nhiều bài tập thuộc một dạng để học sinh giải tại lớp, trong giờ luyện tập, bài tập về nhà, ... và giáo viên cần phải kiểm tra đánh giá.

#### **5) Biện pháp 5: Giúp đỡ nhau cùng học tập**

Do trong lớp có nhiều đối tượng học sinh nên giáo viên cần phát hiện học sinh khá giỏi, từ đó phân công những em học sinh khá giỏi này kiểm tra và giúp đỡ cho các em còn lại, vì học sinh khi giảng bài cho nhau thì các em cũng dễ tiếp thu kiến thức.

### **III.2. Một số ví dụ cụ thể**

#### 1) Trong bài: “*Phép cộng và phép nhân*”

Sai lầm có thể xảy ra khi học sinh áp dụng tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng.

- Tình huống 1: Khi học sinh làm bài tập dạng: Tính hợp lí biểu thức  $23.15 + 23.84 + 23$ , học sinh có thể thực hiện như sau:

$$\begin{aligned} 23.15 + 23.84 + 23 &= 23.(15 + 84) \\ &= 23.99 \\ &= 2277 \end{aligned}$$

Nguyên nhân sai lầm: Do học sinh chưa nắm vững tính chất, chưa hiểu được  $23.15 + 23.84 + 23$  không thể bằng  $23.(15 + 84)$ .

Biện pháp khắc phục: Giáo viên cho học sinh so sánh  $23.15 + 23.84 + 23$  bằng cách tính từng tích rồi cộng các kết quả lại với 2277 rồi từ đó xác định

$23.15 + 23.84 + 23$  không thể bằng  $23.(15 + 84)$  và khẳng định cách làm trên là sai. Để có lời giải đúng giáo viên cho học sinh biến đổi  $23.15 + 23.84 + 23 = 23.15 + 23.84 + 23.1$  trước khi áp dụng tính chất và lời giải đúng như sau:

$$\begin{aligned} 23.15 + 23.84 + 23 &= 23.15 + 23.84 + 23.1 \\ &= 23.(15 + 84 + 1) \\ &= 23.100 \\ &= 2300 \end{aligned}$$

- Tình huống 2: Khi học sinh làm bài tập dạng: Tính hợp lí biểu thức  $25.15 + 25.60 + 25.25$ , HS có thể thực hiện như sau:

$$\begin{aligned} 25.15 + 25.60 + 25.25 &= 25.(15 + 60) \\ &= 25.75 \\ &= 1875 \end{aligned}$$

Nguyên nhân sai lầm: Do học sinh chưa nắm vững tính chất và ở đây tích thứ ba có hai thừa số giống nhau nên học sinh dễ nhầm.

Biện pháp khắc phục: Trong trường hợp này giáo viên nên đánh dấu một thừa số giống nhau ở ba tích và để thừa số đó ra ngoài dấu ngoặc, khi đó trong ngoặc còn tổng của các thừa số không đánh dấu  $15 + 60 + 25$ .

Lời giải đúng:

$$\begin{aligned} 25.15 + 25.60 + 25.25 &= 25.(15 + 60 + 25) \\ &= 25.100 \\ &= 2500 \end{aligned}$$

2) Trong bài: “***Phép trừ và phép chia***”

- Tình huống 1: Khi học sinh làm bài tập dạng: Tìm  $x$ , biết  $5x - 36 : 18 = 13$ , học sinh có thể thực hiện như sau:

$$\begin{aligned}
 5x - 36 : 18 &= 13 \\
 5x - 36 &= 13 \cdot 18 \\
 5x - 36 &= 234 \\
 5x &= 234 + 36 \\
 5x &= 270 \\
 x &= 270 : 5 \\
 x &= 54
 \end{aligned}$$

Vậy  $x = 54$ .

Nguyên nhân sai lầm: Do học sinh xác định số 18 trong biểu thức là số chia và xem  $5x - 36$  là số bị chia.

Biện pháp khắc phục: Ở đây giáo viên nên đưa ra hai đề bài:

Tìm  $x$ , biết:

$$5x - 36 : 18 = 13 \text{ và } (5x - 36) : 18 = 13$$

Yêu cầu học sinh nêu sự khác nhau của hai đề bài.

Giáo viên đưa ra cách giải đúng cho các bài tập trên để học sinh so sánh.

$5x - 36 : 18 = 13$	$(5x - 36) : 18 = 13$
$5x - 2 = 13$	$5x - 36 = 13 \cdot 18$
$5x = 13 + 2$	$5x - 36 = 234$
$5x = 15$	$5x = 234 + 36$
$x = 15 : 5$	$5x = 270$
$x = 3$	$x = 270 : 5$
Vậy $x = 3$ .	$x = 54$

Vậy  $x = 54$ .

Từ đó đi đến nhấn mạnh sự khác nhau giữa hai đề bài, giữa hai kết quả và kết hợp chỉ ra cho học sinh thấy sai lầm trên để học sinh rút kinh nghiệm.

- Tình huống 2: Khi học sinh làm bài tập dạng: Tính giá trị biểu thức  $168 : 6 + 168 : 8$ , học sinh có thể thực hiện như sau:

$$\begin{aligned} 168:6+168:8 &= 168:(6+8) \\ &= 168:14 \\ &= 12 \end{aligned}$$

Nguyên nhân sai lầm: Do học sinh được học tính chất  $ab+ac=a.(b+c)$  và nghĩ rằng có tính chất  $a:b+a:c=a:(b+c)$ .

Biện pháp khắc phục: Giáo viên cho học sinh so sánh  $168:6+168:8$  với 12 bằng cách tính từng thương rồi cộng các kết quả lại, từ đó xác định  $168:6+168:8$  không thể bằng  $168:(6+8)$  và khẳng định không có tính chất  $a:b+a:c=a:(b+c)$ .

Lời giải đúng:

$$\begin{aligned} 168:6+168:8 &= 28+21 \\ &= 49 \end{aligned}$$

### 3) Trong bài: “**Số nguyên tố, hợp số, bảng số nguyên tố**”

- Dạng bài tập học sinh dễ mắc sai lầm là:

Xét xem hiệu  $13.7.9.11 - 2.3.4.7$  là số nguyên tố hay hợp số?

Học sinh sẽ xác định hiệu chia hết cho 7 và đi đến kết luận hiệu là hợp số.

- Nguyên nhân sai lầm: Học sinh chứng minh hiệu chia hết cho 7 nhưng không biết rằng hiệu đó có bằng 7 hay không nên thiếu một điều kiện là hiệu phải lớn hơn 7.

- Biện pháp khắc phục:

Để khắc phục được trường hợp này giáo viên đưa ra một bài tập sau:

Hiệu  $2 \cdot 6 \cdot 5 - 29 \cdot 2$  là số nguyên tố hay hợp số? Vì sao?

Khi học sinh xác định được hiệu chia hết cho 2, giáo viên yêu cầu học sinh tính xem hiệu trên bằng bao nhiêu?

Rồi từ đó đi đến kết luận mặc dù hiệu chia hết cho 2 nhưng hiệu đó bằng 2 nên hiệu là đó số nguyên tố.

Từ đó giáo viên cho học sinh rút kinh nghiệm sai lầm như bài tập trên.

### 4) Trong bài: “**Phân tích một số ra thừa số nguyên tố**”

- HS dễ mắc sai lầm khi phân tích một số ra thừa số nguyên tố.

Nhiều học sinh thực hiện khi phân tích số 120 ra thừa số nguyên tố:

$$120 = 2 \cdot 3 \cdot 4 \cdot 5$$

- Nguyên nhân sai lầm: Do học sinh chưa hiểu được định nghĩa thế nào là phân tích một số ra thừa số nguyên tố, nên không thể xác định tích  $2 \cdot 3 \cdot 4 \cdot 5$  trong đó có một thừa số là hợp số.

- Biện pháp khắc phục:

Giáo viên chỉ cần đưa ra hai cách làm khi phân tích số 120 ra thừa số nguyên tố.

Cách 1:  $120 = 2.3.4.5$

Cách 2:  $120 = 2.2.2.3.5.$

Yêu cầu học sinh xác định:

Xét các tích trên xem có còn thừa số nào là hợp số không?

Cách nào làm đúng? Vì sao đúng?

Cách nào làm sai? Vì sao sai?

Từ đó giáo viên chỉ ra nguyên nhân của cách làm sai để học sinh rút kinh nghiệm.

5) Trong bài: “***Quy tắc dấu ngoặc***”

Quy tắc dấu ngoặc không khó đối với học sinh nhưng khi làm bài học sinh rất hay bị nhầm. Đặc biệt trong trường hợp khi có dấu trừ đứng trước dấu ngoặc.

- Học sinh thường mắc sai lầm khi làm bài tập dạng:

Bỏ dấu ngoặc rồi tính:  $(27 + 65) - (84 + 27 + 65)$

Học sinh sẽ thực hiện:  $(27 + 65) - (84 + 27 + 65)$

$$= 27 + 65 + 84 - 27 - 65$$

$$= (27 - 27) + (65 - 65) + 84$$

$$= 84$$

- Nguyên nhân sai lầm: Học sinh không xác định được dấu của phép tính và dấu của các số hạng, rất lúng túng khi đổi dấu số hạng đầu tiên nằm trong dấu ngoặc (trong trường hợp dấu trừ đằng trước dấu ngoặc).

- Biện pháp khắc phục:

Giáo viên chỉ cần coi trọng việc rèn luyện cho học sinh tính cẩn thận khi thực hiện “bỏ dấu ngoặc” hoặc “đặt dấu ngoặc” khi đằng trước có dấu “ - ”.

Chỉ học sinh biết được dấu là dấu của phép tính và dấu là dấu của số hạng hoặc có thể đưa ra tình huống tổng quát sau:

Thực hiện bỏ dấu ngoặc:  $-(a - b + c - d)$

Cách 1:  $-(a - b + c - d) = -a + b - c + d$

Cách 2:  $-(a - b + c - d) = -a - b + c - d$

Yêu cầu học sinh xác định dấu của các số hạng trong ngoặc.

Hỏi cách làm nào đúng, cách làm nào sai ? vì sao ?

Từ đó giáo viên cho học sinh rút kinh nghiệm khi thực hiện quy tắc dấu ngoặc.

#### **IV. KẾT LUẬN**

Qua việc áp dụng các biện pháp trên trong giảng dạy, tôi nhận thấy:

- Dạy cho học sinh biết sự dễ mắc sai lầm sẽ làm cho học sinh dễ nhớ và hiểu bài hơn.

- Phương pháp chỉ ra cái sai để tìm ra cái đúng rất dễ dạy và dễ học.

- Giáo viên tích lũy được những sai lầm của học sinh trong quá trình giảng dạy, để từ đó tìm ra biện pháp khắc phục sao cho hữu hiệu nhất.

- Học sinh được củng cố kiến thức, khắc sâu kiến thức hơn, đồng thời kĩ năng giải toán cũng được nâng cao hơn.

Tuy nhiên, trình độ học sinh trong lớp không đồng đều, nhiều em nhận thức chậm và còn lười học, thậm chí nhiều em rỗng nhiều kiến thức cơ bản. Do đó, vẫn còn một số trường hợp học sinh mắc sai lầm.



Vì vậy, giáo viên cần tìm hiểu phân loại đối tượng học sinh để có kế hoạch giảng dạy thích hợp.

- Trong quá trình giảng dạy giáo viên cần nhấn mạnh, lưu ý những vấn đề học sinh thường nhầm lẫn nhất.

- Đừng làm thay, giải thay cho học sinh mà cần chọn lựa hệ thống câu hỏi tạo ra tình huống có vấn đề để gây sự chú ý buộc học sinh phải tham gia vào bài học.

- Tăng cường thời gian cho học sinh làm việc trong giờ học toán, giáo viên chúng ta chỉ hỗ trợ giúp đỡ các em khi cần.

- Nên kết hợp vừa giảng vừa luyện để học sinh nắm vững kiến thức và vận dụng kiến thức.

Trên đây là một vài biện pháp nhằm giúp học sinh khắc phục những sai lầm khi giải toán cho học sinh lớp 6. Rất mong được sự đóng góp của các thầy cô để tôi được học tập, tích lũy thêm kinh nghiệm nhằm phục vụ tốt hơn cho công tác giảng dạy.

## **V. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên) – Nguyễn Huy Đoan (Chủ biên) – Nguyễn Cao Cường – Trần Mạnh Cường - Doãn Minh Cường – Sĩ Đức Quang – Lưu Bá Thắng, *Sách giáo khoa Toán 6 tập 1*, NXB Giáo dục, 2021
2. Nguyễn Huy Đoan (Chủ biên) – Nguyễn Cao Cường – Doãn Minh Cường – Sĩ Đức Quang – Lưu Bá Thắng, *Sách bài tập Toán 6 tập 1*, NXB Giáo dục, 2021
3. Các giáo trình về phương pháp dạy học toán trung học cơ sở

## **MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC CHO HỌC SINH KHỐI 8 TRƯỜNG PTHCLC NGUYỄN TẮT THÀNH**

*Hà Thị Vân Hòa – Trường PTHCLC Nguyễn Tất Thành  
Trường CĐSP Hòa Bình*

*Email: [Havanhoacdsp@gmail.com](mailto:Havanhoacdsp@gmail.com)*

*\* Tóm tắt: Môn giáo dục công dân nói chung và giáo dục công dân lớp 8 nói riêng góp phần hình thành ở học sinh Trung học cơ sở cách ứng xử phù hợp với bản thân, gia đình, quê hương, cộng đồng với công việc và môi trường tự nhiên và những thói*

*quen, nề nếp cơ bản, cần thiết trong học tập và sinh hoạt phù hợp với giá trị văn hóa, chuẩn mực đạo đức, quy tắc của cộng đồng, quy định của pháp luật. Bài viết đề cập đến một số phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh nhằm tạo hứng thú cho học sinh trong mỗi tiết học, để học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo vào bài học, giúp mỗi học sinh hình thành năng lực phát triển bản thân, năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực tìm hiểu và tham gia vào các hoạt động kinh tế - xã hội đáp ứng nhu cầu xã hội về con người mới trong thời đại mới, góp phần giảng dạy môn giáo dục công dân ở trường Phổ thông thực hành chất lượng cao Nguyễn Tất Thành nói chung và khối 8 nói riêng đạt hiệu quả cao.*

## **I. Đặt vấn đề**

Ở cấp Trung học cơ sở nói chung và học sinh lớp 8 nói riêng, Môn giáo dục công dân có vị trí quan trọng, góp phần hình thành, phát triển ở học sinh các phẩm chất chủ yếu: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm và các năng lực của người công dân Việt Nam, đặc biệt là năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân, năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của cá nhân và yêu cầu của sự nghiệp xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp mới.

Thực tiễn hiện nay, trong quá trình giảng dạy môn giáo dục công dân, giáo viên vẫn gặp những khó khăn nhất định trong việc sử dụng các phương pháp giảng dạy nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Trong quá trình lên lớp, giáo viên chủ yếu sử dụng những phương pháp dạy học truyền thống như thuyết trình, giảng giải, hỏi – đáp... Vì vậy, học sinh tiếp nhận kiến thức một cách thụ động, áp đặt và mang tính chất khắc sâu kiến thức đơn thuần, chưa vận dụng được những phương pháp dạy học linh hoạt nhằm gây hứng thú học tập và phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh trong giờ học. Trong phạm vi bài viết, người viết đề cập đến: “Một số phương pháp dạy học môn giáo dục công dân theo hướng phát triển năng lực học sinh cho học sinh khối 8 trường phổ thông thực hành chất lượng cao Nguyễn Tất Thành” nhằm đưa ra một số phương pháp tổ chức dạy học góp phần dạy học môn giáo dục công dân khối 8 ở trường phổ thông thực hành chất lượng cao Nguyễn Tất Thành đạt hiệu quả cao hơn theo định hướng phát triển năng lực cho học sinh.

## **II. Phương pháp nghiên cứu**

- Phương pháp phân tích, tổng hợp
- Phương pháp quan sát: Hoạt động của giáo viên và học sinh trong quá trình dạy – học môn giáo dục công dân ở cấp trung học cơ sở.
- Điều tra thực tế qua dự giờ đồng nghiệp...

### **III. Kết quả nghiên cứu và bàn luận**

#### **1. Về lý luận**

Dạy học môn giáo dục công dân nói chung và môn giáo dục công dân lớp 8 nói riêng giúp học sinh có hiểu biết về những chuẩn mực đạo đức, pháp luật cơ bản và giá trị, ý nghĩa của các chuẩn mực đó như: Tự hào về truyền thống gia đình, quê hương, dân tộc, tôn trọng, khoan dung, quan tâm, giúp đỡ người khác, tự giác, tích cực học tập và lao động, có thái độ đúng đắn, rõ ràng trước các hiện tượng, sự kiện trong đời sống, có trách nhiệm với bản thân, gia đình, nhà trường, xã hội, công việc và môi trường sống. Bên cạnh đó, môn giáo dục công dân còn giúp học sinh có tri thức phổ thông, cơ bản về đạo đức, kỹ năng sống, kinh tế, pháp luật. Đánh giá được thái độ, hành vi của bản thân và người khác, tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân điều chỉnh thái độ, hành vi theo chuẩn mực đạo đức, pháp luật. Thực hiện được các công việc để đạt mục tiêu, kế hoạch hoàn thiện, phát triển bản thân. Biết cách thiết lập, duy trì mối quan hệ hòa hợp với những người xung quanh, thích ứng với xã hội biến đổi và giải quyết các vấn đề đơn giản trong đời sống của cá nhân, cộng đồng phù hợp với giá trị văn hóa, chuẩn mực đạo đức, quy tắc của cộng đồng, quy định của pháp luật và lứa tuổi.

Tiếp cận với chương trình giáo dục phổ thông mới, dạy học môn giáo dục công dân theo định hướng phát triển năng lực học sinh nhằm mục tiêu hình thành, phát triển cho học sinh các phẩm chất chủ yếu là: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. Hình thành các năng lực chung là: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo. Trong đó, môn giáo dục công dân góp phần hình thành, phát triển cho học sinh cấp trung học cơ sở một số năng lực đặc thù như: Năng lực phát triển bản thân, năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội. Để dạy học môn giáo dục công dân lớp 8 đạt được mục tiêu hình thành, phát triển các năng lực nói trên, giáo viên môn học cần nghiên cứu kỹ biểu hiện của các năng lực để từ đó đưa ra phương pháp giảng dạy phù hợp gây hứng thú cho học sinh trong giờ học để đạt hiệu quả cao trong quá trình dạy – học.

#### **2. Thực trạng vấn đề nghiên cứu**

##### **2.1. Về phía giáo viên**

- Giáo viên chủ yếu sử dụng phương pháp dạy học truyền thống như thuyết trình, hỏi đáp là chính, ít có thời gian và điều kiện tổ chức sử dụng một số phương pháp dạy học tích cực gây hứng thú cho học sinh trong tiết học nên hiệu quả chưa cao, chưa phát huy được tính chủ động và khả năng sáng tạo của học sinh.

- Đồ dùng, thiết bị dạy học chưa đáp ứng đủ nhu cầu dạy – học theo định hướng phát triển năng lực học sinh

- Đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh vẫn đang là vấn đề mới, giáo viên cần có thời gian nghiên cứu và giảng dạy thực tế để rút ra kinh nghiệm trong quá trình dạy học để đạt được mục tiêu môn học.

## **2.2. Về phía học sinh**

- Do sự phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới, học sinh hiện nay tương đối nhạy cảm với những vấn đề của gia đình, xã hội. Việc các em tiếp xúc sớm, tiếp xúc nhiều với các thiết bị thông minh với nhiều thông tin tích cực – tiêu cực tràn lan trên các trang mạng xã hội, cha mẹ không kiểm soát thông tin con em mình tiếp nhận dẫn đến các thông tin tiêu cực, các hành vi đạo đức phản cảm, thiếu văn minh ảnh hưởng tiêu cực đến thế hệ trẻ ngày nay.

- Nhiều học sinh chưa áp dụng được kiến thức đã học vào thực tế, thiếu kỹ năng sống nên chưa hình thành được năng lực cho bản thân.

- Một số gia đình thiếu gương mẫu, phó mặc con em cho trường học, thiếu sự phối hợp giữa gia đình – nhà trường, thậm chí nuông chiều con quá mức dẫn đến học sinh có hành vi đạo đức ứng xử thiếu văn hóa.

## **3. Một số phương pháp dạy học môn GDCD theo định hướng phát triển năng lực cho học sinh khối 8 trường PTHCLC Nguyễn Tất Thành.**

Để dạy học môn giáo dục công dân khối 8 có hiệu quả, ngoài việc sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống, giáo viên cần tiến hành một số phương pháp giảng dạy mới phù hợp với mục tiêu giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực cho học sinh. Trong phạm vi bài viết, có thể đề cập đến một số phương pháp giảng dạy như sau:

### **3.1. Phương pháp dạy học giải quyết vấn đề**

Dạy học giải quyết vấn đề là cách thức tổ chức dạy học trong đó học sinh được đặt trong một tình huống có vấn đề mà bản thân học sinh chưa biết cách thức, phương tiện và phải nỗ lực tư duy để giải quyết vấn đề.

Khi vận dụng dạy học giải quyết vấn đề trong dạy học giáo dục công dân, cần chú ý lựa chọn các mức độ phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh và nội dung cụ thể của mỗi bài học. Mức độ tham gia của học sinh càng nhiều thì học sinh sẽ càng tích cực, tuy nhiên đòi hỏi trình độ năng lực của học sinh càng cao.

Một số mức độ của dạy học giải quyết vấn đề như sau:

- + Giáo viên nêu và giải quyết vấn đề.
- + Giáo viên nêu vấn đề và cho học sinh tham gia giải quyết vấn đề.
- + Giáo viên nêu vấn đề và gợi ý học sinh tìm cách giải quyết vấn đề.
- + Giáo viên cung cấp thông tin cho học sinh, tạo tình huống để học sinh phát biểu vấn đề và giải quyết vấn đề.
- + Học sinh tự phát hiện vấn đề, tự lựa giải quyết và tự đánh giá.

### ***Ví dụ minh họa:***

Trong bài 21: “Pháp luật nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, yêu cầu cần đạt là phân tích, đánh giá được hành vi vi phạm pháp luật trong một số tình huống cụ thể.

Giáo viên yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm, đọc tình huống và xác định vấn đề đặt ra.

*Tình huống:* Bình là học sinh chậm tiến, Bình thường xuyên vi phạm nội quy của nhà trường như đi học muộn, không làm đủ bài tập, mất trật tự trong giờ học, đôi lần còn đánh nhau với các bạn trong trường.

#### *Câu hỏi thảo luận:*

1. Theo em, ai có quyền xử lý những vi phạm của Bình?

2. Trong các hành vi trên của Bình, hành vi nào là vi phạm pháp luật?

Giáo viên yêu cầu đại diện các nhóm trình bày, từ đó xác định vấn đề cần giải quyết là phân tích, đánh giá hành vi vi phạm pháp luật.

#### *Giáo viên tổng kết:*

1. Hành vi vi phạm lý luật của Bình phạm như đi học muộn, không làm đủ bài tập, mất trật tự trong giờ học do giáo viên chủ nhiệm và ban giám hiệu nhà trường xử lý.

2. Hành vi đánh nhau với các bạn trong trường của Bình là hành vi vi phạm pháp luật. Căn cứ vào mức độ vi phạm và độ tuổi của Bình, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sẽ áp dụng các biện pháp xử phạt thích đáng.

Như vậy, thông qua ví dụ trên giúp học sinh phát triển năng lực thành phần là năng lực điều chỉnh hành vi. Cụ thể là thông qua tình huống có vấn đề, học sinh giải quyết được vấn đề đặt ra, từ đó hình thành năng lực điều chỉnh hành vi phù hợp với các quy định của pháp luật.

### ***3.2. Phương pháp dạy học khám phá***

Dạy học khám phá là cách thức tổ chức dạy học trong đó học sinh tự tìm tòi, khám phá, phát hiện ra tri thức mới thông qua các hoạt động dưới định hướng của giáo viên.

Dạy học khám phá có một số đặc điểm sau:

+ Học sinh phát triển quá trình tư duy liên quan đến việc khám phá và tìm hiểu thông qua quá trình quan sát, phân loại, đánh giá, tiên đoán, mô tả và suy luận.

+ Giáo viên sử dụng phương pháp dạy học đặc trưng hỗ trợ quá trình khám phá và tìm hiểu của học sinh.

+ Sách không phải là nguồn thông tin, kiến thức duy nhất cho học sinh

+ Kết luận sau khi khám phá được đưa ra với mục đích thảo luận chứ không phải là khẳng định cuối cùng.

+ Học sinh phải lập kế hoạch, tiến hành và đánh giá quá trình học của mình với sự hỗ trợ của giáo viên.

### ***Ví dụ minh họa***

Trong bài 13: “Phòng chống tệ nạn xã hội”, với yêu cầu cần đạt là tìm hiểu tác hại của tệ nạn xã hội. Học sinh tìm hiểu dữ liệu bài dựa trên những câu hỏi gợi ý sau:

1. Tệ nạn xã hội có tác hại như thế nào đối với bản thân, gia đình và xã hội?
2. Nguyên nhân nào dẫn đến con người sa vào tệ nạn xã hội?
3. Các biện pháp phòng, tránh tệ nạn xã hội?

Giáo viên tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm và đưa ra kết quả trong 5 phút. Các nhóm nêu ý kiến, trao đổi, nhận xét, bổ sung. Giáo viên nhận xét các ý kiến của các nhóm và đưa ra kết luận về kiến thức mới.

Giáo viên khái quát hóa:

1. Tác hại của tệ nạn xã hội với bản thân, gia đình, xã hội:

#### **+ Đối với XH:**

Ảnh hưởng tới kinh tế, suy giảm sức lao động của xã hội, suy thoái giống nòi, làm mất trật tự an toàn xã hội...(cướp của giết người).

#### **+ Đối với gia đình:**

Kinh tế cạn kiệt, ảnh hưởng tới đời sống vật chất tinh thần, hạnh phúc gia đình tan vỡ...

#### **+ Đối với bản thân:**

Hủy hoại sức khỏe, dẫn đến cái chết, sa sút tinh thần, huỷ hoại phẩm chất đạo đức con người, vi phạm pháp luật.

2. Nguyên nhân dẫn đến con người sa vào tệ nạn xã hội:

#### **- Nguyên nhân khách quan:**

- + Kỷ cương pháp luật chưa nghiêm → nhiều tiêu cực trong xã hội.
- + Kinh tế kém phát triển.
- + Chính sách mở cửa của nền kinh tế thị trường.
- + Ảnh hưởng xấu của văn hóa đồi trụy
- + Do hoàn cảnh éo le, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc, khống chế...

#### **- Nguyên nhân chủ quan:**

- + Lười lao động, ham chơi, đua đòi, thích ăn ngon mặc đẹp.
- + Do tò mò, ưa của lạ, thích thử nghiệm tìm cảm giác mới lạ.
- + Do thiếu hiểu biết...

3. Các biện pháp phòng, tránh tệ nạn xã hội?

#### **- Biện pháp chung:**

- + Nâng cao chất lượng cuộc sống.
- + Giáo dục tư tưởng đạo đức, giáo dục pháp luật.

- + Cải tiến hoạt động của tổ chức đoàn.
- + Kết hợp tốt 3 môi trường gia đình: Gia đình, nhà trường, xã hội...

#### **- Biện pháp riêng:**

- + Không tham gia che giấu tàng trữ ma túy.
- + Tuyên truyền phòng chống Tệ nạn xã hội.
- + Có cuộc sống cá nhân lành mạnh, lao động và học tập tốt, vui chơi giải trí lành mạnh.
- + Giúp cơ quan chức năng phát hiện tội phạm, không xa lánh người mắc tệ nạn xã hội, giúp đỡ họ hoà nhập với cộng đồng...

Như vậy, thông qua hoạt động khám phá, học sinh hình thành kiến thức mới là tác hại, nguyên nhân, cách phòng, chống tệ nạn xã hội.

### **3.3. Phương pháp dạy học dựa trên dự án**

Dạy học dựa trên dự án là cách thức tổ chức dạy học trong đó học sinh thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, tạo ra các sản phẩm có giới thiệu, trình bày

Dạy học dự án có đặc điểm:

+ Định hướng thực tiễn: Chủ đề của dự án xuất phát từ tình huống thực tiễn xã hội, các dự án học tập có ý nghĩa thực tiễn xã hội, góp phần gắn việc học tập trong nhà trường với thực tiễn xã hội.

+ Định hướng hứng thú người học:

Cách tiến hành: Dạy học dự án được tiến hành theo 3 giai đoạn:

Giai đoạn 1: Chuẩn bị dự án:

- + Đề xuất ý tưởng và chọn đề tài dự án
- + Chia nhóm và nhận nhiệm vụ dự án.
- + Lập kế hoạch thực hiện dự án.

Giai đoạn 2: Thực hiện dự án

Giai đoạn 3: Báo cáo và đánh giá dự án

#### **Ví dụ minh họa:**

Trong bài 9: “Góp phần xây dựng nếp sống văn hóa ở cộng đồng dân cư”, để làm rõ yêu cầu cần đạt về ý nghĩa của xây dựng nếp sống văn hóa ở cộng đồng dân cư và trách nhiệm của học sinh trong việc tham gia xây dựng nếp sống văn hóa ở cộng đồng dân cư, GV có thể yêu cầu học sinh thực hiện dự án sau: “Xây dựng khu phố xanh, sạch đẹp ở khu dân cư mà em đang sinh sống”.

+ Bước 1: Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm 9 học sinh, căn cứ vào thể mạnh của từng nhóm để phân công công việc cho hợp lý. Lập kế hoạch thực hiện dự án. Nhóm 1 + 2 lên kế hoạch mua cây xanh, trồng cây xanh. Nhóm 2 + 3 lên kế hoạch thu gom rác, dọn dẹp vệ sinh đường phố, vỉa hè khu dân cư mình sinh sống.

+ Bước 2: Thực hiện dự án. Các nhóm thực hiện công việc được giao. Giáo viên theo dõi quá trình thực hiện dự án của học sinh, hỗ trợ học sinh khi cần thiết.

+ Bước 3: Thu thập kết quả và trình bày dự án. Kết quả thực hiện trình bày dưới dạng thuyết trình hoặc trình bày trên powerpoint... Các nhóm học sinh trình bày kết quả và sản phẩm của dự án.

+ Bước 4: Đánh giá dự án, rút kinh nghiệm

### **3.4. Phương pháp dạy học hợp tác**

Dạy học hợp tác là cách thức tổ chức dạy học trong đó học sinh làm việc theo nhóm để cùng nghiên cứu để cùng nghiên cứu, trao đổi ý tưởng và giải quyết vấn đề đặt ra.

Dạy học hợp tác có đặc điểm:

+ Có hoạt động xây dựng nhóm.

+ Có sự phụ thuộc (tương tác) lẫn nhau một cách tích cực.

+ Có ràng buộc trách nhiệm cá nhân – trách nhiệm nhóm.

+ Hình thành và phát triển kỹ năng hợp tác.

Cách tiến hành:

Giai đoạn 1: Chuẩn bị

Giai đoạn 2:

+ Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập.

+ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập có sự hợp tác.

+ Bước 3: Trình bày và đánh giá kết quả của hoạt động hợp tác.

Dạy học hợp tác trong môn giáo dục công dân thường phù hợp với những hoạt động đòi hỏi sự phối hợp giữa các học sinh để hoàn thành nhiệm vụ nhanh chóng hơn, hiệu quả hơn. Dạy học hợp tác thường được áp dụng để đi sâu, luyện tập, củng cố một chủ đề đã học hoặc cũng có thể tìm hiểu một chủ đề mới.

Khi sử dụng phương pháp dạy học hợp tác cần quy định rõ thời gian thảo luận nhóm và thời gian trình bày sản phẩm của mỗi nhóm. Trong khi các nhóm thảo luận, giáo viên chủ động quan sát, động viên, khích lệ, hướng dẫn học sinh tập trung thảo luận về chủ đề đã được phân công. Các nhóm học sinh cần thực hiện nhiệm vụ của mình, qua đó có thể rút ra các tri thức, kiến thức cần thiết cho mình.

#### **Ví dụ minh họa:**

Khi dạy bài 10 “Tự lập”, để làm rõ yêu cầu cần đạt về biểu hiện của tính tự lập trong học tập và sinh hoạt, giáo viên tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm.

+ Nhóm 1 + 2: Tìm những việc em có thể tự giải quyết trong nhiệm vụ học tập?

+ Nhóm 3 + 4: Tìm những việc em có thể tự giải quyết trong sinh hoạt hằng ngày?

Giáo viên giao nhiệm vụ cho từng nhóm. Các nhóm tự phân công nhau tìm kiếm những biểu hiện của tự lập trong học tập và sinh hoạt hằng ngày theo khả năng mỗi



cá nhân, thực hiện nhiệm vụ, hỗ trợ nhau trong quá trình thực hiện. Các nhóm trình bày trước lớp kết quả của nhóm mình, các nhóm khác nhận xét, góp ý, bổ sung.

Trong quá trình học sinh thảo luận, giáo viên đi vòng quanh lớp, hỗ trợ học sinh. Sau khi HS báo cáo kết quả, giáo viên kết luận về những biểu hiện tự lập trong học tập và sinh hoạt như:

<b>Biểu hiện của tự lập trong học tập</b>	<b>Biểu hiện của tự lập trong sinh hoạt</b>
- Tự mình làm bài tập, bài kiểm tra	- Tự chuẩn bị bữa sáng
- Tự mình tìm tài liệu học tập	- Tự quét dọn nhà cửa, giặt quần áo
- Học thuộc bài trước khi đến lớp	- Tự gấp chăn màn, quần áo
- Tự chuẩn bị sách vở, đồ dùng học tập trước khi đến lớp	- Tự mình hoàn thành mọi công việc
- Tự đi học...	- Tự mình vươn lên vượt qua khó khăn trong cuộc sống...

Như vậy, thông qua ví dụ trên giúp học sinh phát triển năng lực tìm hiểu, tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội, giúp học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào cuộc sống.

#### **IV. Kết luận**

Dạy học môn giáo dục công dân ở khối trung học cơ sở nói chung và môn giáo dục công dân lớp 8 nói riêng là quá trình truyền thụ những giá trị, chuẩn mực đạo đức, quy định pháp luật thành ý thức, hành vi đúng đắn để học sinh khối trung học cơ sở nói chung và học sinh lớp 8 nói riêng có cách ứng xử phù hợp với bản thân, gia đình, xã hội. Để đạt được mục tiêu đó cần phải có sự tham gia vào quá trình học một cách tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh. Để mỗi tiết học giáo dục công dân thật sự mang lại hiệu quả cao, mỗi giáo viên cần tích cực trau dồi, nâng cao trình độ chuyên môn, đồng thời tích cực đổi mới phương pháp dạy học để học sinh tích cực, chủ động tham gia vào quá trình dạy – học. Việc phối hợp nhiều phương pháp, nhiều hoạt động dạy học tăng hứng thú cho học sinh trong mỗi tiết học là rất quan trọng. Tuy nhiên, mỗi phương pháp đều có lợi thế và hạn chế nhất định nên mỗi giáo viên cần lựa chọn phương pháp dạy học thích hợp với từng nội dung bài học, kết hợp giữa truyền thụ kiến thức với các hoạt động tập thể ở lớp, ở trường cũng như phối hợp giáo dục giữa nhà trường – gia đình – cộng đồng để quá trình hình thành chuẩn mực đạo đức, ý thức chấp hành pháp luật đạt hiệu quả cao.

Trên đây là một số phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học môn giáo dục công dân theo định hướng phát triển năng lực cho học sinh khối 8 trường PTHCLC Nguyễn Tất Thành. Hy vọng bài viết sẽ góp một phần nhỏ

vào việc nâng cao hiệu quả dạy học môn GDCD ở khối THCS nói chung và khối 8 nói riêng của trường PTTHCLC Nguyễn Tất Thành.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Huỳnh Văn Sơn, Nguyễn Kim Hồng, Nguyễn Thị Diễm My (2017), *Phương pháp dạy học phát triển năng lực học sinh phổ thông*, NXB Đại học Sư phạm TPHCM
2. Thông tư 32/2018/TT – BGDDT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
3. Vũ Xuân Hùng (2012), *Dạy học hiện đại và nâng cao năng lực dạy cho giáo viên*, NXB Lao động xã hội.

### **LỰA CHỌN MỘT SỐ BÀI TẬP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ CHUYỀN BÓNG THẤP TAY (ĐỆM BÓNG) TRONG HỌC BÓNG CHUYÊN CHO SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM HÒA BÌNH**

**Vũ Thị Ánh Ngọc**  
**Tổ: LLCT - GDQPAN & GDTC**

#### **TÓM TẮT:**

*Để lựa chọn các bài tập phù hợp và đảm bảo sát với thực tế tập luyện của sinh viên. Chúng tôi tiến hành đánh giá, phân tích tổng hợp các thông tin thu thập được qua đọc và tham khảo tài liệu, qua quan sát thực trạng việc sử dụng các bài tập trong giảng dạy cũng như tập luyện kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (đệm bóng), thông qua phỏng vấn trực tiếp đồng thời qua các bài kiểm tra kỹ thuật đã giúp chúng tôi có được những ý kiến, kinh nghiệm từ giáo viên và sinh viên. Từ đó chúng tôi nghiên cứu lựa chọn các nhóm bài tập cho sinh viên tập luyện. Các bài tập mà chúng tôi lựa chọn rất sát thực và cụ thể có tính đến số lần, cự ly, thời gian, hiệu quả thực hiện. Đó là các bài tập củng cố, hoàn thiện kỹ thuật động tác, các bài tập phát triển thể lực chuyên môn, các bài tập rèn luyện tâm lý phù hợp với sinh viên và đặc thù của môn học bóng chuyền. Sau khi vận dụng một số bài tập nhằm nâng*

*cao hiệu quả chuyển bóng thấp tay (đệm bóng) trong học bóng chuyển cho sinh viên nhà trường cho thấy các bài tập mà chúng tôi lựa chọn và vận dụng vào thực tiễn giảng dạy đã thể hiện được tính khả thi và hiệu quả trong học bóng chuyển, khối lượng vận động được nâng lên rõ rệt, các bài tập đa dạng và phong phú hơn. Kết quả kiểm tra kỹ thuật chuyển bóng thấp tay của sinh viên được cải thiện hơn.*

## **1. ĐẶT VẤN ĐỀ:**

Trong xã hội hiện đại, sức khỏe được xem như một bộ phận cấu thành của nền văn hoá xã hội, nó là một mặt quan trọng của chất lượng cuộc sống, là nguồn tài sản quý báu của mỗi Quốc gia và là sản phẩm phản ánh một cách khách quan thành tựu của nhiều lĩnh vực khoa học. Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng công tác thể dục thể thao đối với thế hệ trẻ, coi đó là động lực quan trọng để đưa ra chính sách chăm sóc giáo dục, đào tạo thế hệ trẻ phát triển hài hoà về các mặt thể chất, tinh thần, trí tuệ, đạo đức. Coi thể dục thể thao là một trong những nhiệm vụ cách mạng, nhằm phát triển toàn diện khả năng tri thức và thể chất con người.

Giáo dục thể chất (GDTC) trong trường học có vị trí tiền đề trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo, là môn học bắt buộc trong mỗi nhà trường. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đưa vào chương trình môn học GDTC rất nhiều nội dung như: Thể dục, điền kinh, cầu lông, đá cầu, bơi, cờ vua, bóng rổ, bóng đá, bóng bàn, bóng chuyền... Các nội dung này khi đưa vào giờ học chính khóa đều được học sinh, sinh viên tham gia tập luyện và đã đem lại hiệu quả trong việc phát triển năng lực chung, năng lực chuyên môn, phát triển các tố chất thể lực, rèn luyện ý trí, đạo đức cho người học. Trong số các nội dung đó thì học bóng chuyền là nội dung phù hợp với lứa tuổi, giới tính, trình độ, đối tượng sinh viên chuyên nghiệp.

Bóng chuyền là nội dung luôn đòi hỏi người tập phải có thể lực chung và thể lực chuyên môn, đặc biệt cần có các kỹ thuật cơ bản như: Kỹ thuật phát bóng, kỹ thuật chuyền bóng, kỹ thuật đỡ bóng, kỹ thuật đập bóng và chắn bóng... Trong thi đấu bóng chuyền, một trong những hoạt động tổ chức phòng thủ cơ bản cốt lõi

để giành điểm cho trận đấu đó là chuyền bóng thấp tay. Chuyền bóng thấp tay được coi là mắt xích quan trọng trong chuỗi hoạt động thi đấu, chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) là kỹ thuật dùng chủ yếu để đỡ phát bóng, đỡ đập bóng và cứu các pha bóng, kỹ thuật này được thực hiện càng tốt thì hiệu suất thi đấu càng cao.

Việc giảng dạy kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) cho sinh viên nói chung và sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình nói riêng là nhiệm vụ cần thiết khi học bóng chuyền nhằm cung cấp cho sinh viên lượng kiến thức và trang bị khả năng thực hành đúng kỹ thuật. Tuy nhiên để giảng dạy cho sinh viên kỹ thuật chuyền bóng thấp tay đòi hỏi phải có một hệ thống các bài tập khoa học, phù hợp với trình độ của sinh viên. Nhưng trên tình hình thực tế giảng dạy hiện nay do phân phối chương trình phần GDTC 2 nội dung học bóng chuyền của sinh viên nhà trường chỉ thực hiện trong 15 tiết, với thời lượng hạn chế, thiết bị dụng cụ và điều kiện tập luyện còn thiếu, sinh viên gặp khó khăn trong quá trình tập luyện, nhiều em kết quả kiểm tra thấp chưa đạt yêu cầu như mong muốn. Từ đó cho thấy cần phải lựa chọn những bài tập phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả kỹ thuật chuyền bóng cho sinh viên. Xuất phát từ những vấn đề trên, chúng tôi tiến hành nghiên cứu:

***"Lựa chọn một số bài tập nhằm nâng cao hiệu quả chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) trong học bóng chuyền cho sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình"***

## **2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU:**

### **2.1. Các phương pháp nghiên cứu lý luận**

- Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu.

Chúng tôi đã đọc và tham khảo các tài liệu liên quan đến GDTC và kỹ thuật môn bóng chuyền, đặc biệt là kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (đệm bóng). Trên cơ sở đó phân tích, đánh giá, tổng hợp và tiếp thu một cách có chọn lọc các thông tin thu thập được để phục vụ cho việc nghiên cứu. Phương pháp này nhằm mục đích hệ thống hóa các kiến thức và xây dựng cơ sở lý luận cho vấn đề nghiên cứu. Đây là cơ

sở khoa học để chúng tôi lựa chọn và xác định bài tập nâng cao hiệu quả kỹ thuật chuyên bóng thấp tay trong học bóng chuyên cho sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình.

## **2.2. Các phương pháp nghiên cứu thực tiễn**

- Phương pháp quan sát sư phạm.

Chúng tôi tiến hành quan sát thực trạng việc sử dụng bài tập trong giảng dạy và tập luyện kỹ thuật chuyên bóng thấp tay (đệm bóng). Trên cơ sở đó tìm ra những ưu, khuyết điểm của việc sử dụng các bài tập, làm cơ sở để lựa chọn và ứng dụng bài tập sao cho phù hợp, nhằm nâng cao hiệu quả kỹ thuật chuyên bóng thấp tay trong học bóng chuyên cho sinh viên nhà trường.

- Phương pháp phỏng vấn trực tiếp.

Nhằm thu thập các thông tin, thông qua hình thức phỏng vấn trực tiếp giúp chúng tôi có được những ý kiến và kinh nghiệm từ giáo viên và sinh viên. Chúng tôi ghi lại kết quả trả lời, rút ra kết luận khách quan chính xác có chất lượng để lựa chọn các bài tập cho phù hợp với sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình.

## **3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU:**

**3.1. Lựa chọn một số bài tập nhằm nâng cao hiệu quả chuyên bóng thấp tay (đệm bóng) trong học bóng chuyên cho sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình.**

### **3.1.1. Mục đích sử dụng bài tập**

- Nhằm nâng cao sức khỏe, phát triển thể chất, nâng cao khả năng linh hoạt, khả năng phán đoán và sự tích cực, chủ động, sáng tạo của người tập.

- Hình thành và phát triển cảm giác của cẳng tay với bóng, đặc biệt là khả năng phản xạ với bóng khi học chuyên bóng thấp tay.

- Phát triển toàn diện cơ thể người tập, thúc đẩy sức mạnh của các nhóm cơ tham gia, đặc biệt là sự khéo léo trong phối hợp vận động.

- Phát triển năng lực chung, năng lực chuyên môn, phát triển các tố chất thể lực, rèn luyện tâm lý, ý trí, đạo đức cho người học.
- Các bài tập được lựa chọn đảm bảo tính khoa học và phù hợp với đối tượng người tập, nhằm nâng cao dần khả năng vận động và thành tích của sinh viên.
- Giúp cơ thể thích ứng dần với bài tập, với lượng vận động ngày càng cao.
- Dựa vào các đặc điểm cơ bắp, tố chất sẵn có của từng sinh viên mà áp dụng các bài tập cụ thể trong giảng dạy và tập luyện bóng chuyền.
- Tạo tâm lý ổn định, khắc phục sự lo lắng để đạt được hiệu quả tốt nhất.
- Giúp sinh viên có được kết quả kiểm tra đạt yêu cầu như mong muốn.

### **3.1.2. Căn cứ lựa chọn và xây dựng các bài tập nhằm nâng cao hiệu quả chuyên bóng thấp tay (đệm bóng) trong học bóng chuyền**

- Căn cứ vào mục đích, yêu cầu của chuyên bóng thấp tay: Để được những đường bóng nhanh, mạnh, thấp nên đòi hỏi phải có sự khéo léo, dứt điểm, chính xác, phù hợp với hướng và góc độ của tay, của bóng, nhất là độ ghì của tay để khống chế đường bóng nhằm đạt được ý định đệm, đỡ bóng và chuyền bóng đi.
- Căn cứ vào cấu trúc kỹ thuật động tác: Kỹ thuật là nhân tố quan trọng đứng ở vị trí trung tâm tác động qua lại và ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả chuyên bóng thấp tay.
- Căn cứ vào khả năng giảng dạy của giáo viên và trình độ tập luyện của mỗi sinh viên.
- Căn cứ vào các yếu tố:
  - + Sức khỏe của người tập, phương tiện tập, chương trình và điều kiện tập luyện.
  - + Đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi sinh viên trong hoạt động TĐTT.
  - + Bài tập phải được xây dựng hợp lý, cũng như phân chia tối ưu hoá lượng vận động của từng bài tập hoặc nhóm bài tập. Từ đó có thể đảm bảo phát triển cho sinh viên những tố chất vận động cần thiết.

- + Cường độ bài tập có thể đạt đến tốc độ giới hạn hoặc trên giới hạn.
- + Thời gian thực hiện một bài tập có thể kéo dài từ 3 - 5 phút.
- + Thời gian nghỉ giữa quãng phụ thuộc vào cường độ bài tập đề ra mà xây dựng quãng nghỉ hợp lí.
- + Đảm bảo nghỉ ngơi tích cực giúp cơ thể nhanh chóng hồi phục, cần thả lỏng thoải mái, tránh động tác gò bó.
- + Bài tập được xây dựng dựa trên trình độ thể lực cũng như điều kiện trang thiết bị tập luyện của sinh viên.
- + Kết quả của bài tập phụ thuộc vào mục đích, nhiệm vụ, yêu cầu mà giáo viên đề ra.
- + Các bài tập được lựa chọn phải đảm bảo về nguyên tắc và phương pháp trong giáo dục thể chất.

### **3.1.3. Một số bài tập cụ thể được vận dụng trong quá trình giảng dạy nội dung chuyên bóng thấp tay (đệm bóng) trong học bóng chuyên**

#### ***Nhóm 1: Các bài tập củng cố, hoàn thiện kỹ thuật động tác***

- Tại chỗ tập mô phỏng động tác đệm bóng thấp tay bằng hai tay sau đó tập với bóng, đệm bóng liên tục (tập cá nhân). Chú ý vị trí của chân và mức độ khụy gối, vị trí của thân người, của tay và hình tay.

- Người tập tự mình tung bóng lên cao rồi trở về tư thế chuẩn bị và thực hiện đệm bóng thấp tay.

- Từng người thực hiện chuyên bóng thấp tay (đệm bóng) vào tường, đứng cách tường 1,5m - 3m để thực hiện động tác.

- Tập theo cặp 2 người: Người tập đứng thành đôi đối diện nhau, cách nhau 3 - 4m. Một người tung bóng cao về phía trước mặt để cho người kia di chuyển thực hiện chuyên bóng thấp tay (đệm bóng bằng hai tay) trở lại. Có thể thay đổi tầm cao và hướng bóng tung để tăng dần độ khó.

- Tập theo nhóm 3 - 5 người, đứng vòng tròn thực hiện chuyền bóng thấp tay, một người đứng ở giữa lần lượt chuyền bóng thứ tự cho từng người và những người này nhanh chóng đệm bóng thấp tay trả lại cho người ở giữa vòng tròn.

- Tập phối hợp: Người tập đứng thành 2 hàng ngang, cách nhau 4 - 5m. Hai người thực hiện đệm bóng qua lại cho nhau ở các khoảng cách, tầm cao và tốc độ bóng khác nhau.

- Người tập đứng thành từng nhóm 3 người đệm bóng tùy ý, sang trái hoặc sang phải, không theo thứ tự quy định.

- Từng đôi vào sân thực hiện chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) ở các vị trí khác nhau trên sân bóng chuyền (Hai người đứng đối diện một người phát bóng qua lưới sang sân cho người kia di chuyển thực hiện đệm, đỡ bóng và chuyền bóng thấp tay cho nhau).

- Chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) liên tục với số lượng lần chuyền 10 quả, 15 quả, 20 quả.

### ***Nhóm 2: Các bài tập phát triển thể lực chuyên môn***

- Chống đẩy liên tục tính số lần trong 1 phút
- Nhảy dây đơn tốc độ nhanh nhất trong 1 phút, tính số lần
- Bài tập với tạ tay tính số lần trong 1 phút
- Di chuyển con thoi (soạc ngang 3 bước) nhặt chuyền bóng trong 1 phút, tính số lần
- Đứng tại chỗ ném bóng hai tay, thành tích tính bằng (m), (cm)
- Tập tung hát bóng bằng hai tay từng đôi cho nhau nhịp độ tối đa
- Tập đệm bóng thấp tay liên tục 20 quả (tính thời gian và hiệu quả)

### ***Nhóm 3: Các bài tập rèn luyện tâm lý***

- Bài tập thi đấu bóng chuyền
- Bài tập đệm bóng thấp tay tính điểm



## **3.2. Vận dụng phương pháp giảng dạy vào thực tiễn đối với nhóm các bài tập trên**

### **3.2.1. Giáo viên đưa ra những yêu cầu cụ thể cho sinh viên**

- Phải nhận biết rõ các cử động của động tác, các giai đoạn của kỹ thuật chuyên bóng thấp tay (từ tư thế chuẩn bị, động tác đưa tay lên, vị trí và hình tay khi chuyên bóng).
- Lần lượt thực hiện các cử động của động tác kỹ thuật theo một tuần tự hợp lí.
- Khi đã thực hiện được đầy đủ các động tác của kỹ thuật, sinh viên tiến hành thực hiện hoàn chỉnh kỹ thuật chuyên bóng thấp tay (đệm bóng). Chú ý để điều chỉnh hướng bóng, hai cẳng tay phải vuông góc với hướng bóng chuyên đi. Nếu bóng đến với lực nhẹ, vừa phải thì kết hợp với đạp chân, nâng nhanh tay để đẩy bóng đi. Nếu bóng đến với tốc độ nhanh, lực mạnh thì hạn chế nâng tay mà ghì tay để bóng bật đi theo ý muốn.
- Tập theo trình tự tập luyện để hoàn thiện kỹ thuật đệm bóng thấp tay: Đệm bóng đi theo các hướng khác nhau (ra trước, sang hai bên); Đệm bóng đi với khoảng cách khác nhau (dài, ngắn, vừa); Đệm bóng đi với tầm cao khác nhau (cao, trung bình, thấp); Đệm bóng đi với tốc độ khác nhau (chậm, vừa và nhanh).
- Tập luyện thành thực kỹ thuật sau đó chuyển sang hình thức thi đua đệm bóng thấp tay tính điểm giữa các nhóm tổ, kích thích tính tích cực, độc lập, sáng tạo, tự giải quyết nhiệm vụ vận động của sinh viên.
- Trong quá trình tập luyện, sinh viên cùng với giáo viên tìm tòi để phát hiện những sai lầm thường mắc và đưa ra hướng khắc phục, cách sửa chữa.
- Luôn chủ động, tích cực khi tiến hành tập luyện các bài tập phát triển thể lực chuyên môn, thực hiện hết lượng vận động mà giáo viên đề ra cho từng bài tập.

### **3.2.2. Xây dựng giờ dạy có vận dụng một số bài tập trên để nâng cao hiệu quả kỹ thuật chuyên bóng thấp tay cho sinh viên**

#### **TIẾN TRÌNH GIỜ DẠY**

***Nhiệm vụ 1:***

- Giới thiệu toàn bộ kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (đệm bóng), cho sinh viên quan sát tranh, ảnh động tác để dễ dàng hình dung kỹ thuật và hình thành biểu tượng chung về động tác được học.
- Tập các động tác hỗ trợ kỹ thuật đệm bóng thấp tay (không có bóng)
- Thực hiện các động tác hỗ trợ kỹ thuật đệm bóng thấp tay (có bóng)

***Nhiệm vụ 2:***

- Dạy tư thế chuẩn bị, động tác đưa tay lên, vị trí và hình tay cơ bản khi chuyền bóng đệm bóng.
- Dạy người tập tự mình tung bóng lên cao rồi trở về tư thế chuẩn bị và thực hiện đệm bóng thấp tay.
- Xác định góc độ của tay, vị trí của chân và mức độ khụy gối, vị trí của thân người, của tay và hình tay.
- Xác định đường đi, tốc độ bóng đến, xác định điểm rơi để đón đúng bóng phối hợp thực hiện đệm, đỡ bóng và chuyền bóng thấp tay.
- Thực hiện một số bài tập phát triển thể lực chuyên môn.

***Nhiệm vụ 3:***

- Thực hiện kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) với yêu cầu kỹ thuật thấp. Đệm bóng trong điều kiện tự nhiên, đệm bóng ở cự li khác nhau.
- Thực hiện chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) vào tường, đứng cách tường 1,5m - 3m để thực hiện động tác.
- Tập theo cặp: Người tập đứng thành đôi đối diện nhau, cách nhau 3 - 4m. Một người tung bóng cao về phía trước mặt để cho người kia di chuyển thực hiện chuyền bóng thấp tay (đệm bóng bằng hai tay) trở lại. Có thể thay đổi tầm cao và hướng bóng tung để tăng dần độ khó.
- Thực hiện một số bài tập phát triển thể lực chuyên môn.

***Nhiệm vụ 4:***

- Hoàn thiện kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) cho sinh viên
- Đệm bóng thấp tay vào đồng đội ở các điểm khác nhau trên sân
- Phối hợp từng đôi hai người thực hiện đệm bóng qua lại cho nhau ở các khoảng cách, tầm cao và tốc độ bóng khác nhau.
- Từng đôi vào sân thực hiện chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) ở các vị trí khác nhau trên sân bóng chuyền (Hai người đứng đối diện một người phát bóng qua lưới sang sân cho người kia di chuyển thực hiện đệm, đỡ bóng và chuyền bóng thấp tay cho nhau).
- Đệm bóng thấp tay liên tục với số lượng 10 quả, 15 quả, 20 quả.
- Thực hiện các bài tập rèn luyện tâm lý (Bài tập thi đấu bóng chuyền, Bài tập đệm bóng thấp tay tính điểm).

### **3.2.3. Những sai lầm thường mắc và cách sửa chữa khắc phục trong tập luyện kỹ thuật chuyền bóng thấp tay cho sinh viên**

#### **\* Sai lầm thường mắc:**

- Tư thế cơ bản sai: Chân đứng không đúng, hai chân không khụy ở khớp gối, hoặc hai chân khụy gối nhưng chưa đạt mức cần thiết, tư thế thân người chưa đúng (ngả nhiều về trước hoặc sau), hai tay chắp lệch nhau. không tận dụng triệt để được lực phối hợp của toàn thân khi chuyền bóng. Nguyên nhân là do sinh viên chưa nắm vững được yêu cầu của kỹ thuật.
- Tạo hình tay cơ bản sai: Khi tạo hình tay hai cánh tay để lệch nhau (tay cao tay thấp) cẳng tay không tạo thành mặt phẳng, nhất là khi đỡ bóng ở bên phải hoặc bên trái sẽ làm ảnh hưởng đến độ chuẩn xác khi đệm bóng đi. Nguyên nhân ban đầu là do sinh viên chưa chắp đúng hai tay, để hai tay lệch nhau, chưa nắm và ép chặt hai bàn tay vào nhau. Sinh viên chưa nắm vững được yêu cầu của kỹ thuật và luật chuyền bóng.

- Điểm tiếp xúc bóng sai: Khi chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) hai cẳng tay tiếp xúc bóng quá sát với bàn tay hoặc điểm tiếp xúc quá cao trên cánh tay làm ảnh hưởng đến lực chuyền bóng. Phần lớn chuyền bóng hỏng là do điểm tiếp xúc bóng sai. Nguyên nhân là do sinh viên chưa xác định được điểm tiếp xúc bóng, chưa có cảm giác đúng với bóng hoặc do thói quen tập luyện không cơ bản và chưa nắm được yêu cầu chuyền bóng.

- Lỗi khi di chuyển: Người tập không kịp di chuyển dẫn đến đón bóng chậm, sau khi di chuyển không dừng ngay để đệm bóng mà lại đệm bóng khi đang di chuyển. Không phối hợp nhịp nhàng các bộ phận của cơ thể để thực hiện kỹ thuật đặc biệt khi đệm bóng tay thả lỏng hoặc tay đánh bóng quá nhanh, quá mạnh không điều chỉnh được lực ở từng tình huống cụ thể. Nguyên nhân là do sinh viên chưa có kỹ thuật tốt, chưa chuẩn bị tốt nền tảng thể lực chuyên môn.

**\* Cách sửa chữa khắc phục:**

- Giáo viên giảng giải và làm mẫu lại nhiều lần kỹ thuật động tác, giúp sinh viên nắm vững những yêu cầu của kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (đệm bóng). Cần kết hợp phổ biến luật bóng chuyền cho sinh viên.

- Cho tập lặp đi lặp lại nhiều lần các bài tập mô phỏng kỹ thuật, các bài tập dẫn dắt dành cho các cá nhân giúp sinh viên ghi nhớ động tác. Biết phối hợp nhịp nhàng các bộ phận của cơ thể để thực hiện kỹ thuật, phối hợp theo thứ tự hợp lí các nhóm cơ chính tham gia vào động tác chuyền bóng thấp tay (cơ chân, cơ lưng, bụng, cơ cẳng tay, cơ cánh tay ...).

- Tập cá nhân chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) vào tường (đứng cách tường từ 1,5 – 3m để thực hiện đệm bóng).

- Tập tăng cường các bài tập phát triển thể lực chuyên môn.

**\* Cách tổ chức tập luyện:**

- Khi sử dụng các bài tập mô phỏng kỹ thuật có thể tổ chức cho sinh viên tập luyện theo đội hình hàng ngang để giáo viên dễ quan sát và sửa chữa kỹ thuật.
- Khi tập luyện đệm bóng vào tường cũng nên đứng theo đội hình hàng ngang đối diện cách tường 1,5 – 3m nhằm xây dựng cảm giác đúng.
- Khi hoàn thiện kỹ thuật nhất thiết phải tổ chức cho sinh viên được tập luyện chuyên bóng thấp tay trong sân bóng, để xác định rõ hướng cần chuyền bóng và cảm giác dùng lực đúng mức trong cách chuyền bóng thấp tay (đệm bóng).
- Tổ chức tập luyện chuyên bóng thấp tay trong sân bóng, cần tổ chức theo cặp để phục vụ lẫn nhau (Hai người đứng đối diện một người phát bóng qua lưới sang sân cho người kia di chuyển thực hiện đệm, đỡ bóng và chuyền bóng thấp tay cho nhau), đồng thời cần xác định các vị trí trên sân mà sinh viên phải chuyền bóng.

#### **4. KẾT LUẬN:**

Qua kết quả nghiên cứu của bài viết, cho phép rút ra kết luận sau:

- Việc giảng dạy kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) trong học bóng chuyền cho sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình cũng đã được chú trọng thực hiện đầy đủ nội dung theo phân phối chương trình, song chưa mang tính toàn diện, liên tục mà chỉ được thực hiện đơn điệu trong các giờ học bắt buộc của môn học Giáo dục thể chất 2, cho nên khối lượng vận động và các bài tập đưa ra cho sinh viên thực hiện ở mức độ còn thấp chưa đa dạng chưa thực sự phát huy hết khả năng vận động của sinh viên.

- Từ những vấn đề đã nêu, dựa trên cơ sở khoa học và bằng kinh nghiệm giảng dạy lâu năm, chúng tôi đã nghiên cứu lựa chọn một số bài tập nhằm nâng cao hiệu quả chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) trong học bóng chuyền cho sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình. Kết quả cho thấy các bài tập mà chúng tôi lựa chọn và vận dụng vào thực tiễn giảng dạy đã thể hiện được tính khả thi và hiệu quả của nó trong học bóng chuyền, đặc biệt là nội dung đệm bóng thấp tay, khối lượng vận

động được nâng lên rõ rệt, các bài tập đa dạng và phong phú hơn. Ngoài ra sinh viên còn nhận thức tốt về nội dung môn học, có ý thức rèn luyện thể lực nâng cao sức khỏe, chủ động tham gia các hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa, rất nhiều sinh viên có thành tích tốt đã tham gia thi đấu giải bóng chuyền sinh viên do nhà trường tổ chức và đạt giải cao. Như vậy các bài tập mà chúng tôi lựa chọn hoàn toàn phù hợp với sinh viên nhà trường trong quá trình học giáo dục thể chất 2 nói chung và môn bóng chuyền nói riêng.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Chương trình giáo dục thể chất trong các trường Cao đẳng - Đại học (Ban hành theo quyết định 203/QĐ-TĐT, của Bộ giáo dục và Đào tạo)
2. Quy chế Đào tạo hệ Cao đẳng - Đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, 2014 của Bộ giáo dục và Đào tạo
3. Hướng dẫn thực hiện theo hệ thống tín chỉ, 2017 của trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình
4. Nguyễn Hữu Hùng, 2001. *Huấn luyện thể lực cho vận động viên bóng chuyền*. NXB Thể dục Thể thao Hà Nội
5. Nguyễn Việt Minh (Chủ biên) - Hồ Đắc Sơn, 2003. *Giáo trình bóng chuyền*. NXB Đại học Sư phạm Hà Nội
6. Nguyễn Quang, 2001. *Hướng dẫn tập luyện và thi đấu bóng chuyền*. NXB Thể dục Thể thao Hà Nội
7. Đồng Văn Triệu - Lê Anh Thơ, 2000. *Lý luận và phương pháp GDTC trong trường học*. NXB Thể dục Thể thao Hà Nội
8. Nguyễn Toán - Phạm Danh Tồn, 2000. *Lý luận và phương pháp TĐT*. NXB Thể dục Thể thao Hà Nội
9. Bùi Trọng Toại - Lâm Quang Thành, 2002. *Tính chu kỳ trong huấn luyện thể thao*. NXB Thể dục Thể thao Hà Nội.

**PHẢN BÁC QUAN ĐIỂM THẮNG LỢI CỦA  
CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 LÀ DO  
“ĂN MAY” VÌ CÓ “KHOẢNG TRỐNG QUYỀN LỰC” KHI GIẢNG DẠY  
CHƯƠNG II MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG VIỆT NAM CHO SINH  
VIÊN CAO ĐẲNG SƯ PHẠM HOÀ BÌNH**

*ThS Nguyễn Phương Quỳnh*

*Tổ LLCT- QPAN \$ GDTC*

*Email: Nguyenquynhbb1969@gmail.com*

***Tóm tắt***

*Bài viết đã nêu rõ sự cần thiết và lý giải trên cơ sở những luận cứ khoa học về giá trị, ý nghĩa của cách mạng tháng Tám 1945 và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong 15 năm để đi đến thắng lợi của cách mạng tháng Tám 1945. Phản bác quan điểm cho rằng thắng lợi của cách mạng tháng Tám là do sự “ăn may” do có “khoảng trống quyền lực”. Từ đó, khẳng định thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945 là thành quả của sự chuẩn bị công phu, lâu dài, của sự đấu tranh kiên cường gian khổ, hy sinh; của sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo kiên định, sáng suốt của Đảng, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, Mặt trận Việt Minh. Đưa đến nhận thức đúng đắn, chính xác cho sinh viên về giá trị, ý nghĩa của cách mạng tháng Tám và vai trò lãnh đạo đúng đắn, tài tình của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thắng lợi của cách mạng tháng Tám 1945.*

***I. Đặt vấn đề***

Mùa xuân năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, 15 năm sau, năm 1945, Đảng lãnh đạo nhân dân giành thắng lợi trong cách mạng tháng Tám, đưa đến sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Tuy nhiên, những năm gần đây, xuất hiện quan điểm cho rằng thắng lợi của cách mạng tháng Tám là do sự “ăn may”, do có “khoảng trống quyền lực”... Từ đó có những nhìn nhận chưa đúng về giá trị, ý nghĩa của cách mạng tháng Tám, về vai trò lãnh đạo của Đảng. Là giáo viên giảng dạy môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường cao đẳng sư

phạm Hoà Bình, khi giảng dạy chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền 1930-1945, đặc biệt phần C: Kết quả ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của cách mạng tháng Tám 1945, bản thân tôi nhận thấy sự cần thiết phải làm rõ cho sinh viên nhận thức đúng giá trị, ý nghĩa của cách mạng tháng Tám và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương trong thắng lợi của cách mạng tháng Tám. Từ đó, khẳng định đường lối đúng đắn, vai trò, vị trí lãnh đạo duy nhất không thể thay thế của Đảng Cộng sản đối với cách mạng Việt Nam.

## **II. Phương pháp nghiên cứu**

Để giải quyết vấn đề trên, tác giả đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

### **1. Phương pháp khái quát và phân tích các tài liệu**

- Tác giả đã tìm đọc các tài liệu, chất lọc, tổng hợp, phân tích những tri thức cần thiết có liên quan tới vấn đề mà tác giả đang nghiên cứu. Từ đó, khái quát, tổng hợp theo logic của bài viết.

### **2. Phương pháp tổng hợp, phân tích các tài liệu**

- Tác giả đã tìm hiểu các trang mạng xã hội đã được nhận diện là những trang mạng xã hội chống phá sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhà nước ta. Tìm hiểu những luận điệu xuyên tạc nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa của cách mạng tháng Tám và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương trong các bài viết của các trang phản động đó. Từ đó, tìm kiếm tài liệu lịch sử của các học giả trong và ngoài nước viết về cách mạng tháng Tám 1945 để phản bác những luận điệu xuyên tạc trên.

## **III. Kết quả và bàn luận**

*1.1. Về vấn đề “khoảng trống quyền lực” và cách mạng tháng Tám năm 1945 là sự “ăn may”.*

Về vấn đề *khoảng trống quyền lực (chân không quyền lực)* trong cách mạng tháng Tám năm 1945, nhà nghiên cứu lịch sử, nhà Việt Nam học người Na uy Stein Tonesson đã có nhiều công trình nghiên cứu về cách mạng Việt Nam, trong đó cuốn *Cách mạng Việt Nam năm 1945- Rudoven, Hồ Chí Minh và Đờ Gôn trong một thế*



*giới chiến tranh* xuất bản năm 1991 là một công trình nghiên cứu khá công phu về cách mạng tháng Tám năm 1945. Cuốn sách chỉ ra “Cách mạng Việt Nam quan trọng không phải chỉ thuần túy trong bối cảnh của Việt Nam. Tuyên ngôn độc lập năm 1945 của Việt Nam nằm trong những nguồn cảm hứng chủ yếu của một đường lối đấu tranh lớn khác sau chiến tranh: đó là quá trình phi thực dân hoá. Trong các cuộc cách mạng cộng sản, cách mạng của những người Việt Nam nổi lên như là một trong những cuộc cách mạng có sức sống và làm đảo lộn nhiều nhất” [1; 425-426]. Cùng với đó, Stein Tonesson cũng đề cập nhiều tới vấn đề “*chân không quyền lực*” như là một nguyên nhân quan trọng, chủ yếu đưa cách mạng tháng Tám đến thắng lợi cuối cùng.

Lời giới thiệu của cuốn sách viết: Mục đích của công trình nghiên cứu này là... một cuộc thăm dò có hệ thống các nguyên nhân của cách mạng, cuộc thăm dò sẽ đi theo hai hướng chính, mỗi hướng sẽ đi theo một trong hai đường dây chủ yếu: một dẫn tới tình trạng *chân không quyền lực*; một dẫn tới việc giành quyền lực. Trong đó nhấn mạnh tình trạng *chân không quyền lực* có thể được mô tả cụ thể hơn là “... sự vắng mặt của người Pháp và quân Đồng minh, sự thiếu quyết đoán của người Nhật trong việc duy trì sự cai trị cho đến khi quân Đồng minh tới, và sự bất lực của giới quan lại cùng chính quyền của họ trong việc tự phục vụ quyền lợi của họ” [1; 412], đồng thời khẳng định “khoảng trống quyền lực sau sự đầu hàng của Nhật ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn... là chủ yếu trong bất cứ sự giải thích nào về cách mạng Việt Nam” [1;412]. Vì thế, từ việc tạo ra khoảng trống quyền lực các cường quốc đã làm đảo lộn toàn bộ tình hình và đã “mời” Việt Minh giành chính quyền” [415].

Bên cạnh đó, một số nhà nghiên cứu như William. J. Duiker, Huỳnh Kim Khánh, Vũ Ngự Chiêu... ở những khía cạnh, mức độ nhất định đều thể hiện sự thừa nhận có một khoảng trống chính trị (khoảng trống quyền lực) và vai trò của nó đối

với thắng lợi của Đảng Cộng sản Đông Dương và Việt Minh trong cách mạng tháng Tám năm 1945.

Thực chất vấn đề khoảng trống quyền lực mà Stein Tonesson đề cập đến và luận điệu cho rằng thắng lợi của cách mạng tháng Tám là một sự *ăn may* đã được thực tiễn lịch sử lý giải như sau:

Một là, nhận định của một số nhà nghiên cứu nước ngoài, trong nước thừa nhận có tồn tại *khoảng trống quyền lực* như: William. J. Duiker cũng đã nêu lên sự tồn tại, vai trò của “khoảng trống chính trị” đó là: “*Cần phải nhớ rằng cuộc Cách mạng tháng Tám đã đạt được thành tựu vĩ đại như vậy và thắng lợi của những người Cộng sản là có sự đóng góp ở mức độ không nhỏ của những hoàn cảnh ngẫu nhiên. Sự tan rã nhanh chóng của chính phủ ở cả các khu vực thành thị và nông thôn đi đôi với sự trì hoãn đổ bộ của các lực lượng chiếm đóng của Đồng Minh sau khi Nhật Bản đầu hàng đã tạo ra một khoảng trống chính trị ở tất cả các đầu mối quyền lực*” [2; 100]. Từ đó, William. J. Duiker khẳng định rõ: “*Nhưng chỉ riêng các điều kiện khách quan thì không làm nên một cuộc cách mạng, và ở đây công lao thuộc về những người Cộng sản. Họ đã có thể chớp lấy thời cơ được mở ra vô cùng thuận lợi vào lúc kết thúc cuộc Chiến tranh Thái Bình Dương. Ở các xứ thuộc địa khác, khoảng trống có thể được lấp đầy bởi lực lượng dân tộc chủ nghĩa không Cộng sản. Nhưng ở Việt Nam, các phần tử dân tộc chủ nghĩa đã không thể đứng lên chấp nhận thách thức... Chỉ có Đảng Cộng sản Đông Dương sở hữu ý thức về sự kịp thời và thấu hiểu được sự tinh tế có tính chiến lược của hoàn cảnh để vùng lên đúng lúc. Điểm cuối cùng này mới là quan trọng*” [2;101]. Trong nghiên cứu của mình, Huỳnh Kim Khánh cũng thừa nhận khoảng trống chính trị xuất hiện ngay sau khi Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945), nhưng cũng nêu rõ: “*Xem xét lại, hoàn cảnh ngẫu nhiên và năng lực các mạng đã đóng những vai trò quan trọng như nhau trong thắng lợi của những người Cộng sản Việt Nam*” [3; 334]. Hay Vũ Ngự Chiêu, người công khai thể hiện quan điểm không mấy thiện chí với Cộng sản, Việt Minh cũng thừa nhận:

*“Thắng lợi của Việt Minh vào tháng Tám năm 1945 là một sự kiện phi thường, trong đó cả ‘điều kiện thuận lợi’ và năng lực của những người lãnh đạo Đảng Cộng sản Đông Dương trong việc khai thác những yếu tố thuận lợi đều có tính quyết định”* [4;438].

Hai là, khoảng trống quyền lực mà Stein Tonesson đề cập tới chính là muốn đề cập đến sự thống trị của chính quyền thực dân tại Việt Nam. Song thực tế lịch sử diễn ra cho thấy ngay sau khi Nhật đảo chính Pháp ngày 9/3/1945, Pháp hoàn toàn thất bại nhưng ngay lập tức, Nhật đã thay Pháp cai trị Việt Nam. Bên cạnh đó, còn chính quyền của chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim (gồm 10 bộ). Như đánh giá của nhà văn, nhà báo người Mỹ Lady Borton, khi trao đổi với các nhà nghiên cứu Việt Nam tại Hội thảo khoa học quốc tế “Di sản Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay” diễn ra tại Hà Nội vào tháng 5/2010: “Khi nhân dân Việt Nam nổi dậy giành chính quyền, các lực lượng chính trị và quân sự tại đây vẫn còn nguyên và tiếp tục những cố gắng của mình” [5; 331]. Bởi thực tế là cho tới khi Nhật Hoàng tuyên bố đầu hàng Đồng minh thì quân Nhật ở Việt Nam vẫn chưa nhận được lệnh đầu hàng và họ vẫn duy trì quyền kiểm soát trật tự, an ninh. Ông Lê Trọng Nghĩa cho hay: “Phải đến ngày 21, tập đoàn quân 38 của Nhật với hơn một vạn quân đóng giữ vùng quanh Hà Nội, mới nhận được lệnh ngừng bắn. Vì vậy, trước đó, trong những ngày 17, 18, 19, quân đội Nhật vẫn có đủ lý do để nổ súng can thiệp, hoặc để tự vệ, hoặc để giữ an ninh... mà họ chịu trách nhiệm cho đến khi quân đội Đồng minh đến tiếp quản” [6; 65]. Ngoài ra chưa kể tới việc phía Nhật cũng đã thực hiện một cuộc “dàn xếp thoả hiệp” vẫn cho người vào gặp Bảo Đại, và Trần Trọng Kim với ý định: *“Quân đội Nhật còn trách nhiệm giữ trật tự cho đến khi quân Đồng Minh đến thay”* và *“nếu Chính phủ Việt Nam công nhiên có lời mời quân Nhật giúp, quân Nhật có thể giữ trật tự.”* [ 6; 93-94]. Tuy nhiên, nhận thấy tình hình là không thể cứu vãn nên Bảo Đại và Trần Trọng Kim đã khước từ lời đề nghị của quân Nhật.

Như vậy, các nghiên cứu trên đề cập tới vấn đề “khoảng trống quyền lực”, nhưng không nhất quán, khi thì khẳng định đó là nhân tố trung tâm để luận giải về thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945, khi khác lại phủ nhận điều đó. Đó là chiêu bài chống phá Đảng của các thế lực thù địch, phản động nhằm gây rối loạn tư tưởng của nhân dân.

*1.2. Sự cần thiết phải giảng dạy cho sinh viên nhận thức đúng đắn nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa của cách mạng tháng Tám 1945.*

Thời gian gần đây các thế lực thù địch đẩy mạnh chiến lược “diễn biến hòa bình” với cấp độ ngày càng gay gắt, quyết liệt, hòng làm gây rối loạn về tư tưởng, sử dụng các trang mạng xã hội có độ phát tán nhanh, số lượng lớn người dân sử dụng như Facebook, YouTube, Tiktok,... để truyền bá các quan điểm sai trái, tung tin xuyên tạc đường lối của Đảng. Theo số liệu thống kê cuối năm 2019, các thế lực thù địch đã triệt để lợi dụng các phương tiện thông tin đại chúng để tuyên truyền, kích động, xuyên tạc, sử dụng khoảng 50 đài phát thanh truyền hình, gần 400 tờ báo, tạp chí tiếng Việt (trong đó có 10 tờ nội dung rất phản động, 66 nhà xuất bản để tuyên truyền, chống phá cách mạng Việt Nam). Mục đích của chúng là chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng, nhằm làm lung lạc niềm tin của nhân dân vào Đảng, vào chế độ.

Chúng ra sức tuyên truyền xuyên tạc nhằm phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đẩy mạnh hoạt động xuyên tạc lịch sử. Đặc biệt chúng chủ trương hướng tới thế hệ trẻ, trong đó, học sinh- sinh viên rất được chúng coi trọng. Vì vậy, giáo dục thế hệ trẻ, cụ thể là học sinh- sinh viên nhận thức rõ về vai trò, sứ mệnh lãnh đạo của Đảng, về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch là nhiệm vụ của các giảng viên dạy các môn Lý luận chính trị trong các nhà trường cao đẳng, đại học hiện nay.

Ngày 22-10-2018, Bộ chính trị khóa XII ban hành nghị quyết 35-NQ-TW về “Tăng cường, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm

sai trái, thù địch trong tình hình mới. Theo tinh thần của Nghị quyết, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, trong đó có lực lượng nòng cốt nhất là những người làm công tác giảng dạy Chủ nghĩa Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh đang trực tiếp đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch trên mọi bình diện để bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa.

Gần đây, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan cùng những cách tiếp cận, nhìn nhận, đánh giá các sự kiện lịch sử khác nhau, đã xuất hiện những luận điệu dựa vào quan điểm của Stein Tonesson, của các nhà nghiên cứu khác về *khoảng trống quyền lực* để đánh giá thiếu toàn diện, thiếu khách quan về giá trị thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, cho rằng thắng lợi năm 1945 chỉ là một sự “ăn may”. Tiếp nối như những cánh tay dài của những luận điệu trên, các thế lực thù địch với Việt Nam cũng triệt để lợi dụng internet, mạng xã hội để chống phá Việt Nam trên nhiều lĩnh vực. Dưới chiêu bài tìm hiểu, phân tích lịch sử, trên mạng xã hội cũng xuất hiện những bài viết cho rằng cách mạng tháng Tám chỉ là sự ăn may của Việt Minh, sự nổi dậy của những người dân bị chết đói, thậm chí là việc phá kho thóc của giặc Nhật bị cho rằng đó là hành vi cướp bóc, nổi loạn, vô chính phủ của người dân... Trong khi đó, với sự tham gia, truy cập mạng xã hội ngày càng đông đảo và phổ biến của người dân Việt Nam nói chung, học sinh- sinh viên nói riêng, nếu không có những kiến thức đúng đắn, khoa học, chắc chắn về lịch sử, các em rất dễ bị những luận điệu xuyên tạc đó ảnh hưởng xấu. Từ đó có cách nhìn sai lệch, không đúng về cách mạng tháng Tám và vai trò lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trường cao đẳng sư phạm Hoà Bình hiện nay làm nhiệm vụ đào tạo sinh viên chính quy chuyên ngành giáo dục mầm non. Với tuổi đời rất trẻ, vừa tốt nghiệp trung học phổ thông, đa số là con em các dân tộc miền núi trong tỉnh hay tỉnh bạn. Với nền tảng kiến thức ở mức độ khá, các em chưa thực sự có bản lĩnh chính trị vững

vàng, kiên định trước những quan điểm, luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực và tổ chức thù địch với cách mạng Việt Nam. Vì vậy, trách nhiệm của người giảng viên khi giảng dạy kiến thức chương II, môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam cho sinh viên là phải làm cho sinh viên hiểu đúng, nhận thức đúng nguyên nhân thắng lợi, giá trị và ý nghĩa của cách mạng tháng Tám 1945. Đấu tranh chống lại những quan điểm xuyên tạc, phủ nhận vai trò lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc đã làm nên thắng lợi của cách mạng tháng Tám 1945.

*2. Thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945 là thành quả của sự chuẩn bị công phu, lâu dài, của sự đấu tranh kiên cường gian khổ, hy sinh; của sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo kiên định, sáng suốt của Đảng, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, Mặt trận Việt Minh; không phải là một sự “ăn may” hay do có “khoảng trống quyền lực”.*

Cách mạng tháng Tám năm 1945 diễn ra trong bối cảnh quân đội Nhật vẫn còn lực lượng rất mạnh, số lượng tới khoảng 90.000 quân chính quy. Đến ngày 16/8/1945, khi quân Cách mạng tiến đánh Thái Nguyên, quân Nhật vẫn kiên quyết kháng cự cho tới khi Hà Nội giành được chính quyền và quân Nhật ở Thái Nguyên nhận được lệnh ngừng bắn, lực lượng Nhật ở đây mới ngừng kháng cự. Tại Hà Nội, các ngày 17, 18/8/1945, vẫn có xe tăng, các đơn vị quân Nhật bố trí ở nhiều vị trí trung tâm thành phố sẵn sàng nổ súng, gây nên tình hình căng thẳng và khó khăn cho quân cách mạng.

Thực tế Đảng đã trải qua 15 năm lãnh đạo quần chúng nhân dân xây dựng thực lực, chuẩn bị mọi mặt cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Đó là:

Chuẩn bị lực lượng, đây là một quá trình chuẩn bị lâu dài bắt đầu từ sau Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (11-1939) và được đẩy mạnh từ sau Hội nghị Trung ương 8 (5-1941). Đặc biệt từ sau ngày 9/3/1945 khi xảy ra sự kiện Nhật đảo chính Pháp, cũng là thời điểm được cho là xuất hiện *khoảng trống quyền lực*. Ngay sau ngày

9/3/1945, ngày 12/3/1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”, trong đó xác định rõ: Sau cuộc đảo chính này, đế quốc phát xít Nhật là kẻ thù chính, kẻ thù cụ thể, trước mắt, duy nhất của nhân dân Đông Dương; chỉ rõ điều kiện khởi nghĩa chưa chín muồi nhưng phải phát động một cao trào kháng Nhật, cứu nước mạnh mẽ, làm tiền đề cho cuộc Tổng khởi nghĩa. Cao trào ấy có thể bao gồm từ hình thức cao như biểu tình, thị uy võ trang, du kích. Sẵn sàng chuyển qua hình thức Tổng khởi nghĩa một khi đã đủ điều kiện... Đồng thời, ngay bây giờ phát động du kích, chiếm căn cứ địa, duy trì và mở rộng chiến tranh du kích phải là phương pháp duy nhất của dân tộc ta để đóng vai trò chủ động trong việc đánh đuổi quân cướp nước Nhật Bản ra khỏi nước, chuẩn bị hưởng ứng quân Đồng minh một cách tích cực... Nếu giặc Nhật mất nước như Pháp năm 1940, quân đội viễn chinh của Nhật mất tinh thần thì khi ấy, dù quân Đồng minh chưa đổ bộ, cuộc Tổng khởi nghĩa của ta vẫn có thể bùng nổ và thắng lợi. Chỉ thị là một Văn kiện lịch sử, phù hợp tình hình thực tiễn, trong đó Đảng đã chỉ đạo hành động chuẩn bị mọi mặt lực lượng, đón thời cơ khởi nghĩa một cách tích cực, chủ động. Nhờ đó, các căn cứ địa, chiến khu cách mạng được mở rộng, xuất hiện các xã, châu hoàn toàn Việt Minh, trước khi Tổng khởi nghĩa diễn ra, chúng ta đã có khu giải phóng Việt Bắc rộng lớn với 10 chính sách của Mặt trận Việt Minh. Hàng loạt các đơn vị, tổ chức vũ trang Cứu quốc quân, Việt Nam Giải phóng quân, tự vệ, du kích hỗ trợ và làm nòng cốt cho đấu tranh chính trị của quần chúng; chiến tranh du kích, Mặt trận Việt Minh phát triển mạnh mẽ với các đoàn thể cứu quốc... Đó là những điều kiện góp phần quan trọng tạo ra thời cơ cách mạng, tình thế cách mạng trực tiếp góp phần vào thắng lợi của Tổng khởi nghĩa, không phải chỉ có điều kiện khách quan đem đến. Ngoài ra, Đảng đã chủ trương và kịp thời triển khai, thực hiện hiệu quả được chủ trương tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế, lực lượng Đồng minh chống phát xít Nhật.

Như vậy, từ sau Hội nghị Trung ương 8, Đảng đã chủ động lãnh đạo nhân dân xây dựng lực lượng vũ trang, lực lượng chính trị, căn cứ địa... chuẩn bị nội lực để đủ sức đón bắt, làm chủ được thời cơ khi nó xuất hiện để giành thắng lợi cuối cùng.

Bên cạnh đó, cần nói đến khả năng đánh giá, nhận định thời cơ của Đảng, lãnh tụ Hồ Chí Minh trong Cách mạng Tháng Tám. Trước những chuyển biến mau lẹ của chiến tranh thế giới thứ hai, lãnh tụ Hồ Chí Minh đã thể hiện rõ quyết tâm sắt đá với đồng chí Võ Nguyên Giáp là “dù có phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải quyết giành cho được độc lập dân tộc” [7; 27]. Đó cũng là quyết tâm, ý chí của cả dân tộc Việt Nam. Trong những ngày thu đầu tháng Tám với hàng loạt các sự kiện liên tiếp diễn ra: Chính phủ Mỹ quyết định ném hai quả bom nguyên tử xuống Hirôshima (6/8) và Nagasaki (9/8) của Nhật Bản làm chết hơn 140.000 người dân nhằm răn đe cả thế giới và đánh sục ý chí chiến tranh của Nhật. Liên Xô tuyên chiến với phát xít Nhật (9/8), nhanh chóng đánh bại đạo quân chủ lực Quan Đông, dẫn tới việc Nhật Hoàng phải tuyên bố đầu hàng Đồng minh (15/8)... Hồ Chí Minh đã chỉ đạo “Nên họp ngay, và cũng không nên kéo dài hội nghị. Chúng ta cần tranh thủ từng giây, từng phút, tình hình sẽ biến chuyển nhanh chóng. Không thể để lỡ cơ hội” [7; 30]. Vì thế, tối ngày 12-8-1945, lệnh Tổng khởi nghĩa được ban hành. Ngày 13-8-1945, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh thành lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc. 23 giờ ngày 13-8-1945, Ủy ban Khởi nghĩa ra Lệnh khởi nghĩa (Quân lệnh số 1). Tiếp đó, ngày 14-8-1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng khai mạc tại Tân Trào, Sơn Dương, Tuyên Quang, thống nhất nhận định những điều kiện khởi nghĩa đã chín muồi. Toàn dân đang sục sôi khí thế đợi giờ khởi nghĩa để giành quyền độc lập... Ngay sau đó, ngày 16-8-1945, Đại hội quốc dân diễn ra tại Tân Trào, thống nhất sau khi giành được độc lập dân tộc sẽ thi hành 10 chính sách của Việt Minh; bầu Ủy ban Dân tộc giải phóng và sau chuyển thành Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng (Hồ Chí Minh làm Chủ tịch; Trần Huy Liệu phó Chủ tịch...); định Quốc kỳ, Quốc ca của nước Việt Nam mới...



Đó là quyết tâm, tầm nhìn vượt trội của lãnh tụ Hồ Chí Minh, bản lĩnh, trí tuệ của Đảng.

Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 diễn ra nhanh chóng, trong một thời gian ngắn, chỉ khoảng 2 tuần lễ đã giành thắng lợi trong cả nước, là thành quả của sự hội tụ các yếu tố thiên thời, địa lợi, nhân hoà, nhưng điểm mấu chốt là ta đã chuẩn bị, tạo được một sức mạnh nội lực thực sự để đủ khả năng đón nhận, nắm bắt được thời cơ thuận lợi khi nó xuất hiện để giành chiến thắng. Bởi ở thời điểm chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, các nước thuộc địa của chủ nghĩa thực dân, đế quốc trên thế giới, cụ thể là ở Châu Á - Thái Bình Dương, khu vực Đông Nam Á đều có chung điều kiện khách quan thuận lợi, thời cơ rõ rệt là chủ nghĩa phát xít bị đánh bại để khởi nghĩa giành chính quyền, chứ không phải chỉ Việt Nam, Mặt trận Việt Minh mới có cơ hội ấy. Đồng thời tại Việt Nam khi đó cũng có rất nhiều các lực lượng, đảng phái khác nhau. Song hiếm có quốc gia nào lại chớp được thời cơ như Đảng Cộng sản và nhân dân Việt Nam. Thế nên đó là thành quả của một quá trình chuẩn bị kỹ lưỡng mọi mặt từ rất lâu với bao hy sinh, mất mát, đánh đổi cả bằng xương máu của lớp lớp các thế hệ người Việt Nam kiên cường, anh dũng chứ không phải là một thắng lợi ngẫu nhiên như một sự “ăn may” hay nhờ có một khoảng trống quyền lực nào đó mang lại.

*3. Vận dụng sự phản bác quan điểm thắng lợi của cách mạng tháng Tám là do sự “ăn may” có “khoảng trống quyền lực” vào việc giảng dạy chương II môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.*

Với thực tiễn của lịch sử cách mạng Việt Nam từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo cách mạng Việt Nam, nhất là đường lối và sự chỉ đạo quyết liệt của Đảng Cộng sản Đông Dương trong thực tiễn thời kỳ 1939-1945. Đây chính là những căn cứ khoa học khách quan và đánh thép nhất khẳng định những luận điệu cho rằng thắng lợi của cách mạng tháng Tám là do sự “ăn may” có “khoảng trống quyền lực” là sai trái, cố tình hạ thấp giá trị của cách mạng tháng Tám và vai trò lãnh

đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Vì thế, khi giảng dạy chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), giảng viên phải làm rõ đường lối đấu tranh của Đảng qua từng thời kỳ, nhất là thời kỳ từ 1941-1945. Phải làm cho sinh viên nhận thức đúng, sâu sắc những nguyên nhân thắng lợi của cách mạng tháng Tám 1945. Đó là:

Cách mạng tháng Tám nổ ra trong bối cảnh quốc tế rất thuận lợi: kẻ thù trực tiếp của nhân dân ta là phát xít Nhật đã bị Liên Xô và các lực lượng dân chủ thế giới đánh bại. Bọn Nhật ở Đông Dương và tay sai tan rã. Đây chỉ là một trong những nguyên nhân dẫn đến thắng lợi của cách mạng tháng Tám và không phải là nguyên nhân quyết định như một số quan điểm sai trái, cho rằng cách mạng tháng Tám thắng lợi là do “ăn may” vì có “khoảng trống quyền lực”.

Nguyên nhân có ý nghĩa quyết định thắng lợi của cách mạng tháng Tám là do Đảng ta đã nhận định đúng và chớp được thời cơ đó, phát động toàn dân nổi dậy Tổng khởi nghĩa giành thắng lợi nhanh chóng. Đó là kết quả tổng hợp của 15 năm đấu tranh gian khổ của toàn dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của đảng Cộng sản, đã được rèn luyện qua ba cao trào cách mạng rộng lớn (1930 – 1931; 1936 – 1939; 1939 – 1945). Quân chúng cách mạng được Đảng tổ chức, lãnh đạo và rèn luyện bằng thực tiễn đấu tranh đã trở thành lực lượng chính trị hùng hậu, có lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt.

Cách mạng tháng Tám thành công là do Đảng ta đã chuẩn bị được lực lượng vĩ đại của toàn dân đoàn kết trong Mặt trận Việt Minh, dựa trên cơ sở liên minh công nông, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Đảng ta là người tổ chức và lãnh đạo cuộc cách mạng tháng Tám. Đảng có đường lối cách mạng đúng đắn, dày dặn kinh nghiệm đấu tranh, đoàn kết thống nhất, nắm đúng thời cơ, chỉ đạo kiên quyết, khôn khéo, biết tạo nên sức mạnh tổng hợp để áp đảo kẻ thù và quyết tâm lãnh đạo quần chúng khởi nghĩa giành chính quyền.

Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố chủ yếu nhất quyết định thắng lợi của cách mạng tháng Tám 1945” [ 8; 72-73].

Đánh giá ý nghĩa của cách mạng tháng Tám, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Chẳng những giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác có thể tự hào rằng: lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc” [ 8; 72].

Khi tổ chức cho sinh viên thảo luận, giáo viên nêu vấn đề về một số quan điểm xuyên tạc về nguyên nhân thắng lợi của cách mạng tháng Tám, trong đó có quan điểm cho rằng cách mạng tháng Tám thắng lợi là do sự “ăn may” khi có “khoảng trống về quyền lực”. Yêu cầu sinh viên suy nghĩ, thảo luận nhóm và trình bày ý kiến về vấn đề trên. Khi sinh viên đã có được kiến thức về quá trình diễn biến của cách mạng tháng Tám trong 15 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Đông Dương, về những nguyên nhân thắng lợi của cách mạng tháng Tám, các em đã có được nhận thức đúng đắn về thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945 là thành quả của sự chuẩn bị công phu, lâu dài, của sự đấu tranh kiên cường gian khổ, hy sinh; của sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo kiên định, sáng suốt của Đảng, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, Mặt trận Việt Minh; không phải là một sự “ăn may” hay do có “khoảng trống quyền lực”.

#### **IV. Kết luận**

Quan điểm cho rằng cách mạng tháng Tám năm 1945 của Việt Nam là một sự “ăn may” do có “khoảng trống quyền lực” là một quan điểm sai trái, không có căn cứ lịch sử. Đó là sự cố tình xuyên tạc lịch sử để phủ nhận vai trò lãnh đạo của đảng Cộng sản Đông Dương và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc vùng lên Tổng khởi nghĩa dưới sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng. Giảng dạy chương II môn đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhiệm vụ của người giáo viên là phải làm rõ nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa và giá trị của cách

mạng tháng Tám 1945, từ đó cùng sinh viên phản bác lại quan điểm sai trái trên một cách thuyết phục

Hơn bao giờ hết, trong sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa hôm nay, việc giáo dục cho thế hệ trẻ, ( nhất là học sinh, sinh viên) nhận thức đúng đắn về lịch sử dân tộc nói chung, về quá trình lãnh đạo và vai trò lãnh đạo duy nhất không thể thay thế của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam từ khi Đảng ra đời đến nay là vô cùng cần thiết. Giá trị, ý nghĩa, bài học từ cách mạng tháng Tám đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Cũng như thắng lợi của cách mạng tháng Tám là thành quả của dân tộc Việt Nam kiên cường chiến đấu hy sinh gian khổ, của bản lĩnh, trí tuệ, sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, Mặt trận Việt Minh, lãnh tụ Hồ Chí Minh. Nắm chắc tri thức cơ bản của môn học nhưng mỗi giảng viên cũng cần thường xuyên cập nhật những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn để kịp thời xử lý, bảo đảm sinh viên nhận thức tri thức đúng đắn, chính xác trên cơ sở của khoa học và lịch sử.

### **Tài liệu tham khảo**

[1] Stein Tonesson : *Cách mạng Việt Nam năm 1945- Rudoven, Hồ Chí Minh và Đờ Gôn trong một thế giới chiến tranh* xuất bản năm 1991.

[2] DuiKen William J: *Con đường của sức mạnh Việt Nam*

[3] Huỳnh Kim Khánh, *Vietnamese Communism, 1925 – 1945*, Cornell University Press, Ithaca, New York, 1982.

[4] Vũ Ngự Chiêu, *Political and Social Change in Vietnam between 1940 – 1946*, Ph.D dissertation, The University of Wisconsin, Madison, 1984.

[5] Ngô Vương Anh, *67 năm Cách mạng tháng Tám: Về khoảng “chân không chính trị” tháng 8/1945*, Báo Thanh Niên điện tử, ngày 20/8/2012. Link: <https://thanhnien.vn/van-hoa/67-nam-cach-mang-thang-8-ve-khoang-chan-khong-chinh-tri-thang-8-1945-58042.html>.

- [6]. Trần Trọng Kim, *Một cơn gió bụi*, Nxb. Vĩnh Sơn, Sài Gòn, 1969.
- [7] Đầu nguồn, *Hồi ký về Bác Hồ*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1975
8. Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, HN 2019.
9. Giáo trình Lịch sử Đảng, NXB Chính trị quốc gia, HN 1999.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2000, tập 7.

**MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY  
ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG  
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG  
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

**Tác giả:** Thạc sĩ Trần Lê Quân

**Email:** tranlequan.cdsp@hoabinh.edu.vn

**ĐT:** 0983.532.118

***Tóm tắt:***

*Bài viết trình bày những kinh nghiệm của tác giả đã tích lũy được qua quá trình giảng dạy Chương V - Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong môn Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam thuộc trình độ đào tạo cao đẳng. Trên cơ sở tổng kết thực trạng giảng dạy của bản thân, tiếp thu ý kiến của đồng nghiệp, tác giả nêu lên những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân và đưa ra một số biện pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy Chương V - Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong môn Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam ở trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình những năm học tiếp theo.*

**I. Đặt vấn đề:**

Từ năm học 2009 - 2010, các trường đại học, cao đẳng thực hiện chương trình các môn lý luận chính (Ban hành theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). Theo đó, chương trình các môn lý luận chính trị gồm có chương trình của ba môn học là Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng

của Đảng cộng sản Việt Nam. Môn học Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam là một trong các môn lý luận chính trị cơ bản có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống cho sinh viên. Bởi vì, đường lối cách mạng của Đảng được đề ra trên cơ sở vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam. Người học không chỉ được trang bị kiến thức khoa học mà còn được giáo dục kỹ năng vận dụng kiến thức đã được trang bị vào thực tiễn, hình thành và phát triển những phẩm chất cần thiết của con người Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới.

Tuy nhiên, do đặc điểm, tính chất, nội dung của môn học cũng như trình độ, năng lực của giảng viên nên việc giảng dạy và học tập môn học Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam ở trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình gặp rất nhiều khó khăn, nhất là từ khi thực hiện Nghị quyết hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 8, khóa XI, ngày 4 tháng 11 năm 2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Vì vậy, trong bài viết này, tác giả trình bày một số kinh nghiệm giảng dạy đã tích lũy được qua quá trình giảng dạy Chương V - Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong môn Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam để đồng chí, đồng nghiệp cùng trao đổi, rút kinh nghiệm nhằm góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy môn học này ở trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình.

## **II. Phương pháp nghiên cứu:**

- Phương pháp chủ yếu được sử dụng để nghiên cứu trong bài viết này là tổng kết thực tiễn : Tổng kết kinh nghiệm thực tiễn giảng dạy môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam của bản thân và đồng nghiệp.

- Các phương pháp khác được sử dụng như phân tích và tổng hợp, các phương pháp nhận thức khoa học khác: Phân tích và tổng hợp các thông tin thu thập được để rút ra kết luận và phát hiện cái mới của vấn đề nghiên cứu.

## **III. Kết quả nghiên cứu và bàn luận:**

Tác giả đã khái quát được thực trạng việc giảng dạy Chương V - Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nêu lên những kết quả đã đạt được, chỉ ra những hạn chế và nguyên nhân. Trên cơ sở đó, đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy Chương V - Đường lối xây dựng nền

kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong những năm học tới ở trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình.

## **1. Thực trạng việc giảng dạy Chương V - Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình.**

### ***1.1. Những kết quả đạt được trong việc giảng dạy Chương V - Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.***

#### ***1.1.1. Về thực hiện giảng dạy nội dung Chương V - Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.***

Thực hiện đầy đủ những nội dung cơ bản của Chương V - Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bao gồm “I. Quá trình đổi mới nhận thức của Đảng về kinh tế thị trường”[1 ; 13] và “II. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”[1 ; 14]. Ngoài những nội dung cơ bản của chương trình, giảng viên đã cập nhật những nội dung mới theo các Nghị quyết Đại hội và Hội nghị Trung ương của Đảng, đồng thời gắn với việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

- Về nội dung “I. Quá trình đổi mới nhận thức của Đảng về kinh tế thị trường”, đã khái quát được yêu cầu khách quan phải đổi mới nhận thức, đổi mới tư duy về cơ chế vận hành của nền kinh tế, từ cơ chế kế hoạch hóa, tập trung quan liêu, bao cấp sang cơ chế mới (sau này gọi là cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa); những nhận thức mới của Đảng về kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường được hình thành từ Đại hội VI – tháng 12 năm 1986 được bổ sung, phát triển hoàn thiện qua các nhiệm kỳ đại hội tiếp theo của Đảng.

Trên cơ sở làm rõ đặc điểm, kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân hạn chế của quá trình thực hiện cơ chế kế hoạch tập trung quan liêu, bao cấp, giảng viên giúp sinh viên thấy được nhu cầu thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội những năm 80 của thế kỷ XX và yêu cầu phải đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Từ các chủ trương, chính sách đổi mới từng phần của Đảng và Nhà nước những năm 1979 - 1985 và những chuyển biến tích cực của nền kinh tế cho thấy nhu cầu phải đổi mới triệt để cơ chế kế hoạch tập trung quan liêu, bao cấp, xây dựng cơ chế mới phù hợp với quy luật khách quan và với trình độ phát triển của nền kinh tế. Đại hội đại biểu toàn quốc

lần thứ VI của Đảng (tháng 12 năm 1986) đã xác định cơ chế mới về quản lý kinh tế có hai đặc trưng, đó là : “Tính kế hoạch là đặc trưng số một của cơ chế quản lý kinh tế ngay từ buổi đầu của thời kỳ quá độ” ; “Sử dụng đúng đắn quan hệ hàng hoá - tiền tệ là đặc trưng thứ hai của cơ chế mới về quản lý kinh tế mà chúng ta đang xây dựng” [3]

Ngoài những nội dung cơ bản được quy định trong chương trình môn học, đã cập nhật những nội dung mới trong tư duy của Đảng về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từ Đại hội XI đến Đại hội XIII.

- Đại hội XI của Đảng (01/2011) xác định:

+ Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

+ Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cơ chế thị trường phải được vận dụng đầy đủ, linh hoạt để phát huy mạnh mẽ và có hiệu quả mọi nguồn lực nhằm phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân, khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá đói, giảm nghèo, tăng cường đồng thuận xã hội để thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

+ Phát triển kinh tế thị trường, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, đồng thời giữ vững, tăng cường tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế. Phát triển kinh tế đi đôi với phát triển văn hoá, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách.

- Đại hội XII của Đảng (01/2016): Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh"

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam có quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nhiều hình



thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế; các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật.

- Đại hội XIII của Đảng (1/2021):

+ Báo cáo Chính trị nêu rõ nội hàm của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: “Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó: kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác không ngừng được củng cố, phát triển; kinh tế tư nhân là động lực quan trọng; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ngày càng được khuyến khích phát triển phù hợp với chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội”[4] .

+ Một điểm mới nổi bật chính trong nhận thức của Đảng tại Đại hội XIII về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là đã bổ sung thêm nhân tố xã hội. Nội dung xã hội được hiện ở chỗ: các tổ chức xã hội có vai trò tạo sự liên kết, phối hợp hoạt động, giải quyết những vấn đề phát sinh giữa các thành viên; đại diện và bảo vệ lợi ích của các thành viên trong quan hệ với các chủ thể, đối tác khác, cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho các thành viên; phản ánh nguyện vọng, lợi ích của các tầng lớp nhân dân với nhà nước và tham gia phản biện luật pháp, cơ chế, chính sách của Nhà nước, giám sát cơ quan và đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước trong việc thực thi pháp luật.

- Về nội dung “II. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”, ngoài những nội dung cơ bản của chương trình môn học, giảng viên đã cập nhật những nội dung mới trong các văn kiện của Đảng về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa như Nghị quyết số 11-NQ/TW, Nghị quyết hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về hoàn thiện thể chế

kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (ngày 03 tháng 6 năm 2017) ; Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (tháng 01 năm 2021).

+ Theo Nghị quyết hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (ngày 03 tháng 6 năm 2017), những nội dung mới được cập nhật vào bài giảng bao gồm :

Một là, về mục tiêu hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đã bổ sung thêm mục tiêu đến năm 2030 là “Hoàn thiện đồng bộ và vận hành có hiệu quả thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta”[5]

Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội XIII của Đảng, về định hướng phát triển đất nước, Đảng đã xác định : “Hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường thuận lợi để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy đầu tư, sản xuất kinh doanh”[5]

Hai là, những quan điểm hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Nghị quyết 21-NQ/TW, Nghị quyết Trung ương 6, khóa X ngày 30/01/2008 được điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện theo Nghị quyết số 11-NQ/TW, Nghị quyết Trung ương 5, khóa XII như sau :

(1) Xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một nhiệm vụ chiến lược, là khâu đột phá quan trọng, tạo động lực để phát triển nhanh và bền vững; đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

(2) Nhận thức đầy đủ, tôn trọng và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, thông lệ quốc tế, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với điều kiện phát triển của đất nước trong từng giai đoạn. Bảo đảm tính đồng bộ giữa các bộ phận cấu thành của thể chế kinh tế. Gắn kết hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hoá, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

(3) Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là quá trình phát triển liên tục; kế thừa có chọn lọc thành tựu phát triển kinh tế thị trường

của nhân loại và kinh nghiệm tổng kết từ thực tiễn đổi mới ở nước ta; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời bảo đảm giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

(4) Hoàn thiện thể chế kinh tế đi đôi với hoàn thiện thể chế chính trị mà trọng tâm là đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy và cán bộ. Có bước đi phù hợp, vững chắc, vừa làm vừa tổng kết, rút kinh nghiệm để tiếp tục hoàn thiện. Xác định rõ và thực hiện đúng vị trí, vai trò, chức năng và mối quan hệ của Nhà nước, thị trường và xã hội phù hợp với kinh tế thị trường; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; tăng cường và giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng.

(5) Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ quan trọng, vừa cấp bách vừa lâu dài của cả hệ thống chính trị. Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội trong quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ba là, về chủ trương và giải pháp hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trên cơ sở 5 chủ trương và giải pháp mà Nghị quyết số 21-NQ/TW, Nghị quyết Trung ương 6, khóa X về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Nghị quyết số 11-NQ/TW, Nghị quyết Trung ương 5, khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cụ thể hóa, bổ sung và phát triển thành 7 nhiệm vụ và giải pháp sau đây :

1- Thống nhất nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

2- Tiếp tục hoàn thiện thể chế về sở hữu, phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp.

3- Hoàn thiện thể chế phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường.

4- Hoàn thiện thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với bảo đảm phát triển bền vững, tiến bộ và công bằng xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

5- Hoàn thiện thể chế đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế.

6- Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, vai trò xây dựng và thực hiện thể chế kinh tế của Nhà nước; phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

7- Một số nhiệm vụ cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện.

+ Đại hội XIII của Đảng vẫn tiếp tục khẳng định những chủ trương và giải pháp nói trên, đồng thời nhấn mạnh một số chủ trương và giải pháp quan trọng trong những năm tới, đó là “Thống nhất và nâng cao nhận thức về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”; “Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn”; “Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ; nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế”[6].

*1.1.2. Về phương pháp giảng dạy Chương V - Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.*

Phương pháp giảng dạy Chương V - Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của giảng viên đã có những đổi mới quan trọng theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8, khóa XI, ngày 4 tháng 11 năm 2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

- Các phương pháp giảng dạy Chương V - Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được sử dụng có sự kết hợp nhiều phương pháp, cả phương pháp truyền thống và hiện đại : phương pháp logic và lịch sử, thuyết trình, nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận... Trong quá trình giảng dạy, bản thân tác giả đã có những cải tiến việc sử dụng các phương pháp giảng dạy theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8, khóa XI, ngày 4 tháng 11 năm 2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Đó là "Chuyên mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học" [7]. Theo đó, một số phương pháp truyền thống như trước đây thường sử dụng nhiều như thuyết trình, đàm thoại thì nay vẫn được sử dụng nhưng thời gian sử dụng những phương pháp này giảm đi nhiều so với trước. Các phương pháp được tăng cường sử dụng nhiều hơn như phương pháp lịch sử và logic, nêu và giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm, kể chuyện, trực quan.

Phương pháp thuyết trình thường được sử dụng để giới thiệu bài học, những nội dung cơ bản cần học tập, nghiên cứu, yêu cầu và nhiệm vụ mà người học phải

thực hiện và đối với những nội dung khó. Đồng thời, nó được sử dụng kết hợp với các phương pháp khác.

Phương pháp lịch sử và logic là phương pháp chủ đạo khi giảng dạy đường lối cách mạng của Đảng nói chung và giảng dạy đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nói riêng. Phương pháp này được sử dụng khi phân tích những nội dung cơ bản của đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm làm rõ những cơ sở lý luận và thực tiễn của quá trình hình thành, bổ sung, phát triển đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa qua các giai đoạn lịch sử.

Các phương pháp nêu và giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm, kể chuyện, trực quan được sử dụng kết hợp với phương pháp thuyết trình, phương pháp lịch sử và logic phù hợp với từng nội dung giảng dạy cụ thể nhằm phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm của từng phương pháp.

- Ngoài các phương pháp kể trên, bản thân tác giả còn sử dụng một số phương pháp khác như phương pháp hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu; phương pháp hướng dẫn sinh viên sưu tầm và đọc một số tài liệu liên quan đến nội dung học tập đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Phương pháp hướng dẫn sinh viên tự học được sử dụng để sinh viên tự học một số nội dung không phải là trọng tâm mà sinh viên có thể tự đọc và hiểu qua giáo trình và tài liệu tham khảo.

Phương pháp hướng dẫn sinh viên sưu tầm và đọc một số tài liệu liên quan đến nội dung học tập đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thường được sử dụng đối với những nội dung cần mở rộng, phát triển thêm nhằm làm cho nội dung bài học tăng tính thuyết phục, tính thực tiễn.

### *1.1.3. Về kết quả học tập của sinh viên*

Qua quan sát quá trình học tập của sinh viên cho thấy, các giờ học về Chương V - Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, sinh viên có hứng thú học tập hơn, không khí trong các buổi học sôi động hơn, không còn tình trạng thông tin một chiều, khắc phục dần tính thụ động của sinh viên trong quá trình lĩnh hội kiến thức. Đồng thời, khơi dậy tính chủ động, sáng tạo, tự giác của sinh viên trong học tập.

Các giờ học về Chương V - Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã giúp cho sinh viên biết tự thể hiện mình và hợp tác với các bạn, tích cực trong việc giải quyết vấn đề, hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập mà giảng viên giao cho. Đó là những biểu hiện về phẩm chất và năng lực được hình thành và phát triển ở sinh viên như phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, năng lực tự học, tự hoàn thiện, năng lực hợp tác, năng lực sáng tạo.

Thông qua các sản phẩm hoạt động của sinh viên như kết quả thảo luận, giải quyết vấn đề, các bài khảo sát về những nội dung cơ bản đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cho thấy, hơn 90% sinh viên hiểu rõ nội dung kiến thức bài học và có kỹ năng vận dụng tốt.

Những kết quả đạt được nói trên là do nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân chủ yếu là do giảng viên có tinh thần trách nhiệm cao đối với nghề nghiệp, không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ giảng dạy. Bản thân có sự đầu tư thích đáng để nghiên cứu đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy theo quan điểm đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo của Đảng.

Mặt khác, bản thân có nhiều năm giảng dạy đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam nên đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong việc giảng dạy môn học.

Ngoài ra, thực tiễn công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là thực tiễn đổi mới đất nước đạt được những thành tựu to lớn tạo điều kiện thuận lợi cho việc giảng dạy đường lối cách mạng của Đảng nói chung và đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nói riêng, thực hiện tốt nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, học đi đôi với hành.

## ***1.2. Những hạn chế trong việc giảng dạy đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa***

*1.2.1. Về thực hiện nội dung giảng dạy đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.*

- Một số nội dung của đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thời kỳ đổi mới có sự thay đổi theo thời gian nhưng chưa được giảng viên nghiên cứu đầy đủ, kịp thời. Chẳng hạn, khi giảng dạy về chủ trương

“Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn”[6] của Đại hội XIII, có một số khái niệm mới như “chuyển đổi số”, phát triển “kinh tế số”..., giảng viên chưa nghiên cứu đầy đủ.

- Chưa cập nhật kịp thời những thông tin, số liệu về kết quả thực hiện đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từ sau Đại hội XIII.

*1.2.2. Về đổi mới phương pháp giảng dạy đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.*

Trong quá trình giảng dạy đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bản thân đã có những đổi mới về phương pháp giảng dạy. Tuy nhiên, việc đổi mới phương pháp giảng dạy theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8, khóa XI, ngày 4 tháng 11 năm 2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo chưa mạnh mẽ và hiệu quả chưa cao. Việc giảng dạy một số nội dung đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vẫn còn nặng về phương pháp truyền thống.

*1.2.3. Về kết quả học tập của sinh viên*

Một số sinh viên chưa có kỹ năng tự học tự nghiên cứu, sưu tầm và đọc những tài liệu có liên quan đến nội dung học tập, ý thức học tập chưa cao. Năng lực hợp tác nhóm, giải quyết vấn đề của một số sinh viên còn hạn chế.

Những hạn chế nói trên do nhiều nguyên nhân, trong đó có một số nguyên nhân chủ yếu sau đây :

Một là, do môn học đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó có đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một trong các môn lý luận chính trị rất khó. Nội dung môn học dựa trên cơ sở kiến thức của 3 môn học là Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Để giảng dạy tốt môn học này, đòi hỏi cả người dạy và người học phải có những kiến thức cơ bản, cần thiết của 3 môn học nói trên trong đó môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là quan trọng nhất. Đường lối cách mạng của Đảng chính là những nội dung cốt lõi của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Là giảng viên không có chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam hoặc chuyên ngành Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam thì việc giảng dạy đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam nói chung và

đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nói riêng sẽ gặp nhiều khó khăn.

Hai là, do đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được Đảng ta đề ra và bổ sung, phát triển qua các thời kỳ, giai đoạn cách mạng, cho nên nội dung giảng dạy về đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cũng cần được đổi mới, cập nhật. Điều đó đòi hỏi giảng viên, người dạy phải có năng lực nghiên cứu khoa học, đồng thời phải có sự đầu tư nhiều thời gian hơn so với các môn học khác mới có thể cập nhật được những nội dung mới để đưa vào bài giảng.

Ba là, do việc đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8, khóa XI, ngày 4 tháng 11 năm 2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo hướng là chuyển từ việc trang bị kiến thức là chủ yếu sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học chưa được nghiên cứu đầy đủ để vận dụng vào môn học này. Kể từ khi Nghị quyết về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo của Đảng được ban hành đến nay đã được 9 năm nhưng chưa có đề tài nghiên cứu khoa học hoặc sáng kiến kinh nghiệm, giải pháp khoa học về đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam theo hướng phát triển (hay tiếp cận) năng lực và phẩm chất người học. Vì vậy, quan điểm giảng dạy của các giảng viên lý luận chính trị còn có sự khác nhau, làm cho việc học hỏi, tiếp thu và vận dụng kinh nghiệm giảng dạy của đồng chí, đồng nghiệp cũng bị hạn chế.

## **2. Một số biện pháp nâng cao chất lượng giảng dạy đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.**

### ***2.1. Tăng cường nghiên cứu các văn kiện của Đảng có nội dung về xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.***

Đường lối cách mạng của Đảng được Đảng ta đề ra thông qua các Đại hội, Hội nghị của Ban chấp hành Trung ương, các Hội nghị của Bộ Chính trị... Nó được thể hiện dưới những hình thức văn bản của Đảng như Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận, các bài diễn văn khai mạc, bế mạc tại các kỳ Đại hội, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương... gọi chung là các văn kiện của Đảng. Giảng dạy đường lối xây dựng nền kinh



tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải nghiên cứu các văn kiện của Đảng có nội dung về xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Để đổi mới, phát triển nội dung giảng dạy về đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đòi hỏi phải nghiên cứu những văn kiện Đảng sau đây:

- Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12/1976).
- Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 23/6/1980 về cải tiến công tác phân phối, lưu thông (Tài chính, tiền tệ, giá cả, tiền lương, thương nghiệp và quản lý thị trường)
- Chỉ thị số 100-CT/TW, ngày 13/01/1981 về “cải tiến công tác khoán, mở rộng “khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động” trong hợp tác xã nông nghiệp”
- Nghị quyết số 18 - NQ/TW, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa V) ngày 12/07/1984 về những nhiệm vụ cấp bách trong công tác cải tiến quản lý kinh tế.
- Nghị quyết số 25-NQ/TW, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 (khóa V), ngày 17/6/1985 về giá - lương - tiền.
- Nghị quyết số 21-NQ/TW, Nghị quyết Trung ương 6 (khóa X), ngày 30/01/2008 về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Nghị quyết số 11-NQ/TW, Nghị quyết Trung ương 5 (khóa XII), ngày 03/06/2017 về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Các văn kiện Đại hội của Đảng từ Đại hội IV đến Đại hội XIII. Trong đó, cần chú trọng nghiên cứu các văn kiện Đại hội XIII.

## ***2.2. Tiếp tục nghiên cứu đổi mới phương pháp giảng dạy đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo hướng chuyển từ việc trang bị kiến thức là chủ yếu sang phát triển năng lực và phẩm chất người học***

Đổi mới phương pháp giảng dạy là một trong những yếu tố quyết định đến việc nâng cao chất lượng giảng dạy giáo dục. Quan điểm của Đảng về đổi mới giáo dục và đào tạo theo hướng chuyển từ việc trang bị kiến thức là chủ yếu sang phát

triển năng lực và phẩm chất người học là một quan điểm đúng đắn, khoa học nhằm đáp ứng mục tiêu của giáo dục và đào tạo Việt Nam.

Để đổi mới phương pháp giảng dạy đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo hướng chuyển từ việc trang bị kiến thức là chủ yếu sang phát triển năng lực và phẩm chất người học đòi hỏi người dạy phải nghiên cứu, nắm vững các quan điểm chỉ đạo, nhiệm vụ và giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8, khóa XI, ngày 04 tháng 11 năm 2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Trên cơ sở nắm vững và quán triệt những quan điểm chỉ đạo nói trên, nghiên cứu và vận dụng vào đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo hướng chuyển từ việc trang bị kiến thức là chủ yếu sang phát triển năng lực và phẩm chất người học. Thực chất của quá trình này chính là giảm bớt nội dung về kiến thức, tăng cường những nội dung thực hành, vận dụng vào thực tiễn. Qua đó mà hình thành, phát triển năng lực và phẩm chất người học theo mục tiêu giáo dục và đào tạo đã xác định.

Đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy đồng thời phải gắn liền với việc đổi mới phương pháp đánh giá kết quả học tập của sinh viên, bởi vì kết quả học tập của sinh viên chính là thước đo kết quả giảng dạy của giảng viên. Đổi mới phương pháp đánh giá kết quả học tập của sinh viên phải đáp ứng được yêu cầu đánh giá toàn diện về phẩm chất và năng lực mà sinh viên đạt được. Hiện nay, vấn đề này đòi hỏi phải tiếp tục nghiên cứu.

## **V. KẾT LUẬN**

Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một bộ phận quan trọng trong đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được Đảng ta xác định là mô hình kinh tế tổng quát trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Mô hình kinh tế này cho phép khai thác và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, tiềm năng và lợi thế của đất nước để phát triển nhanh và bền vững, góp phần quyết định vào việc thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh, đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Song yếu tố có ý nghĩa quyết định xây dựng thành công nền kinh tế thị

trường định hướng xã hội chủ nghĩa là sự lãnh đạo của Đảng với đường lối đúng đắn, khoa học, phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam. Vì vậy, đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cần được giáo dục, tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trong nhân dân. Việc giảng dạy đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong các trường cao đẳng cần được quan tâm, nâng cao chất lượng hơn nữa để góp phần thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Để nâng cao chất lượng giảng dạy đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cần phải tiếp tục đổi mới về nội dung, phương pháp cũng như đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

Tuy nhiên, việc đổi mới căn bản về nội dung, phương pháp giảng dạy cũng như đánh giá kết quả học tập của sinh viên về đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn gặp nhiều khó khăn, nhiều vấn đề phải tiếp tục nghiên cứu. Trong bài viết này, tác giả đã trình bày một cách khái quát thực trạng giảng dạy chương V - Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong môn Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam ở trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình, nêu lên những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra một số biện pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong môn đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam những năm học tiếp theo. Đó là những kinh nghiệm của tác giả đã tích lũy được qua quá trình giảng dạy môn đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (Ban hành theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*
2. *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà nội, 2009.

3. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-vi/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-v-trinh-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-vi-cua-1491>

4. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xiii/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xii-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-xiii-cua-3734>

5. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/hoi-nghi-bch-trung-uong/khoa-xii/nghi-quyet-so-11-nqtw-ngay-362017-hoi-nghi-lan-thu-nam-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xii-ve-hoan-thien-the-che-kinh-561>

6. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xiii/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xii-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-xiii-cua-3734>

7. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/hoi-nghi-bch-trung-uong/khoa-xi/nghi-quyet-so-29-nqtw-ngay-4112013-hoi-nghi-lan-thu-8-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xi-ve-doi-moi-can-ban-toan-584>

8. Văn kiện Đảng toàn tập, tập 41. NXB Chính trị Quốc gia, Hà nội, 2005.

## SỬ DỤNG BÀI CHANTS VÀ SONGS NÂNG CAO HIỆU QUẢ HỌC TỪ VỰNG CHO HỌC SINH KHỐI 2, MÔN TIẾNG ANH TRƯỜNG PTTH CLC NGUYỄN TẮT THÀNH

Nguyễn Thị Hồng Thu  
Trưởng Phổ Thông thực hành CLC Nguyễn Tất Thành

### **Tóm tắt:**

*Dạy và học tiếng Anh cho học sinh nhỏ tuổi nhìn chung đang là xu thế trên toàn quốc. Đối với học sinh khối lớp 2 tại trường Phổ Thông thực hành CLC Nguyễn Tất Thành, giờ học Tiếng Anh là một trong những giờ học vui vẻ, và sôi nổi. Tuy nhiên do những đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi mà khả năng ghi nhớ từ vựng của học sinh*

*còn hạn chế, thời lượng học tiếng Anh ở trường chỉ có hai tiết trên tuần. Ngoài ra việc hỗ trợ người học ở nhà chưa thực sự được chú trọng, nhiều phụ huynh chưa nhận thức tầm quan trọng của việc cho người học tiếp xúc thường xuyên với tiếng Anh. Bên cạnh đó thiết bị như máy chiếu để phục vụ cho hoạt động dạy học vẫn còn là điều mà giáo viên băn khoăn. Những khó khăn trên cần được từng bước khắc phục. Dựa vào những đặc điểm lứa tuổi người học nhỏ tuổi – thích hát, múa, vỗ tay theo nhịp, lắng nghe theo nhạc- mà bài viết này đã đi sâu vào các biện pháp sử dụng các bài chants (bài vè) và songs (bài hát) để thu hút học sinh vào hoạt động học. Từ đó tăng cường sự tiếp xúc giữa ngôn ngữ và người học, góp phần nâng cao khả năng ghi nhớ từ vựng cho người học nhỏ tuổi thông qua nhịp điệu, và kết nối cảm xúc.*

**Từ khóa:** dạy tiếng Anh, người học nhỏ tuổi, chants, song.

### **1. Đặt vấn đề**

Tiếng Anh là một ngôn ngữ được sử dụng chính thức trong hầu hết các lĩnh vực của đời sống hiện nay. Việc dạy tiếng Anh cho độ tuổi học sinh nhỏ ngày càng phổ biến và chứng minh được tính thực tiễn của học thuyết về giáo dục sớm. Một trong các thuyết được kiểm chứng rộng rãi rằng việc học ngôn ngữ thứ hai nên được thực hiện ở giai đoạn vàng trong cuộc đời của một đứa trẻ là trước 18 tuổi. Giai đoạn này sẽ giúp người học tiếp thu ngôn ngữ dễ dàng hơn.

Ở Việt Nam, việc dạy tiếng Anh cho người học trẻ, teaching English to younger learners (TEYL) kể từ 2008 đã đi vào thực hành. Trong đó trẻ em học tiếng Anh như là bộ môn bắt buộc từ lớp 3 trở đi. Rất nhiều các chương trình thực nghiệm được ban hành và thực thi, rất nhiều các bộ sách, chương trình tập huấn cho giáo viên đã được tổ chức để đáp ứng yêu cầu dạy và học.

Cũng như học sinh trên toàn quốc, học sinh tại Trường PTTH CLC Nguyễn Tất Thành đã được tiếp cận với bộ môn tiếng Anh từ rất sớm. Học sinh bắt đầu tiếp cận với tiếng Anh chính thức từ lớp 1, trong đó bộ môn này đối với khối 1 và 2 và bộ môn tự chọn. Bắt đầu từ lớp 3 trở đi tiếng Anh là bộ môn bắt buộc.

Đối với khối tiểu học nói chung và khối 2 nói riêng, học sinh rất năng động, yêu thích các hoạt động hát, múa, nhảy theo nhịp điệu chính vì vậy các bài về và bài hát là một công cụ phù hợp để thúc đẩy quá trình tiếp thu ngôn ngữ của học sinh một cách dễ dàng. Âm nhạc, nhịp điệu của các bài về, bài hát sẽ củng cố việc ghi nhớ âm, chữ cái, từ; kích thích được khả năng suy luận về mối liên hệ giữa chữ cái và các âm trong tiếng Anh cho học sinh. Từ đó giúp học sinh có thể đọc từ, phát âm và nhận biết từ một cách chính xác.

Tuy nhiên học sinh ở độ tuổi nhỏ gặp khá nhiều khó khăn trong việc ghi nhớ từ vựng vì một số lý do khách quan về đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi. Vì vậy bài viết này tập trung vào biện pháp để thúc đẩy quá trình ghi nhớ từ vựng cho học sinh khối 2 ở Trường PTTH CLC Nguyễn Tất Thành qua hoạt động sử dụng các bài về và bài hát. Để đưa ra được các giải pháp phù hợp với học sinh bài viết này sẽ đi trả lời các câu hỏi nghiên cứu dưới đây:

*?1. Học sinh lớp 2 tại Trường PTTH CLC Nguyễn Tất Thành gặp khó khăn gì trong việc học từ vựng Tiếng Anh*

*?2. Học sinh lớp 2 tại Trường PTTH CLC Nguyễn Tất Thành học từ vựng Tiếng Anh ở lớp và ôn tập ở nhà như thế nào*

*?3. Chants và songs có những ảnh hưởng như thế nào trong quá trình học từ vựng của học sinh lớp 2*

## **2. Phương pháp nghiên cứu**

Nghiên cứu này được thiết kế trên cơ sở của việc kết hợp ba phương pháp nghiên cứu: phương pháp nghiên cứu tài liệu, phương pháp phỏng vấn, phương pháp thực nghiệm.

\* *Phương pháp nghiên cứu tài liệu*: nhằm tìm hiểu, tổng hợp, khái quát cũng như phân tích nhiều tài liệu khác nhau có liên quan đến dạy học cho người học trẻ, quan

điểm về sử dụng chants và songs trong tiết học tiếng Anh. Từ việc phân tích văn bản, tài liệu tôi xác định những nội dung cần thiết để đưa ra cơ sở lí thuyết cũng như cơ sở thực tiễn cho vấn đề nghiên cứu.

\* *Phương pháp phỏng vấn*: thu thập số liệu về thời gian học sinh được sử dụng tài nguyên số đi kèm sách,

\* *Phương pháp quan sát, ghi chép*: thu thập số liệu về tình hình học sinh nắm được từ vựng trong qua bài kiểm tra trên phiếu kiểm tra, đánh giá tình hình học sinh nắm được từ vựng thông qua các hoạt động kiểm tra thường xuyên trong mỗi tiết học

\* *Phương pháp tổng kết đúc rút qua thực nghiệm*: Bài viết trình bày các kĩ thuật cụ thể về một tiết học triển khai các kĩ thuật cho học sinh sử dụng chants và songs nhằm hỗ trợ, nâng cao khả năng ghi nhớ từ vựng của học sinh .

### **3. Kết quả nghiên cứu**

#### **3.1. Những vấn đề chung**

##### **3.1.1. Dạy tiếng Anh cho học viên nhỏ tuổi (*Teaching English to Young Learner*)**

- Dạy tiếng Anh cho người học nhỏ tuổi yêu cầu cả kiến thức về đặc điểm tâm sinh lý của người học và gắn liền với điều này là các lý thuyết của việc tiếp thu ngôn ngữ thứ hai. Hàm ý của các lý thuyết nêu trên trong lớp học yêu cầu giáo viên sử dụng các kỹ thuật khác nhau để tạo ra một môi trường lành mạnh nơi việc học trở nên thành công và hiệu quả.

Một trong những cách tốt nhất để tạo ra một môi trường không căng thẳng là kết hợp các hoạt động vui chơi. Scott và Ytreberg (1990) cho rằng “hầu hết các hoạt động dành cho học viên nhỏ tuổi nên bao gồm chuyển động và liên quan đến các giác quan” (tr. 5). Những hoạt động này bao gồm các bài hát, vận động và trò chơi. Hơn nữa, biết rằng học viên nhỏ tuổi có khoảng thời gian chú ý ngắn, nhiều hoạt động như làm việc theo cặp/làm việc nhóm, trò chơi và đóng vai được đánh giá cao. Ngoài ra, Scott và Ytreberg (1990) gợi ý rằng vì trẻ em cảm thấy thoải mái với các thói quen, giáo viên nên “sử dụng những tình huống quen thuộc, những hoạt động quen thuộc, những câu chuyện lặp lại, những bài đồng dao, v.v.” (tr. 6). thành lập một thói quen có ưu điểm là làm giảm sự lo lắng của học sinh, khiến họ cảm thấy an tâm - điều mà phù hợp với lý thuyết bộ lọc tình cảm.

Khi dạy học viên nhỏ tuổi một ngoại ngữ, giáo viên phải tính đến việc học viên có khả năng học tập nếu được giới thiệu các hoạt động nằm trong khả năng của họ. Phillips (1993) chỉ ra rằng "cách trẻ em học ngoại ngữ phụ thuộc vào giai đoạn phát triển" (tr. 6).

##### **3.1.2- Những quan điểm về sử dụng chants và songs trong lớp học Tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai**



### a. Quan điểm của Stephen Krashen

Giả thuyết đầu vào (Input Hypothesis) giải thích cách người học tiếp thu ngôn ngữ thứ hai và cách quá trình tiếp thu ngôn ngữ thứ hai diễn ra. Theo Krashen, Giả thuyết Đầu vào là quá trình tiếp thu xảy ra khi một người tiếp xúc với ngôn ngữ có thể hiểu được và cao hơn một chút so với mức hiện tại, được gọi là  $i+1$  (Lightbown & Spada, 2006). Biểu tượng  $i$  là trình độ thông thạo ngôn ngữ hiện tại của người học trong khi biểu tượng  $+1$  đề cập đến bước tiếp theo sau giai đoạn đó. Giả thuyết đầu vào nói rằng một người có được ngôn ngữ bằng cách tập trung vào ý nghĩa thông qua nghe trước, và cấu trúc và ngữ pháp phát triển dần dần (Krashen, 1982). Việc áp dụng giả thuyết này biến các lớp học thành một nơi thú vị thực tế là nơi để tiếp thu ngôn ngữ thứ hai, khi các bài hát được sử dụng để phát triển khả năng nghe kỹ năng. Hiểu lý thuyết này giúp chúng ta thấy rằng việc sử dụng các bài hát trong lớp học cho học viên nhỏ tuổi là vừa có giá trị vừa hiệu quả. Người học phải tiếp xúc với những bài hát hơi khó cho họ, và giáo viên phải làm cho lời bài hát dễ hiểu bằng cách sử dụng hình ảnh hoặc bằng vật thật.

Một giả thuyết khác liên quan đến việc sử dụng các bài hát trong lớp học tiếng Anh như một ngoại ngữ là Bộ lọc cảm tính, được phát triển bởi Stephen Krashen vào năm 1982. Giả thuyết giải thích tại sao một số người có khả năng học một ngôn ngữ thứ hai trong khi những người khác thì không. Theo giả thuyết này,

tiếp thu ngôn ngữ phụ thuộc phần lớn vào cảm xúc bên trong của người học - đó là tình cảm của người học (Medina, 2002). Krashen (1985) tuyên bố rằng nếu bộ lọc tình cảm bị đóng thì đầu vào là sẽ bị ngăn lại. Tình cảm, theo quan điểm của Krashen, bao gồm các yếu tố như động cơ, thái độ, sự tự tin và lo lắng (Gass & Selinker, 1994). Krashen chỉ ra rằng giả thuyết bộ lọc tình cảm ngụ ý rằng các mục tiêu sư phạm của giáo viên không chỉ bao gồm đầu vào dễ hiểu nhưng cũng nên tạo ra một tình huống khuyến khích bộ lọc thấp (Krashen,

1982). Ứng dụng thực tế của lý thuyết này mang lại giá trị cho các chiến lược làm giảm bộ lọc tình cảm của học sinh chẳng hạn như sử dụng các bài hát, bài thánh ca và trò chơi.

#### b. Lý thuyết của Gardner

Theo lý thuyết của Gardner, mỗi con người là duy nhất và thông minh theo ít nhất bảy những cách khác nhau. Bảy loại trí thông minh là lời nói-ngôn ngữ, thị giác-không gian, giao tiếp giữa các cá nhân, âm nhạc-nhịp điệu, logic-toán học và nội tâm. Cụ thể hơn, trí thông minh âm nhạc, là trọng tâm nghiên cứu của nghiên cứu này, có liên quan đến kỹ năng của người học trong sáng tác, biểu diễn và thưởng thức âm nhạc (Gardner, 1999). Các nhà nghiên cứu đã chứng minh tác dụng của âm nhạc trong giờ học ngoại ngữ. Fonseca và Arnold (2004) cho rằng phát triển trí thông minh âm nhạc trong các lớp học tiếng Anh như một ngoại ngữ tạo ra một bầu không khí thoải mái khích lệ học sinh và giúp chúng làm việc hiệu quả hơn. Vì vậy, khi khám phá âm nhạc thông minh, việc sử dụng các bài hát trở nên đáng giá. Học sinh có thể mạnh về âm nhạc trí thông minh quan tâm đến nhịp điệu, âm thanh và các mẫu. Các hoạt động như ca hát, viết lời bài hát và tạo ra các mẫu nhịp điệu là cách tốt nhất để dạy người học âm nhạc

Sự thông minh. Dựa trên lý thuyết này, khuyến khích học viên nhỏ tuổi vỗ tay theo nhịp khi họ hát hoặc nói một vần giúp họ phát triển cảm nhận về nhịp điệu trong tiếng Anh (Bas, 2008).

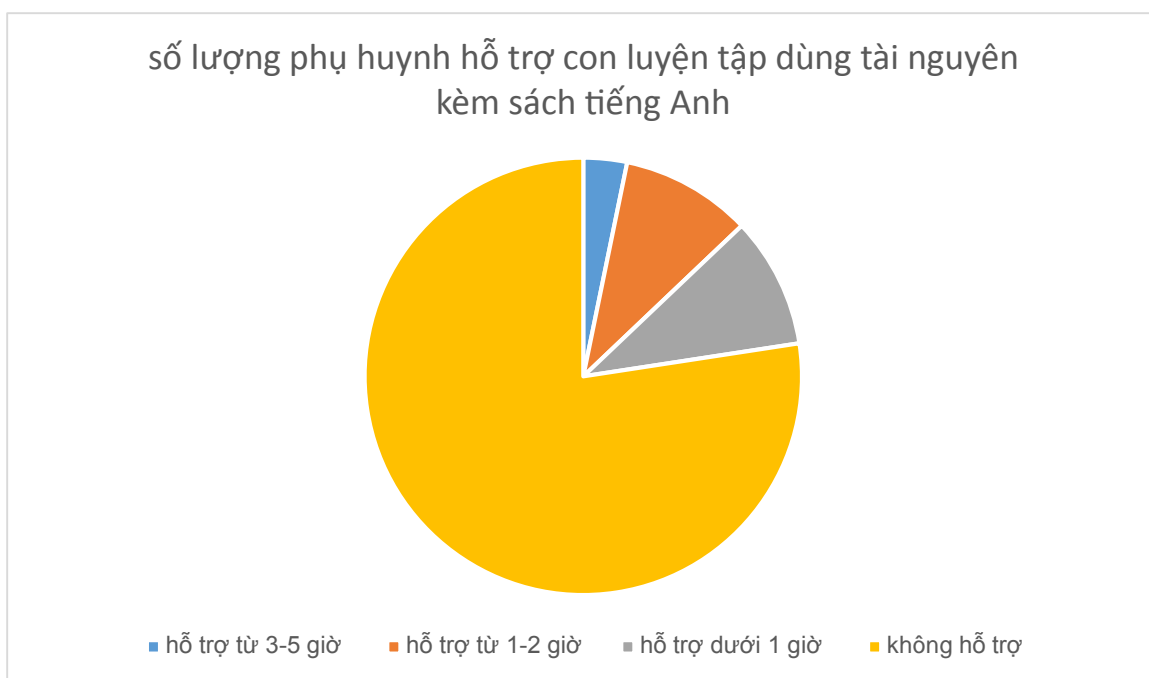
#### ***3.1.3 Tầm quan trọng của chants và songs trong tiết học tiếng Anh***

Khi học sinh tiểu học được dạy một ngôn ngữ khác ngoài tiếng mẹ đẻ, các em cảm thấy lo lắng và sợ hãi. Học viên cảm thấy rằng họ không thể làm theo hướng dẫn của giáo viên bằng ngôn ngữ mục tiêu bởi vì họ cảm thấy bất an và buồn chán. Kết hợp ngôn ngữ đích với giai điệu có thể có một số lợi thế trong việc dạy ngôn ngữ. Các bài hát có khả năng làm giảm lo lắng và mang đến một lớp học hài hòa.

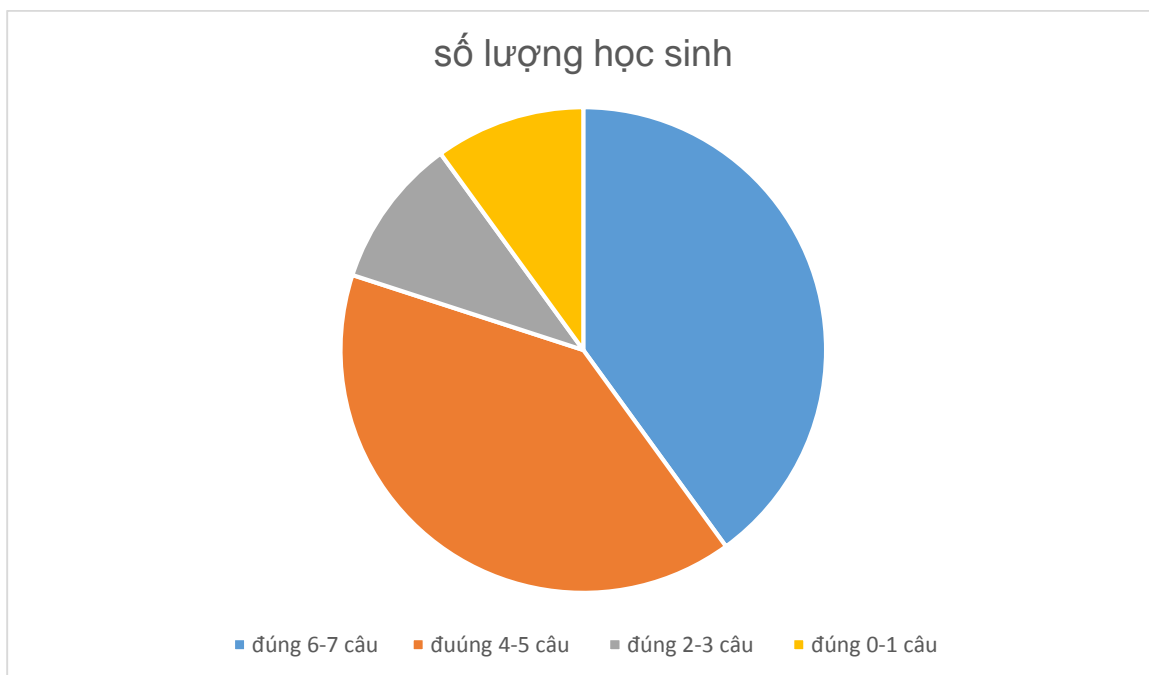
Tseng (2012) đề cập rằng để tạo ra bầu không khí lớp học thoải mái hơn, giáo viên nên sử dụng các hoạt động như bài hát để giảm lo lắng. Ngoài ra, Keskin (2011) chỉ ra rằng một trong những lợi thế quan trọng nhất của việc sử dụng các bài hát trong lớp học EFL là chúng tăng hứng thú học tập cho học sinh, giúp tiết học không bị nhàm chán, đơn điệu. bài hát truyền đạt ý nghĩa và kể những câu chuyện đáng nhớ. Các bài hát đang hoạt động, ngắn và lặp đi lặp lại và chứa từ vựng làm phong phú thêm đầu vào ngôn ngữ của một đứa trẻ. Shen (2009) cũng đề cập rằng các bài hát phong phú với các chủ đề và cách diễn đạt khác nhau sẽ “vang vọng trong lòng người học” (tr.88). Frasn và Polona (2015) chỉ ra rằng các bài hát là một công cụ hữu ích để thêm sự đa dạng cho phòng học ngôn ngữ. Bài hát được sử dụng để dạy từ vựng và ngữ pháp cùng với âm thanh và căng thẳng. Chúng cũng có thể được sử dụng trong nhiều hoạt động trong lớp học như nghe hiểu, từ vựng và thực hành phát âm, dịch thuật và thảo luận.

### ***3.2. Thực trạng việc học tiếng Anh của học sinh khối hai tại trường Phổ Thông Thực Hành CLC Nguyễn Tất Thành***

- Học sinh khối hai chưa được hỗ trợ trong việc ôn tập ở nhà. Mặc dù theo nguồn học liệu trực tuyến theo sách có sẵn nhiều phụ huynh không có thời gian hỗ trợ con, nhiều phụ huynh chưa biết cách truy cập để khai thác tài nguyên trực tuyến, Theo kết quả điều tra có khoảng 3% phụ huynh hỗ trợ con sử dụng tài nguyên kèm sách từ 3-5 giờ mỗi tuần, 10% phụ huynh hỗ trợ con sử dụng tài nguyên kèm sách từ 1-2 giờ mỗi tuần. 10% phụ huynh hỗ trợ con sử dụng tài nguyên kèm sách dưới 1 giờ mỗi tuần. 80% đưa ra lí do bận việc nên không thể hỗ trợ con luyện tập qua tài nguyên online đi kèm sách. Khoảng 80% phụ huynh không nắm được cách thức tiếp cận nguồn tài nguyên.



- Qua kiểm tra thường xuyên giáo viên tiếng Anh phát hiện phần lớn học sinh chưa nhớ hết từ vựng, và còn quên cách phát âm các từ khi nhìn mặt chữ. Ngoài ra thông qua bài kiểm tra ôn tập đơn vị bài học số 3 và 4 giáo viên thu được kết quả sau trên tổng số 60 học sinh của hai lớp 2A1 và 2A2:



- Hệ thống kĩ thuật về máy chiếu, âm thanh ở các phòng học còn bị hạn chế.

### ***3.3 Giải pháp nâng cao việc học từ vựng cho học sinh khối 2 tại trường Phổ Thông Thực Hành CLC Nguyễn Tất Thành***

#### ***a. dạy songs***

- các bước dạy từ vựng thông qua bài hát

+ Giới thiệu chủ đề bài hát.

+ Ôn lại các từ vựng học sinh đã biết.

+ Dạy trước từ vựng mới.

+ Nghe bài hát (với giáo viên hát, hoặc với băng ghi âm hoặc video).

+ Dạy hát theo từng dòng.

• Nếu có nhiều câu thơ và điệp khúc, thực hiện theo các bước sau:

° Dạy đoạn điệp khúc theo từng dòng.

° Dạy giai điệu của câu hát bằng cách sử dụng “la la la” thay vì lời bài hát (hãy đảm bảo thêm

điệp khúc ở cuối đoạn thơ).

° Dạy từng câu một, luôn hát điệp khúc sau mỗi câu.

• Chỉ ra những từ có vần ở cuối mỗi dòng và thực hành lặp lại chúng khi giảng từng câu.

#### ***b. Dạy chants***

• Nghe và chỉ: Học sinh chỉ vào bức tranh hoặc đồ vật đúng.(square, quiz, questions

– Sử dụng trò chơi “listen and point”, học sinh nghe và chỉ vào bức tranh tương ứng

• Lắng nghe và vỗ tay, hoặc lắc đầu: Học sinh nghe và phản ứng khi nghe thấy các từ square, quiz, questions

• Nghe và thực hiện hành động: Học sinh thực hiện hoặc bắt chước những gì họ nghe được.

• Nghe và vẽ: Học sinh chơi theo nhóm, nghe giáo viên mô tả vật gì đó và phải vẽ vật đó

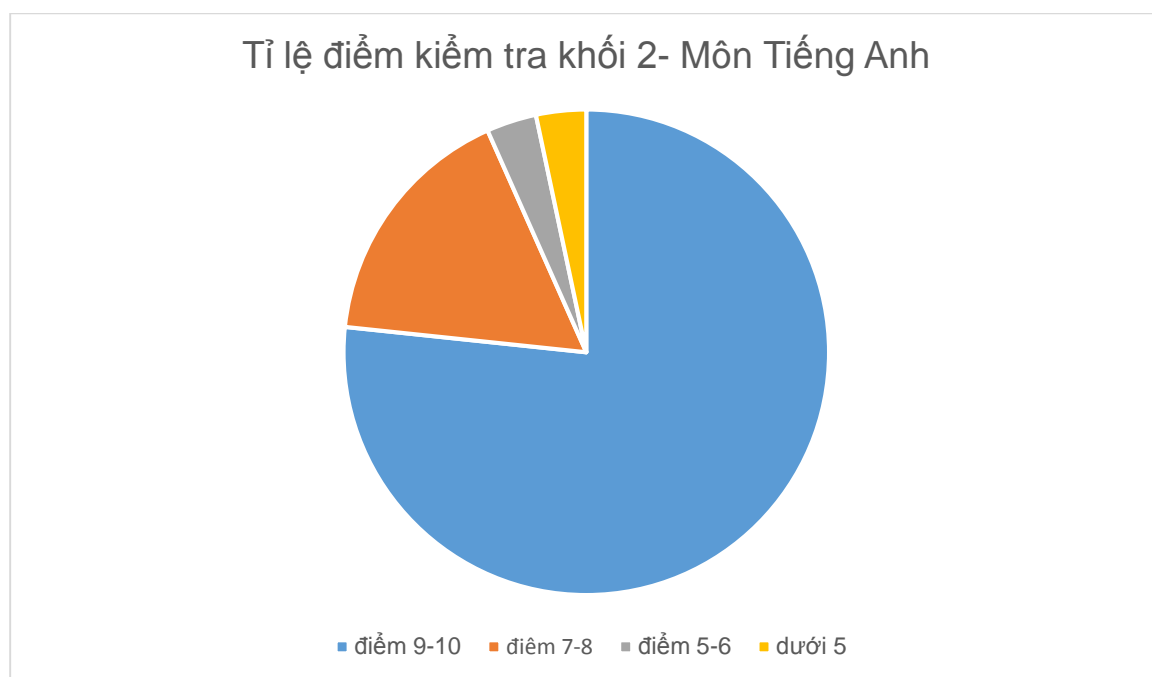
một cách chính xác (square, quiz, questions)

+ Giáo viên nói: Minh is drawing a square. Lan is doing a quiz.

### 3.4. Kết quả sau khi áp dụng dạy các bài chants, và songs

- Việc áp dụng các bài chants và songs vào các tiết dạy tiếng Anh nhằm tăng cường khả năng ghi nhớ cách phát âm từ vựng mang lại kết quả khả quan.

- Thông qua bài kiểm tra trên giấy và bài kiểm tra nói cuối kì, và các hoạt động kiểm đánh giá thường xuyên trên lớp, tỉ lệ học sinh hoàn thành đúng nhiệm vụ học tập ví dụ *nghe và chọn bức tranh đúng, nhìn tranh và chọn từ đúng, nhìn tranh và chọn câu đúng, nhìn tranh và gọi tên đồ vật* đã tăng lên. Tỉ lệ học sinh đạt điểm 4/5 cho các kĩ năng đọc-viết đạt 75%, tỉ lệ học sinh đạt điểm 5/5 cho kĩ năng đọc viết là 20%. Tỉ lệ học sinh đạt từ 4-5/ 5 điểm kỹ năng nghe-nói khoảng 78% và khoảng 20% học sinh đạt 2.5-3.5/5



## 4. Kết luận

Bằng việc kết hợp các kết quả từ các phương pháp nghiên cứu có thể đi đến kết luận rằng việc triển khai linh hoạt các hoạt động dạy chants và songs cho học sinh khối 2 mang lại kết quả khả quan và sự chuyển biến về khả năng ghi nhớ từ vựng của học sinh. Tất nhiên để thực hiện được các hoạt động dạy chants và

songs bên cạnh sự chủ động tìm tòi của giáo viên, thì sự hỗ trợ của nhà trường để đảm bảo hệ thống máy chiếu luôn sẵn sàng cho hoạt động dạy-học.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Get up and Sing! Get up and Move! Using songs and Movement with Young Learners of English. Joan Kang Shin, English Teaching Forum.
2. Using songs in Teaching Oral Skills to Young Learners: Teachers' Views and Attitudes.
3. <https://www.tradiling.net/a-critical-period-to-learn-a-second-language/>
4. <https://caes.hku.hk/ajal/index.php/ajal/article/view/567/587>

## PHỤ LỤC

1. Bảng điều tra việc sử dụng tài nguyên đi kèm sách

### Câu hỏi

1. Anh chị truy cập trang web nào để tiếp cận nguồn tài nguyên hỗ trợ người học

### Câu trả lời

a. wonderful world.vn

b. sachmem.vn

c. smartstart.i-learn.vn

a. 3-5 giờ

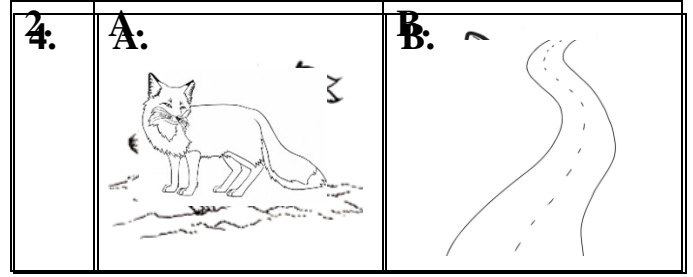
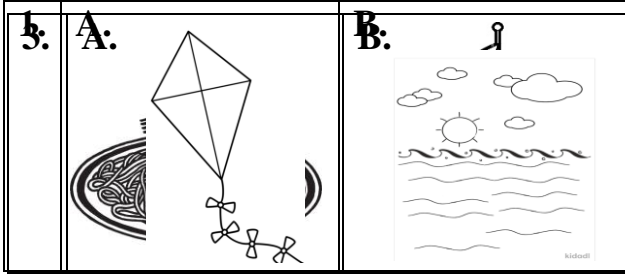
2. Anh chị dành bao nhiêu giờ một tuần sử dụng tài nguyên kèm sách để hỗ trợ con luyện tập tại nhà

b. 1-2 giờ

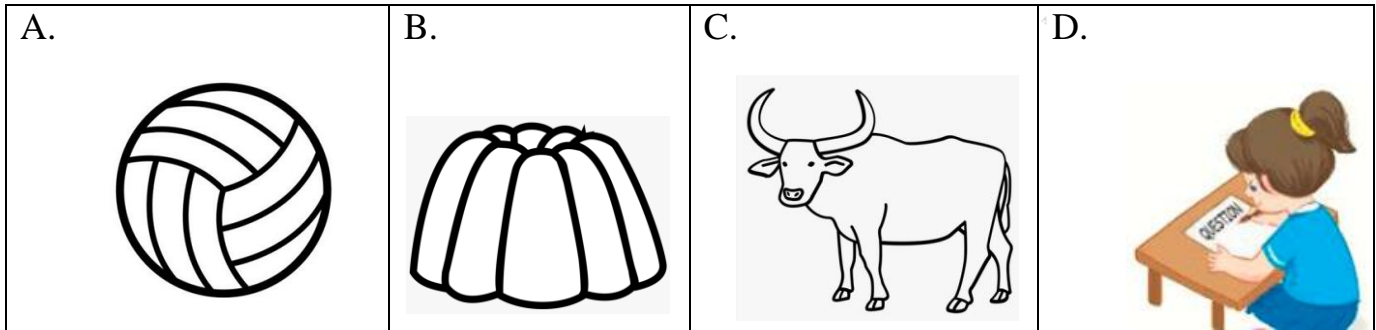
c. dưới 1 giờ

## 2. Mẫu bài kiểm tra nhận biết từ vựng

**Task 1: Listen and circle the correct pictures.**



**Task 2: Listen and number the pictures**





**Task 3: Look at the pictures and circle the correct answers**

1.



- A. popcorn  
B. kitten  
C. sail

2.



- A. She is riding a bike.  
B. He is flying a kite.  
C. She is playing with a kitten.

4.



- A. rainbow  
B. pasta  
C. river

5.



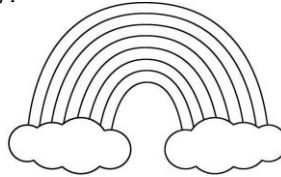
- A. sail  
B. bike  
C. pizza

6.



- A. sand  
B. river  
C. pasta

7.



- A. rainbow  
B. kitten  
C. road

**PHÁT HUY TÍNH TÍCH CỰC HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG  
CAO ĐẲNG SỰ PHẠM HÒA BÌNH TRONG HỌC PHẦN SỰ HỌC VÀ  
SỰ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ TRẺ EM LỨA TUỔI MẦM NON**

**- Phạm Nam Phương -**

Trung tâm nghiên cứu TL-GD và GD đặc biệt

***Tóm tắt***

*Việc phát huy tính tích cực học tập trong học phần Sự học và sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non (SPTTLTELTMN) là một yếu tố quan trọng giúp sinh viên đạt kết quả tốt trong học tập, là điều kiện giúp các em thích ứng với quá trình giảng dạy khi ra trường. Xác định được các biện pháp phát huy tính tích cực*

*học tập của sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình (CĐSP) trong học phần Sự học và SPTTLTELTMN sẽ giúp nâng cao chất lượng học tập cho sinh viên, qua đó nâng cao chất lượng đào tạo trong nhà trường.*

***Từ khóa:*** *Tính tích cực, Tính tích cực học tập, Sự học và SPTTLTELTMN.*

## **1. Đặt vấn đề**

Sự phát triển kinh tế xã hội dưới ảnh hưởng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đòi hỏi phải có những lớp người lao động mới, có bản lĩnh, có năng lực, tích cực, chủ động sáng tạo, thích ứng được với thực tiễn xã hội luôn thay đổi và phát triển. Nhu cầu này đòi hỏi ngành giáo dục phải có sự thay đổi cho phù hợp với tình hình đất nước. Để đáp ứng được nguồn nhân lực có trình độ cao cho xã hội, đòi hỏi ngay trong quá trình đào tạo phải phát huy được tính tích cực, chủ động sáng tạo của người học. Và điều này cần phải được thực hiện ngay trong quá trình giảng dạy các học phần thuộc chương trình đào tạo của nhà trường.

Là một học phần chuyên ngành được lựa chọn trong quá trình đào tạo giáo viên mầm non tại trường CĐSP Hòa Bình, học phần Sự học và SPTTLTELTMN giúp sinh viên hiểu rõ hơn đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ em ở lứa tuổi mầm non, từ đó giải thích được một số vấn đề tâm lý nảy sinh ở trẻ, đồng thời lựa chọn được cách chăm sóc và giáo dục trẻ phù hợp. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, trong quá trình học tập học phần này, một số sinh viên chưa nỗ lực trong quá trình học tập, các em không tập trung trong học tập, chưa hoàn thành nhiệm vụ được giao, ngại xây dựng bài... Điều này dẫn đến các em nắm vững nội dung bài học chưa chắc, kết quả học tập học phần không cao. Vì vậy, việc phát huy tính tích cực của sinh viên trường CĐSP Hòa Bình trong học tập học phần này có ý nghĩa quan trọng.

## **2. Phương pháp nghiên cứu**

### **2.1. Phương pháp nghiên cứu lí luận**

Sử dụng các phương pháp: phân tích, tổng hợp, hệ thống hoá... các nguồn tài liệu có liên quan tính tích cực học tập của sinh viên để làm cơ sở cho lí luận cho quá

trình nghiên cứu.

## **2.2. Phương pháp phỏng vấn**

Tiến hành phỏng vấn trực tiếp giảng viên và sinh viên để tìm hiểu rõ hơn về thực trạng học tập học phần Sự học và SPTTLTELTMN của sinh viên trường CĐSP Hoà Bình.

## **2.3. Phương pháp quan sát**

Tiến hành quan sát quá trình học tập học phần Sự học và SPTTLTELTMN của sinh viên để làm rõ hơn về thực trạng học tập học phần này của sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình.

## **2.4. Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động**

Tiến hành nghiên cứu các sản phẩm hoạt động của sinh viên trong quá trình học tập học phần Sự học và SPTTLTELTMN (bài kiểm tra, biên bản thảo luận, bài tập thực hành...) để đánh giá tính tích cực của sinh viên trong quá trình học tập học phần này.

## **3. Kết quả nghiên cứu**

### **3.1. Một số khái niệm**

#### **3.1.1. Khái niệm tính tích cực**

Theo từ điển Tiếng Việt, tích cực được hiểu ở 2 nghĩa:

- " - Tích cực là có ý nghĩa, có tác dụng thúc đẩy sự phát triển;
- Tích cực là tỏ ra chủ động, có những hoạt động nhằm tạo ra sự biến đổi" [5;981]

Như vậy, ta có thể hiểu tính tích cực là khả năng của mỗi người đối với cuộc sống, là sự chủ động của chủ thể trong các hoạt động, nhằm tạo ra sự biến đổi và phát triển.

#### **3.1.2. Khái niệm tính tích cực học tập**

Theo I.F.Kharlamop "Tính tích cực học tập là trạng thái hoạt động của học sinh, đặc trưng bởi khát vọng học tập, cố gắng trí tuệ và nghị lực cao trong quá trình nắm vững kiến thức" [3;35].

Theo Nguyễn Ngọc Quang, "tính tích cực trong học tập có nghĩa là hoàn thành một cách chủ động, tự giác, có nghị lực, có hướng rõ rệt, có sáng kiến và đầy hào hứng (xúc cảm), những công tác trí óc và chân tay nhằm nắm vững kiến thức, kỹ năng và kỹ xảo, vận dụng chúng vào trong hoạt động học tập và thực tiễn" [6;123].

Từ những khái niệm trên, ta có thể nhận thấy, tính tích cực đề cập tới sự chủ động, nỗ lực của chủ thể. Nói cách khác, tính tích cực trong hoạt động học tập về thực chất là tính tích cực nhận thức đặc trưng ở khát vọng hiểu biết, cố gắng trí tuệ và nghị lực cao trong quá trình chiếm lĩnh tri thức.

### **3.1.3. Khái niệm tính tích cực học tập của sinh viên**

Trên cơ sở khái niệm tính tích cực học tập, ta có thể hiểu tính tích cực học tập của sinh viên như sau:

Tính tích cực học tập của sinh viên là sự ý thức tự giác của sinh viên về mục đích học tập thể hiện ở sự nhiệt tình, huy động ở mức cao nhất các chức năng tâm lý với nghị lực cao để giải quyết có hiệu quả các nhiệm vụ học tập nhằm chiếm lĩnh kho tàng tri thức của nhân loại.

### **3.2. Biểu hiện của tính tích cực trong học tập**

Có rất nhiều quan điểm khác nhau về biểu hiện của tính tích cực học tập, tuy nhiên, theo tôi, tính tích cực học tập của sinh viên được biểu hiện ở các mặt sau:

**Mặt nhận thức:** Sinh viên nhận thức được mục đích, ý nghĩa của môn học, nhận thức được đối tượng học, điều này thể hiện thông qua hiệu quả học tập của sinh viên như: Sinh viên có kết quả học tập tốt, hiểu bài và có thể trình bày lại theo cách hiểu của mình, biết vận dụng những tri thức được học vào thực tiễn, có sáng tạo trong quá trình học tập.

**Mặt thái độ:** Sinh viên có thái độ học tập đúng, nghiêm túc với môn học, điều này được thể hiện ở:

- Tự giác, chủ động, độc lập trong học tập; có nhu cầu nhận thức cao (tự giác tìm đọc thêm tài liệu, luôn mong muốn giáo viên giao thêm nhiệm vụ, kiểm tra đánh

giá việc thực hiện nhiệm vụ học tập của mình, vui vẻ hợp tác với giáo viên và bạn bè trong quá trình học...).

- Có động cơ học tập đúng đắn (học để chiếm lĩnh tri thức, kỹ năng, kỹ xảo và hoàn thiện nhân cách theo yêu cầu của xã hội).

- Có hứng thú học tập (chăm chú nghe giảng, phát biểu xây dựng bài, tự giác hoàn thành nhiệm vụ học tập...).

Mặt hành động: Sinh viên thể hiện ở những hành động cụ thể như:

- Đi học đều.
- Tích cực phát biểu xây dựng bài.
- Xây dựng kế hoạch hoạt động học phù hợp.
- Tích cực tìm đọc thêm tài liệu lý luận.
- Thực hiện tốt các nhiệm vụ học tập được giao.
- Có sáng tạo trong quá trình học tập.
- Kiên trì vượt khó...

### **3.3. Vai trò của tính tích cực học tập đối với chất lượng học tập của sinh viên**

Chúng ta có thể khẳng định chất lượng học tập của sinh viên phụ thuộc phần lớn vào tính tích cực trong quá trình học tập của sinh viên. Nói cách khác, tính tích cực học tập quyết định trực tiếp chất lượng học tập của sinh viên.

Hiệu quả học tập của sinh viên chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố như mục đích, nội dung, phương pháp, cách thức tổ chức dạy học của giáo viên cũng như quá trình sinh viên tự đề ra mục đích, lựa chọn nội dung, cách thức chiếm lĩnh tri thức và tự tổ chức hoạt động học tập của mình như thế nào. Trong đó nếu sinh viên tham gia tích cực vào quá trình lĩnh hội tri thức thì họ sẽ biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo đồng thời tạo ra một sự thống nhất cao giữa nội lực và ngoại lực, và như thế họ sẽ thu được hiệu quả học tập cao nhất.

Tính tích cực giúp sinh viên phát huy được tiềm năng vô hạn của mình đồng thời làm nảy sinh, hình thành, phát triển bộc lộ những quá trình tâm lý. Tính

tích cực học tập tạo ra khả năng phát triển năng lực học tập cũng như năng lực giáo dục, giảng dạy sau này. Tích cực học tập, sinh viên sẽ mở rộng hiểu biết của mình, thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập một cách tự giác và có chất lượng.

Sinh viên tích cực học tập còn thiết lập được mối quan hệ thầy trò, bạn bè đúng đắn, xây dựng được không khí tâm lý thuận lợi để khám phá tri thức, cảm nhận sự thành công trong học tập và giao tiếp. Tính năng động, sáng tạo kiên trì của sinh viên được bộc lộ hình thành và phát triển, trên cơ sở đó hình thành và phát triển nhân cách.

### **3.4. Thực trạng học tập học phần Sự học và sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non của sinh viên trường CĐSP Hòa Bình**

Qua quan sát trong các giờ học và trao đổi với sinh viên cùng giảng viên, tôi nhận thấy sinh viên chưa thực sự tích cực trong quá trình học tập học phần Sự học và SPTTLTELTMN, cụ thể như sau:

Trong 1 tiết học, trung bình chỉ có khoảng 2 – 3 sinh viên tự giác trả lời câu hỏi của giảng viên, phần lớn các bạn sinh viên phải đợi giảng viên gọi tên thì mới đứng dậy trả lời câu hỏi.

Trong các giờ thảo luận nhóm, phần lớn sinh viên khác ngồi trông chờ vào kết quả làm bài của 1,2 bạn trong nhóm. Kỹ năng hợp tác nhóm trong khi giải quyết các vấn đề còn yếu, nhóm trưởng chưa điều khiển được các thành viên trong nhóm để cùng nhau giải quyết vấn đề, nhiều sinh viên không có ý thức hợp tác nhóm. Thậm chí, có nhiều nhóm sinh viên không chịu làm bài, chỉ khi giáo viên yêu cầu trả lời mới bắt đầu suy nghĩ. Nhiều sinh viên chưa biết cách trình bày vấn đề, thường lan man, gây rối cho cả lớp.

Trong giờ thực hành, sinh viên có tích cực hơn khi áp dụng các kiến thức vào thực tế những đại đa số sinh viên chưa chú ý tìm hiểu lý thuyết trước khi thực hành, các em chỉ thực hành dựa trên sự quan sát các hoạt động của trẻ chứ chưa hiểu bản chất của vấn đề.

Vấn đề tự học ở nhà của sinh viên ở học phần này chưa thực sự hiệu quả. Rất ít sinh viên tự đọc giáo trình trước khi lên lớp, bài tập giáo viên giao về nhà thường sinh viên chỉ làm qua loa cho xong việc, chất lượng bài tập vì thế không cao.

Khi ra bài kiểm tra, giáo viên đưa nội dung bài kiểm tra đòi hỏi phải tư duy tích cực thì sinh viên thường gặp khó khăn trong quá trình làm bài, điểm các bài kiểm tra như vậy không cao, thậm chí có em đạt điểm dưới trung bình.

Như vậy, có thể thấy, trong quá trình học tập học phần Sự học và SPTTLTELTMN, có sinh viên vẫn còn thái độ trông chờ vào bạn, vào giáo viên để giải quyết vấn đề học tập của chính mình điều này có ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả học tập học phần của sinh viên.

### **3.5. Biện pháp phát huy tính tích cực học tập của sinh viên trường CĐSP Hòa Bình trong học phần Sự học và sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non**

#### **3.5.1. Sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề**

Phương pháp dạy học nêu vấn đề là phương pháp dạy học mà ở đó quá trình dạy và học được tổ chức bằng cách tạo ra các tình huống có vấn đề và triển khai quá trình giải quyết các tình huống ấy, tạo ra ở người học nhu cầu tự phát hiện và giải quyết các nhiệm vụ học tập để tiếp thu tri thức, rèn luyện kỹ năng và hình thành tư tưởng, thái độ.

Phương pháp dạy học nêu vấn đề được thực hiện theo quy trình như sau:

- Bước 1. Giảng viên nêu vấn đề: Căn cứ vào mục tiêu, nội dung bài dạy, giáo viên nêu vấn đề kích thích tính tích cực học tập của sinh viên
- Bước 2. Sinh viên phát hiện và giải quyết vấn đề dưới sự hướng dẫn của giáo viên: Sinh viên nhận thức vấn đề, huy động tri thức kinh nghiệm và tìm cách giải quyết dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Bước 3. Sinh viên trình bày cách giải quyết vấn đề: Sinh viên trình bày cách giải quyết vấn đề, đưa ra những lập luận, quan điểm của mình về vấn đề được

đưa ra.

Bước 4. Đánh giá: Giảng viên đánh giá cách giải quyết vấn đề của sinh viên hoặc gợi ý để sinh viên tự nhận xét về cách giải quyết vấn đề của bạn.

Việc vận dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong giảng dạy học phần Sự học và SPTTLTELTMN sẽ góp phần kích thích sinh viên nảy sinh nhu cầu giải quyết vấn đề, từ đó phát huy tính tích cực học tập cho sinh viên.

Ví dụ: Khi dạy về vai trò của hoạt động đối với sự phát triển tâm lý của trẻ em, giảng viên có thể áp dụng phương pháp này như sau:

Bước 1: Giảng viên nêu vấn đề: Thực tế đã chứng minh, những đứa trẻ sinh đôi cùng trứng sống trong cùng một gia đình vẫn có những nét tâm lý khác nhau.

Vậy yếu tố nào tạo ra sự khác biệt đó? Vì sao?

Bước 2. Sinh viên nhận thức vấn đề, huy động tri thức kinh nghiệm và tìm cách giải quyết dưới sự hướng dẫn của giảng viên

Bước 3. Sinh viên trình bày cách giải quyết vấn đề dựa trên khái niệm và cấu trúc của hoạt động.

Bước 4. Giảng viên đánh giá cách giải quyết vấn đề của sinh viên hoặc gợi ý để sinh viên tự nhận xét về cách giải quyết vấn đề của bạn.

### **3.5.2. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình dạy học**

Ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình dạy học giúp giảng viên rút ngắn thời gian giảng dạy, có thời gian đầu tư cho quá trình dẫn dắt, tạo tình huống có vấn đề để kích thích tư duy sáng tạo của sinh viên. Ứng dụng công nghệ thông tin còn giúp sinh viên chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức, độc lập trong tư duy khi được tiếp xúc với nhiều nguồn tư liệu khác nhau. Chính điều đó giúp sinh viên hứng thú, hăng say hơn trong quá trình học tập.

Để thực hiện biện pháp này, giáo viên cần:

- Nghiên cứu nội dung bài dạy, xác định nội dung để ứng dụng công nghệ thông tin.



- Giảng viên khai thác các hình ảnh, các tư liệu phục vụ cho bài dạy với sự ứng dụng của công nghệ thông tin.

- Hướng dẫn sinh viên tìm tài liệu trên internet để trao đổi thảo luận nhằm làm sáng tỏ nội dung bài học.

Ví dụ: Khi dạy phần tư duy của trẻ mẫu giáo, giảng viên sử dụng các đoạn video ngắn về quá trình trẻ giải quyết vấn đề thông qua quá trình trẻ chơi và hoạt động để giúp sinh viên hiểu rõ hơn về tư duy trực quan hành động và tư duy trực quan hình tượng.

### **3.5.3. Tổ chức cho sinh viên thực hành tại Cơ sở Giáo dục mầm non thực hành Hoa Sen**

Sử dụng các hình thức tổ chức dạy học phù hợp sẽ tạo điều kiện thuận lợi giúp người giáo viên phát huy được tính tích cực học tập cho sinh viên. Với đặc thù là môn chuyên ngành gắn liền với thực tế, việc tổ chức cho sinh viên thực hành tại Cơ sở Giáo dục mầm non thực hành Hoa Sen sẽ giúp sinh viên gắn lý thuyết với thực tế, nhờ đó các kiến thức không còn trừu tượng đối với sinh viên, qua đó giúp sinh viên hiểu bài hơn, hào hứng hơn và sẽ tích cực hơn trong học tập.

Để thực hiện biện pháp này, giảng viên cần:

- Xây dựng kế hoạch thực hành tại trường mầm non.
- Giao nhiệm vụ cụ thể cho sinh viên.
- Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu bài học.
- Hướng dẫn sinh viên cách quan sát, ghi chép và cách viết báo cáo kết quả quan sát.
- Sinh viên trình bày kết quả quan sát.
- Đánh giá nhận xét quá trình thực hành và kết quả thực hành của sinh viên.

Ví dụ: Hướng dẫn sinh viên quan sát sự phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo tại Cơ sở Giáo dục mầm non thực hành Hoa Sen.

- Dựa vào kế hoạch giảng dạy và các hoạt động tại cơ sở Giáo dục mầm non

thực hành Hoà Sen, giảng viên xây dựng kế hoạch để sinh viên xuống quan sát trẻ tại Cơ sở.

- Chia lớp thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ cho sinh viên:
- + Nhóm 1,2: Tìm hiểu sự phát triển ngôn ngữ của trẻ 3-4 tuổi.
- + Nhóm 3,4: Tìm hiểu sự phát triển ngôn ngữ của trẻ 4-5 tuổi.
- Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu nội dung bài học về sự phát triển ngôn ngữ của trẻ mẫu giáo.
- Hướng dẫn sinh viên cách quan sát, ghi chép kết quả quan sát
- Sinh viên trình bày kết quả quan sát.
- Đánh giá nhận xét quá trình thực hành và kết quả thực hành của sinh viên.

#### **3.5.4. Thay đổi cách kiểm tra, đánh giá**

Từng bước đổi mới phương thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập cũng là một biện pháp đẩy mạnh việc tích cực hóa hoạt động nhận thức của sinh viên.

Giảng viên ra đề kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực.

Biện pháp này được thực hiện dựa trên việc xây dựng các mục tiêu kiểm tra đánh giá và xây dựng tiêu chí đánh giá phù hợp.

Trong học phần Sự học và SPTTLTELT MN, giảng viên thực hiện kiểm tra đánh giá điểm thường xuyên thông qua nhiều cách thức khác nhau như kiểm tra vấn đáp, kiểm tra thực hành, kiểm tra tự luận trong thời gian ngắn. Việc kiểm tra này không đơn thuần chỉ đánh giá kiến thức mà còn kết hợp với đánh giá thái độ học tập của sinh viên. Do vậy, để đạt được kết quả học tập tốt, sinh viên cần phải tích cực, chủ động hơn trong quá trình học tập.

#### **3.6. Hiệu quả áp dụng biện pháp**

Sau một thời gian áp dụng các biện pháp trên trong quá trình giảng dạy học phần Sự học và SPTTLTELT MN, tôi nhận thấy, sinh viên đã có nhận thức về bài học tốt hơn, các em tích cực hơn quá trình học tập và rèn luyện kỹ năng của bản thân. Bên cạnh đó, các em cũng hứng thú, nhiệt tình với trong quá trình thực hành tại Cơ

sở giáo dục thực hành mầm non Hoa Sen, tích cực đọc tài liệu trước khi đi thực hành tại cơ sở, điều này giúp các em hiểu rõ lý thuyết hơn thông qua hoạt động thực tế. Đa số sinh viên đã có sự chủ động, xây dựng kế hoạch học tập môn học phù hợp. Các em có sự hợp tác, chia sẻ thông tin để giải quyết nhiệm vụ học tập thường xuyên hơn. Hiện tượng trông chờ vào kết quả bài làm của các bạn đã giảm. Sinh viên tích cực, tự giác hơn trong quá trình hoàn thành nhiệm vụ học tập, có ý thức hỗ trợ các bạn trong quá trình thảo luận nhóm. Các em chủ động hơn trong quá trình báo cáo kết quả thực hành của nhóm đồng thời sôi nổi hơn trong khi nhận xét, đánh giá kết quả học tập của các bạn. Những kết quả trên đã khẳng định tính hiệu quả trong việc sử dụng các biện pháp phát huy tính tích cực học tập môn Sư học và SPTTLTELTMN cho sinh viên trong nhà trường.

#### **4. Kết luận**

Để phát huy tính tích cực học tập của sinh viên cần giúp sinh viên hiểu rõ tầm quan trọng của tính tích cực trong quá trình học tập. Bên cạnh đó giảng viên cần lựa chọn các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học giảng dạy phù hợp đồng thời có cách kiểm tra đánh giá hợp lý để khuyến khích sinh viên nỗ lực hơn trong quá trình học tập. Tích cực trong quá trình học tập sẽ giúp sinh viên hào hứng hơn, chủ động xây dựng kế hoạch học tập của bản thân, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập...qua đó nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo trong nhà trường.

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Trần Bá Hoàn (2003), *Áp dụng dạy học tích cực trong Tâm lý - Giáo dục học*, Dự án Việt - Bỉ.
2. Đặng Thành Hưng (2002), *Dạy học hiện đại, lý luận - biện pháp - kỹ thuật*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. I.F.Kharlamốp (1979), *Phát huy tính tích cực học tập của học sinh như thế nào? (tập 2)*, NXB Giáo dục.
4. V.Ôkôn (1976), *Những cơ sở của dạy học nêu vấn đề*, NXB Giáo dục.

5. Hoàng Phê (chủ biên) (2001), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng.
6. Nguyễn Ngọc Quang (1989), *Lý luận dạy học đại cương (tập 1)*, Trường Cán bộ quản lý giáo dục TW1, Hà Nội.
7. Nguyễn Ánh Tuyết (2018), *Sự phát triển tâm lí trẻ em lứa tuổi mầm non*, NXB Giáo dục.

## PHÂN DẠNG BÀI TẬP VẬN DỤNG CÁC HẰNG ĐẲNG THỨC ĐÁNG NHỚ TOÁN 8

Thạc sỹ: Ngô Thị Thu Thủy  
 Trường PTTH CLC Nguyễn Tất Thành  
 Email: [nttt.hb@gmail.com](mailto:nttt.hb@gmail.com)

### ***Tóm tắt:***

*Bài viết trình bày về phân dạng bài tập vận dụng các hằng đẳng thức đáng nhớ trong chương trình toán lớp 8, trong quá trình giảng dạy bài luyện tập trên học sinh lớp 8 trường phổ thông thực hành chất lượng cao Nguyễn Tất Thành trực thuộc trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình. Có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho giáo viên và học sinh với mục đích hiểu sâu và vận dụng thành thạo các hằng đẳng thức đã học vào giải toán. Nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng và bồi dưỡng công tác tự học, tự bồi dưỡng của mỗi giáo viên dạy bậc học Trung học cơ sở.*

***Từ khóa:*** *Hằng đẳng thức đáng nhớ; phân dạng toán liên quan đến hằng đẳng thức.*

### **I. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Bảy hằng đẳng thức là kiến thức quan trọng trong chương trình học toán, học sinh được tiếp xúc đầu tiên ngay từ khi bắt đầu lên lớp 8 và khi lên các lớp cao hơn thì bảy hằng đẳng thức đáng nhớ được áp dụng trong các bài toán nâng cao nhiều hơn, và theo người học toán suốt quãng đường học tập. Bảy hằng đẳng thức đáng nhớ giống như cái tên gọi của nó, “đáng nhớ” ở đây và thể hiện vai trò của nó trong việc tiếp thu kiến thức của học sinh, hằng đẳng thức là công cụ đem lại nhiều lợi ích khi áp dụng vào môn toán ở chương trình học tập.

Bảy hằng đẳng thức đáng nhớ là sự ghép nối tạo thành bởi các con số và chữ cái, là phần kiến thức nền tảng, bắt buộc cần học tập của bất kỳ học sinh nào. Mỗi

hằng đẳng thức đưa ra đã được các nhà nghiên cứu và khoa học chứng minh đầy đủ nhất về tính đúng đắn cũng như vận dụng giải một số dạng toán. Vận dụng bảy hằng đẳng thức đáng nhớ để giải các bài tập là một trong những nội dung kiến thức quan trọng không chỉ trong chương trình lớp 8 mà chúng còn được sử dụng thường xuyên ở các lớp học sau này, đặc biệt trong ôn thi vào lớp 10 Trung học cơ sở. Bên cạnh đó ngoài bảy hằng đẳng thức cơ bản thì sẽ còn các dạng hằng đẳng thức khác, nâng cao hơn theo chương trình học của học sinh lên các lớp trên.

Bạn muốn giải được các bài toán liên quan đến giải phương trình, nhân chia các đa thức, biến đổi biểu thức tại cấp học Trung học cơ sở và Trung học phổ thông thì bạn cần nắm vững được bảy hằng đẳng thức đáng nhớ. Qua thực tế giảng dạy bộ môn toán 8 tôi thấy rất nhiều học sinh thấy mơ hồ, lúng túng khi học và vận dụng bảy hằng đẳng thức đáng nhớ biểu hiện như: không thuộc các hằng đẳng thức, hoặc thuộc máy móc nhưng chưa biết vận dụng vào các dạng toán, hoặc vận dụng nhầm các hằng đẳng thức,... Trong phạm vi bài viết này tôi muốn đưa ra các phân dạng bài toán vận dụng bảy hằng đẳng thức đáng nhớ trong chương trình sách giáo khoa Toán 8, sách bài tập Toán 8 để giúp các em học sinh có kỹ năng thành thạo, vận dụng tốt các hằng đẳng thức. Qua đó giúp các em hiểu sâu hơn và vận dụng tốt hơn các hằng đẳng thức đáng nhớ.

Qua thực tế giảng dạy tôi thấy việc hệ thống và phân loại các dạng toán đối với từng chủ đề toán là rất cần thiết, nó giúp các em thấy được sự đa dạng và phong phú về nội dung của lượng kiến thức. Đồng thời giúp cho các em có một cách nhìn nhận, vận dụng kiến thức đã học dưới nhiều góc độ khác nhau, từ đó kích thích các em có sự tìm tòi sáng tạo, khám phá những điều mới lạ say mê trong học tập, có nhiều hứng thú khi học bộ môn toán. Với hy vọng nhỏ là làm sao cho các em học sinh có thể thuộc, hiểu và vận dụng linh hoạt kiến thức về các hằng đẳng thức đáng nhớ, rèn luyện được kỹ năng biến đổi 7 hằng đẳng thức một cách linh hoạt trong các dạng toán.

## **II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

### **2.1. Nghiên cứu cơ sở lí luận**

Nghiên cứu chương trình, nội dung sách giáo khoa, sách bài tập toán 8.

Nghiên cứu một số bài toán trong chương trình toán 8.

Nghiên cứu cách thiết kế, sáng tạo bài toán mới.

### **2.2. Nghiên cứu cơ sở thực tiễn**

Thông qua thực tế giảng dạy, trao đổi chuyên môn, đồng thời nắm bắt được tình hình học tập của học sinh để tìm phương pháp giảng dạy phù hợp từng loại đối tượng học sinh.

Vận dụng lí luận vào xây dựng kế hoạch dạy học trong chương trình toán tăng cường toán lớp 8 của trường phổ thông thực hành chất lượng cao Nguyễn Tất Thành trực thuộc trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình.

Đưa ra phương án xây dựng kế hoạch phân dạng bài tập vận dụng các hằng đẳng thức đáng nhớ trong chương trình Toán lớp 8. Dùng làm tài liệu tham khảo trong quá trình giảng dạy cho giáo viên cũng như có nguồn tài liệu giúp học sinh ôn luyện kiến thức trong quá trình học tập.

### III. KẾT QUẢ

#### 3.1. Cách thực hiện

Chúng tôi đã nghiên cứu chương trình, sách giáo khoa toán 8, lấy ý kiến đồng nghiệp cũng như nghiên cứu cụ thể các dạng toán trong chuyên đề 7 hằng đẳng thức đáng nhớ. Từ đó xây dựng phương án thiết kế phân dạng bài tập vận dụng các hằng đẳng thức đáng nhớ trong chương trình Toán lớp 8 cho các đối tượng học sinh lớp 8 của trường phổ thông thực hành chất lượng cao Nguyễn Tất Thành trực thuộc trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình.

#### 3.2. Phân dạng bài tập vận dụng các hằng đẳng thức đáng nhớ

##### 3.2.1. Các hằng đẳng thức đáng nhớ và hệ quả

\* **Bảy hằng đẳng thức đáng nhớ:** Với A, B là các biểu thức ta có:

- 1) Bình phương của một tổng:  $(A + B)^2 = A^2 + 2AB + B^2$
- 2) Bình phương của một hiệu:  $(A - B)^2 = A^2 - 2AB + B^2$
- 3) Hiệu hai bình phương:  $A^2 - B^2 = (A + B)(A - B)$
- 4) Lập phương của một tổng:  $(A + B)^3 = A^3 + 3A^2B + 3AB^2 + B^3$
- 5) Lập phương của một hiệu:  $(A - B)^3 = A^3 - 3A^2B + 3AB^2 - B^3$
- 6) Tổng hai lập phương:  $A^3 + B^3 = (A + B)(A^2 - AB + B^2)$
- 7) Hiệu hai lập phương:  $A^3 - B^3 = (A - B)(A^2 + AB + B^2)$

\* **Hệ quả:** Với A, B là các biểu thức ta có:

- +)  $(A + B)^2 = (A - B)^2 + 4AB$
- +)  $(A - B)^2 = (A + B)^2 - 4AB$
- +)  $A^3 + B^3 = (A + B)^3 - 3AB(A + B)$
- +)  $A^3 - B^3 = (A - B)^3 + 3AB(A - B)$
- +)  $(A + B - C)^2 = A^2 + B^2 + C^2 + 2(AB - AC - BC)$

##### 3.2.2. Phân dạng bài tập vận dụng các hằng đẳng thức đáng nhớ

**Dạng 1. Vận dụng hằng đẳng thức tính các biểu thức sau:**

**Phương pháp:**

- Xem biểu thức đã cho có dạng hằng đẳng thức nào.
- Thực hiện các hằng đẳng thức hợp lý ta có kết quả (có thể kết quả không gọn).

**Bài 1. Tính các biểu thức sau:**

- |   |  |  |
|---|--|--|
| 1) $(x + 1)^2$ ;                                  | 7) $(x - 1)^2$ ;                                   | 13) $(x - y)(x + y)$ ;   |
| 2) $(x + 2)^2$ ;                                  | 8) $(x - 2)^2$ ;                                   | 14) $(x - 1)(x + 1)$ ;   |
| 3) $(2x + 1)^2$ ;                                 | 9) $(3x - 2)^2$ ;                                  | 15) $(2x - 1)(2x + 1)$ ;   |
| 4) $(2a + 3b)^2$ ;                                | 10) $(2x - 3yz)^2$ ;                               | 16) $(3x - 2y)(3x + 2y)$ ;                                       |
| 5) $\left(\frac{3}{4}a + \frac{1}{2}b\right)^2$ ; | 11) $\left(\frac{1}{2}a - \frac{2}{3}b\right)^2$ ; | 17) $\left(\frac{x}{2} - y\right)\left(\frac{x}{2} + y\right)$ ; |
| 6) $(x + y + z)^2$ ;                              | 12) $(x - y - z)^2$ ;                              | 18) $(x^2 + 3)(3 - x^2)$ .                                       |

**Bài 2. Tính các biểu thức sau:**

- |   |  |
|---|--|
| 1) $(x + 1)^3$ ;                                  | 6) $(x - 1)^3$ ;                                   |
| 2) $(x + 2)^3$ ;                                  | 7) $(x - 2)^3$ ;                                   |
| 3) $(3x + 1)^3$ ;                                 | 8) $(3x - 2)^3$ ;                                  |
| 4) $(2a + 3b)^3$ ;                                | 9) $(2x - 3yz)^3$ ;                                |
| 5) $\left(\frac{3}{4}a + \frac{1}{2}b\right)^3$ ; | 10) $\left(\frac{1}{2}a - \frac{2}{3}b\right)^3$ . |

**Bài 3. Tính các biểu thức sau:**

- |                                   |                                    |
|-----------------------------------|------------------------------------|
| 1) $(x+1)(x^2 - x + 1)$ ;         | 6) $(x-1)(x^2 + x + 1)$ ;          |
| 2) $(x+2)(x^2 - 2x + 4)$ ;        | 7) $(x-2)(x^2 + 2x + 4)$ ;         |
| 3) $(x+3)(x^2 - 3x + 9)$ ;        | 8) $(x-3)(x^2 + 3x + 9)$ ;         |
| 4) $(2 + xy)(4 - 2xy + x^2y^2)$ ; | 9) $(xy - 2)(x^2y^2 + 2xy + 4)$ ;  |
| 5) $(5 + 3x)(25 - 15x + 9x^2)$ ;  | 10) $(2x - y)(4x^2 + 2xy + y^2)$ . |

**Dạng 2. Tính nhanh****Phương pháp:**

- Xem biểu thức đã cho có dạng hằng đẳng thức nào.

- Biến đổi hoặc thêm, bớt vào biểu thức đã cho để xuất hiện dạng hằng đẳng thức.

- Thực hiện các hằng đẳng thức hợp lý và các phép tính ta có kết quả.

**Bài tập 1: Vận dụng các hằng đẳng thức đã học để tính nhanh các biểu thức sau:**

- |              |                      |   |
|--------------|----------------------|---|
| 1) $51^2$ ;  | 6) $48^2$ ;          | 11) $86^2 - 14^2$ ;                       |
| 2) $102^2$ ; | 7) $180^2 - 170^2$ ; | 12) $34^2 + 66^2 + 68.66$ ;               |
| 3) $101^2$ ; | 8) $47.53$ ;         | 13) $153^2 + 153.94 + 47^2$ ;             |
| 4) $19^2$ ;  | 9) $98.102$ ;        | 14) $163^2 - 163.126 + 63^2$ ;            |
| 5) $99^2$ ;  | 10) $29,9.30,1$ ;    | 15) $(31,8)^2 - 2.31,8.21,8 + (21,8)^2$ . |

**Bài tập 2: Vận dụng các hằng đẳng thức đã học để tính nhanh các biểu thức sau:**

- |               |  |
|---------------|--|
| 1) $11^3$ ;   | 7) $2022^2 - 2021(2022 + 1)$ ;         |
| 2) $101^3$ ;  | 8) $2021^2 - 2022(2021 - 1)$ ;         |
| 3) $1001^3$ ; | 9) $2022^2 - 2021.2023$ ;              |
| 4) $19^3$ ;   | 10) $2021^2 - 2022.2020$ ;             |
| 5) $99^3$ ;   | 11) $(15^4 - 1)(15^4 + 1) - 3^8.5^8$ . |
| 6) $48^3$ ;   |  |

### **DẠNG 3. CHỨNG MINH ĐẲNG THỨC**

**Phương pháp:**

Cách 1: Biến đổi vế trái về bằng vế phải.

Cách 2: Biến đổi vế phải về bằng vế trái.

Cách 3: Biến đổi cả vế trái và vế phải cùng bằng một biểu thức trung gian.

**Chú ý:**

- Thường biến đổi về công kênh hơn về vế đơn giản hơn.

- Vận dụng linh hoạt các hằng đẳng thức để các phép biến đổi đơn giản, gọn hơn.

**Bài tập: Chứng minh các đẳng thức sau:**



- 1)  $(a+b)^2 = (a-b)^2 + 4ab$ ;
- 2)  $(a-b)^2 = (a+b)^2 - 4ab$ ;
- 3)  $a^3 + b^3 = (a+b)^3 - 3ab(a+b)$ ;
- 4)  $a^3 - b^3 = (a-b)^3 + 3ab(a-b)$ ;
- 5)  $(a-b)^3 = -(b-a)^3$ ;
- 6)  $(-a-b)^2 = (a+b)^2$ ;
- 7)  $(x+y)^2 - y^2 = x(x+2y)$ ;
- 8)  $(x^2 + y^2)^2 - (2xy)^2 = (x+y)^2(x-y)^2$ ;
- 9)  $(x+y)^3 = x(x-3y)^2 + y(y-3x)^2$ ;
- 10)  $(a+b)^3 + (a-b)^3 = 2a(a^2 + 3b^2)$ ;
- 11)  $(a+b)^3 - (a-b)^3 = 2b(b^2 + 3a^2)$ ;
- 12)  $(ac+bd)^2 + (ad-bc)^2 = (a^2 + b^2)(c^2 + d^2)$ ;
- 13)  $a^3 + b^3 = (a+b)[(a-b)^2 + ab]$ ;
- 14)  $x^4 + y^4 + (x+y)^4 = 2(x^2 + xy + y^2)^2$ .

#### DẠNG 4. RÚT GỌN BIỂU THỨC

##### *Phương pháp:*

- Xem biểu thức đã cho có dạng hằng đẳng thức nào.
- Biến đổi hoặc thêm, bớt vào biểu thức đã cho để xuất hiện dạng hằng đẳng thức.
- Thực hiện các hằng đẳng thức hợp lý, linh hoạt ta có kết quả.

##### **Bài tập: Rút gọn các biểu thức sau:**

- 1)  $(a+b)^2 - (a-b)^2$ ;
- 2)  $(2x+5)(2x-5)$ ;
- 3)  $(x^2+3)(3-x^2)$ ;
- 4)  $(x+y)^2 + (x-y)^2$ ;
- 5)  $(3x+1)^2(2x-3)^2$ ;
- 6)  $(x^2-0,1)^2(2x+0,5)^2$ ;
- 7)  $(x-2y)(x+2y) + (x+2y)^2$ ;
- 8)  $(x-2y+3z)(x+2y-3z)$ ;
- 9)  $4(2x+5)^2 - 2(3x+1)(1-3x)$ ;
- 11)  $(x+3)(x^2-3x+9) - (54+x^3)$ ;
- 12)  $(x^2-2x+2)(x^2-2)(x^2+2x+2)(x^2+2)$ ;
- 13)  $(x+1)^3 + (x-1)^3 + x^3 - 3x(x-1)(x+1)$ ;
- 14)  $(a+b)^3 - (a-b)^3 - 2b^3$ ;
- 15)  $3x(x-1)^2 - 2x(x+3)(x-3) + 4x(x-4)$ ;
- 16)  $4(2x+5)^2 - 2(3x+1)(1-3x)$ ;
- 17)  $(3x^3+3x+1)(3x^3-3x+1) - (3x^3+1)$ ;
- 18)  $(x-y+z)^2 + (z-y)^2 - 2(x-y+z)(z-y)$ ;
- 19)  $(x+y)^2 + 4(x-y)^2 - 4(x-y)(x+y)$ ;

$$10) 4(2x+5)^2 - 2(3x+1)(1-3x); \quad 20) (2x+y)(4x^2-2xy+y^2) - (2x-y)(4x^2+2xy+y^2).$$

### **DẠNG 5. CHỨNG MINH GIÁ TRỊ CỦA BIỂU THỨC KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO GIÁ TRỊ CỦA BIẾN.**

**Phương pháp:**

- Xem biểu thức đã cho có dạng hằng đẳng thức nào.
- Biến đổi hoặc thêm, bớt vào biểu thức đã cho để xuất hiện dạng hằng đẳng thức.
- Thực hiện các hằng đẳng thức hợp lý và các phép tính ta có kết quả là một hằng số (không chứa biến).

**Bài tập: Chứng minh giá trị của các biểu thức sau không phụ thuộc vào giá trị của biến.**

- 1)  $(2x+3)(4x^2-6x+9) - 2(4x^3-1);$
- 2)  $(x+3)^3 - (x+9)(x^2+27);$
- 3)  $(x+y)(x^2-xy+y^2) + (x-y)(x^2+xy+y^2) - 2x^3;$
- 4)  $(3x+2)(2x-1) - 6x(x-1) - 7x+4;$
- 5)  $2x(x-1) - x(2x+1) - (3-3x);$
- 6)  $2x(x-3) - (2x-2)(x-2);$
- 7)  $(3x-5)(2x+11) - (2x+3)(3x+7);$
- 8)  $(x+2)^3 - (x-2)^3 - 12x^2;$
- 9)  $8x^3 - 5 - (2x+1)(4x^2-2x+1).$

### **DẠNG 6. BIỂU DIỄN ĐA THỨC DƯỚI DẠNG BÌNH PHƯƠNG, LẬP PHƯƠNG CỦA MỘT TỔNG (MỘT HIỆU)**

**Phương pháp:**

- Xem biểu thức đã cho có dạng hằng đẳng thức nào.

- Biến đổi hoặc thêm, bớt vào biểu thức đã cho để xuất hiện dạng hằng đẳng thức.

**Vận dụng các hằng đẳng thức:**

$$1) A^2 + 2.A.B + B^2 = (A + B)^2$$

$$2) A^2 - 2.A.B + B^2 = (A - B)^2$$

$$3) A^3 + 3.A^2.B + 3.A.B^2 + B^3 = (A + B)^3$$

$$4) A^3 - 3.A^2.B + 3.A.B^2 - B^3 = (A - B)^3$$

**Bài tập 1: Biểu diễn đa thức dưới dạng bình phương của một tổng, hiệu:**

$$1) x^2 + 2x + 1;$$

$$11) 9x^2 - 6x + 1;$$

$$2) x^2 + 4x + 4;$$

$$12) 25a^2 + 4b^2 - 20ab;$$

$$3) x^2 + 6x + 9;$$

$$13) x^2 - x + \frac{1}{4};$$

$$4) 9x^2 + 6x + 1;$$

$$14) 25x^2 - 20xy + 4y^2;$$

$$5) 9x^2 + y^2 + 6xy;$$

$$6) \frac{9}{4}x^2 + 6x + 4;$$

$$15) 4x^2 - xy + \frac{1}{16}y^2;$$

$$7) (2x + 3y)^2 + 2(2x + 3y) + 1;$$

$$16) 4x^2 - 6x + \frac{9}{4};$$

$$8) (9x^2 + 12x + 4) + 6(3x + 2) + 9;$$

$$17) 4(x^2 + 2x + 1) - 12x - 3;$$

$$9) x^2 + 10x + 26 + y^2 + 2y;$$

$$18) (4x^2 - 4x + 1) + 4y(1 - 2x) + 4y^2;$$

$$10) 4x^2 + 2z^2 + 4xz + 2z + 1;$$

$$19) 4x^2 + 2z^2 - 4xz - 2z + 1;$$

$$20) (x^2 - 2x + 1) - 2(x - 1)(2y - 1) + (4y^2 - 4y + 1).$$

**Bài tập 2: Biểu diễn đa thức dưới dạng lập phương của một tổng, hiệu:**

$$1) x^3 + 3x^2 + 3x + 1;$$

$$7) x^3 - 3x^2 + 3x - 1;$$

$$2) x^3 + 9x^2 + 27x + 27;$$

$$8) 8 - 12x + 6x^2 - x^3;$$

$$3) 8 + 12x + 6x^2 + x^3;$$

$$9) x^3 - 9x^2 + 27x - 27;$$

$$4) 27x^3 + 27x^2 + 9x + 1;$$

$$10) 27x^3 - 27x^2 + 9x - 1;$$

$$5) x^3 + 3\sqrt{2}x^2y + 6xy^2 + 2\sqrt{2}y^3;$$

$$11) -x^3 + 3x^2 - 3x + 1;$$

6)  $3\sqrt{3}x^3 + 18x^2 + 12\sqrt{3}x + 8$ ;

12)  $3\sqrt{3}x^3 - 18x^2 + 12\sqrt{3}x - 8$ ;

13)  $x^6 - 3x^5 + 3x^4 - x^3$ .

**DẠNG 7. TÍNH GIÁ TRỊ BIỂU THỨC****Phương pháp:**

- Vận dụng các hằng đẳng thức hợp lý, linh hoạt để rút gọn biểu thức.
- Thay giá trị của biến vào biểu thức đã thu gọn.
- Thực hiện phép tính, ta được kết quả là giá trị của biểu thức cần tìm.

**Bài tập 1. Tính giá trị của các biểu thức sau:**

1)  $(x-10)^2 - x(x+80)$  với  $x = 0,98$ ;

5)  $(x+y)^2 - (x-y)^2$  với  $xy = \frac{1}{4}$ ;

2)  $(2x+9)^2 - x(4x+31)$  với  $x = -$

6)  $x^3 + 3x^2 + 3x + 1$  với  $x = 99$ ;

16,2;

7)  $x^3 - 3x^2 + 3x - 1$  với  $x = 11$ ;

3)  $4x^2 - 28x + 49$  với  $x = 4$ ;

8)  $x^3 + \frac{3}{10}x^2 + \frac{3}{100}x + \frac{1}{1000}$  với  $x = \frac{9}{10}$ .

4)  $x^3 - 9x^2 + 27x - 27$  với  $x = 5$ ;

**Bài tập 2. Tính giá trị của các biểu thức sau:**

1)  $(x^2 + 4xy + 4y^2)^2 - 2(x+2y)(y-1) + (y^2 - 2y + 1)$  với  $x + y = 10$ ;

2)  $(x+2y+1)^2 - (x-2y)^2$  với  $x = 2005$ ;  $y = 35$ ;

3)  $(x+y)^2 + (x-y)^2 + 2(x+y)(x-y)$  với  $x = \frac{1}{2}$ ;  $y = -3$ ;

4)  $3(x-y)^2 - 2(x+y)^2 - (x+y)(x-y)$  với  $x = \frac{1}{3}$ ;  $y = -2$ .

5)  $(x^3 + 3x^2 + 3x + 1) + 3(x^2 + 2x + 1)y + 3(x+1)y^2 + y^3$  với  $x + y = 9$ .

6)  $(x^3 + 6x^2 + 12x + 8) + 3(x^2 + 4x + 4)y + 3(x+2)y^2 + y^3$  với  $x + y = 8$ .

7)  $(8x^3 + 12x^2y + 6xy^2 + y^3) + 3(4x^2 + 4xy + y^2)y + 3(2x+y)y^2 + y^3$

với  $x + y = 50$ .

8)  $(x^3 - 3x^2y + 3xy^2 - y^3) - 6(x^2 - 2xy + y^2) + 12(x-y) - 8$  với  $x - y = 12$ .

$$9) (x-1)^3 - 4x(x+1)(x-1) + 3(x-1)(x^2 + x + 1) \text{ với } x = -2.$$

$$10) (x+y)(x^2+y^2)(x^3+y^3) \text{ với } x+y=7 \text{ và } xy=10.$$

$$11) (x-1)^3 - (x+2)(x^2-2x+4) + 3(x+4)(x-4) \text{ với } x = -5.$$

$$12) 27 + (x-3)(x^2+3x+9) \text{ với } x = -3.$$

### **DẠNG 8. CHỨNG MINH BIỂU THỨC LUÔN DƯƠNG (ÂM) VỚI MỌI GIÁ TRỊ CỦA BIẾN**

**Phương pháp:** Dựa vào hằng đẳng thức chứng minh:  $f(x) \geq 0$  với mọi số thực  $x$ .

**Vận dụng các hằng đẳng thức:**

$$A^2 + 2.A.B + B^2 = (A + B)^2$$

$$A^2 - 2.A.B + B^2 = (A - B)^2$$

**Bài tập 1.** Chứng minh rằng các biểu thức sau luôn âm (luôn dương) với mọi giá trị của biến

$$1) x^2 - 6x + 10;$$

$$11) 6x - x^2 - 7;$$

$$2) 4x^2 - 4x + 10;$$

$$12) 4x - x^2 - 5;$$

$$3) 9x^2 - 6x + 2;$$

$$13) x - x^2 - 1;$$

$$4) 2x^2 + 2x + 1;$$

$$14) 3x - x^2 - 12;$$

$$5) 3x^2 + 6x + 19;$$

$$15) 5x - x^2 - 11;$$

$$6) x^2 + x + 1;$$

$$16) 7x - 2x^2 - 23;$$

$$7) x^2 - 20x + 101;$$

$$17) 2x - 3x^2 - 13;$$

$$8) x^2 - 2xy + y^2 + 1;$$

$$18) 2 - x^2 - y^2 - 2(x+y);$$

$$9) x^2 + y^2 - 2xy + x - y + 1;$$

$$19) x^2 + y^2 - 2(x+y) + 16;$$

$$10) x^2 + 2y^2 + 2xy - 2y + 19;$$

$$20) x^2 + y^2 - 2xy + x - y + 12.$$

### **DẠNG 9. TÌM GIÁ TRỊ NHỎ NHẤT, GIÁ TRỊ LỚN NHẤT CỦA MỘT BIỂU THỨC**

**Phương pháp:**

+) Nhỏ nhất:  $\text{Min } f(x) = m.$

- Dựa vào hằng đẳng thức chứng minh:  $f(x) \geq m$  ( $m$  là hằng số)  $\exists x_0 : f(x_0) = m.$

+) Lớn nhất:  $\text{Max } f(x) = M$ .

- Dựa vào hằng đẳng thức chứng minh:  $f(x) \leq M$  ( $M$  là hằng số)  $\exists x_0 : f(x_0) = M$ .

+) Thông thường để làm dạng toán GTNN, GTLN thường biến đổi để sử dụng hằng đẳng thức bình phương của một tổng (hoặc một hiệu), cộng (trừ) với một hằng số.

**Lưu ý:**

- Hệ số của  $x^2$  trong tam thức bậc hai âm (hoặc dương) để tìm giá trị lớn nhất (hoặc giá trị nhỏ nhất).

- Trường hợp biểu thức là phân thức mà tử là hằng số thì kết quả nghịch đảo với giá trị đa thức.

- Trường hợp biểu thức có 2 biến ta nhóm lại làm cho từng biến như trên.

**Bài tập 1: Tìm giá trị nhỏ nhất, lớn nhất (nếu có) của biểu thức**

1)  $A = 4x^2 + 4x + 11$ ;

16)  $T = 12x - 3x^2$ ;

2)  $C = 4a^2 + 4a + 2$ ;

17)  $O = -12x - 4x^2$ ;

3)  $D = x^2 + 3x + 3$ ;

18)  $L = 4x - x^2$ ;

4)  $H = 2x^2 + 8x + 9$ ;

19)  $X = 4 - x^2 + 2x$ ;

5)  $M = 2x^2 + 6x - 15$ ;

20)  $Z = 4x - x^2 + 3$ ;

6)  $E = \frac{3}{2}x^2 + x + 1$ ;

21)  $U = 2x - 2 - 3x^2$ ;

7)  $B = x^2 - 20x + 101$ ;

22)  $H = (2x - 1)^2 + (x + 2)^2$ ;

8)  $F = 9x^2 - 2x + 3$ ;

23)  $A = x^2 - 2x + y^2 - 4y + 7$ ;

9)  $I = x^2 - 3x + 5$ ;

24)  $B = x^2 - 4xy + 5y^2 + 10x - 22y + 28$ ;

10)  $G = 3x^2 - 3x + 1$ ;

25)  $C = x^2 + 2xy + 2y^2 - 2y$ ;

11)  $J = 3x^2 - 12x + 20$ ;

26)  $D = 2 - x^2 - y^2 - 2(x + y)$ ;

12)  $N = x^4 - 4x^2 + 6$ ;

27)  $E = 7 - x^2 - y^2 + 2(x + y)$ ;

13)  $P = 3 - 4x - x^2$ ;

28)  $F = 2x - 2xy - 2x^2 - y^2$ ;

14)  $Q = x - x^2$ ;

29)  $G = 2x^2 + y^2 - 2xy + 1$ .

15)  $R = 2x - 3x^2 - 2$ ;

**Bài tập 2: Tìm giá trị nhỏ nhất của biểu thức**

1)  $H = (x-1)(x+2)(x+3)(x+6)$ ;

2)  $G = (x+1)(x+2)(x+3)(x+4)$ ;

3)  $K = (x-1)(x-3)(x-5)(x-7)$ ;

4)  $T = (x+2)(x+3)(x-7)(x-8)$ ;

5)  $X = x(x+1)(x+2)(x+3)$ ;

6)  $Y = x(x+4)(x+6)(x+10)$ ;

7)  $X = (x-7)(x-5)(x-4)(x-2)$ .

**DẠNG 10. TÌM x****Phương pháp:**

- Döia vào hàng ñáng thöc phân tích möt veá thaønh tích caùc ña thöc.

- Thu gon caùc thöøa soá, nhaän xeùt vào giaûi phöông trình  $ax + b = 0$ , tìm x.

**Chú ý:** 1)  $A_{(x)}^n = 0 \Leftrightarrow A_{(x)} = 0$

2)  $A_{(x)} \cdot B_{(x)} = 0 \Rightarrow \begin{cases} A_{(x)} = 0 \\ B_{(x)} = 0 \end{cases}$

3)  $A_{(x)}^2 + B_{(x)}^2 = 0 \Rightarrow \begin{cases} A_{(x)} = 0 \\ B_{(x)} = 0 \end{cases}$

**Bài tập 1: Tìm x biết:**

1)  $x^2 - 1 = 0$ ;

2)  $x^2 - 4 = 0$ ;

3)  $4x^2 - 9 = 0$ ;

4)  $16x^2 - 1 = 35$ ;

5)  $(x+2)^2 - 9 = 0$ ;

6)  $(3x+2)^2 - 81 = 0$ ;

7)  $(x+2)^2 - 9 = 0$ ;

8)  $(x+2)^2 - x^2 + 4 = 0$ ;

9)  $x^2 - 2x = 24$ ;

10)  $(x-3)^2 - 4 = 0$ ;

**Bài tập 2: Tìm x biết:**

- 1)  $(2x-1)^2 + (x+3)^2 - 5(x-7)(x+7) = 0;$
- 2)  $(3x+1)^2 - 9(x+2)^2 = -5;$
- 3)  $3(x-1)^2 - 3x(x-5)^2 = 1;$
- 4)  $(6x-2)^2 + (5x-2)^2 - 4(3x-1)(5x-2) = 0;$
- 5)  $(x-2)^3 - x^2(x-6) = 4;$
- 6)  $(x+1)^3 - x(x-2)^2 + x - 1 = 0;$
- 7)  $(x+2)(x^2 - 2x + 4) - x(x^2 + 2) = 0;$
- 8)  $(x-1)^3 - (x+3)(x^2 - 3x + 9) + 3(x^2 - 4) = 2;$
- 9)  $(x+1)(x^2 + x + 1)(x-1)(x^2 - x + 1) = 7;$
- 10)  $(x-1)(x^2 + x + 1) - x(x+2)(x-2) = 5;$
- 11)  $(x-3)(x^2 + 3x + 9) - x(x+2)(2-x) = 1;$
- 12)  $3(x+2)^2 + (2x-1)^2 - 7(x-3)(x+3) = 36;$
- 13)  $(x+1)^3 - (x-1)^3 - 6(x-1)^2 = -10;$
- 14)  $4(x+1)^2 + (2x-1)^2 - 8(x-1)(x+1) = 11;$
- 15)  $(x+2)(x+3) - (x-2)(x+5) = 6;$

#### IV. THẢO LUẬN

Trong quá trình giảng dạy và luyện tập cho học sinh lớp 8 học về bảy hằng đẳng thức đáng nhớ trong chương trình, tôi nhận thấy:

Để học sinh học thuộc, hiểu và vận dụng được bảy hằng đẳng thức đáng nhớ không phải là việc đơn giản. Khi được hướng dẫn vào một dạng toán cụ thể, việc lựa chọn và vận dụng hằng đẳng thức phù hợp vào hệ thống bài tập đã giúp các em được rèn luyện kỹ hơn, hiểu sâu hơn cách làm bài. Sau thời gian học, đa số học sinh học thuộc bảy hằng đẳng thức, biết cách vận dụng và giải được bài toán trong yêu cầu.

#### V. KẾT LUẬN



Trong phạm vi bài viết, với vị trí tác giả tôi đã cố gắng trình bày theo kinh nghiệm giảng dạy của mình để phân dạng bài tập vận dụng bảy hằng đẳng thức đáng nhớ một cách có hệ thống nhằm giúp học sinh hiểu và vận dụng linh hoạt vào bài cụ thể. Do vậy rất mong bạn đọc góp ý kiến bổ sung để bài viết được hoàn thiện hơn, có thể dùng làm tài liệu tham khảo nâng cao chất lượng giảng dạy hằng đẳng thức lớp 8.

## **VI. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Nguyễn Bá Kim (chủ biên) – Bùi Huy Ngọc - Năm 2005 - *Phương pháp dạy học đại cương môn Toán* – Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
2. Phan Đức Chính (tổng chủ biên) - Tôn Thân (chủ biên) – Vũ Hữu Bình – Trần Đình Châu – Ngô Hữu Dũng - Phạm Gia Đức – Nguyễn Duy Thuận Năm 2021 - *Sách giáo khoa Toán 8 tập 1* - Nhà xuất bản giáo dục.
3. Tôn Thân (chủ biên) – Vũ Hữu Bình – Trần Đình Châu - Phạm Gia Đức – Phạm Đức Quang – Nguyễn Duy Thuận Năm 2021 - *Sách bài tập Toán 8 tập 1* - Nhà xuất bản giáo dục.

## **THIẾT KẾ BỘ ĐỀ ÔN TẬP HỌC KÌ I CHO HỌC SINH LỚP 6 MÔN NGỮ VĂN TRƯỜNG PHỔ THÔNG THỰC HÀNH CLC NGUYỄN TẮT THÀNH**

Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Vân  
Đơn vị: Trường PTTH CLC Nguyễn Tất Thành.  
Email: [Thanhvan741992@gmail.com](mailto:Thanhvan741992@gmail.com)

### ***Tóm tắt:***

*Đổi mới nhằm mục đích nâng cao chất lượng dạy và học đang là nhiệm vụ hàng đầu của nền giáo dục nước nhà. Tuy nhiên, trong quá trình đổi mới chúng ta vấp phải không ít khó khăn. Để tháo gỡ những khó khăn ấy cần có biện pháp thiết thực, cụ thể. Bài viết thể hiện kết quả việc thực hiện một biện pháp thiết thực về việc thiết kế một bộ đề ôn tập thường kì cho đối tượng học sinh lớp 6 của trường PTTH CLC Nguyễn Tất Thành. Đó cũng là cơ sở cho việc áp dụng vào thực tế giảng dạy sau này.*

***Từ khóa:*** Bộ đề ôn tập, lớp 6, Trường PTTH CLC Nguyễn Tất Thành .

### **I. Đặt vấn đề**

Bắt đầu từ năm học 2021 – 2022, Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện thay sách giáo khoa lớp 6, cùng với đó là việc đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Việc đổi mới này khiến cho không ít giáo viên gặp phải khó khăn trong vấn đề tiếp cận và thực hiện.

Các em học sinh lớp 6 bước vào cấp học THCS còn nhiều bỡ ngỡ. Phương pháp học tập và kiểm tra đánh giá của cấp Tiểu học và THCS không giống nhau. Bản thân môn Ngữ Văn 6 cũng có rất nhiều điểm khác biệt so với môn Tiếng Việt cấp Tiểu học. Điều này dẫn đến việc kĩ năng làm bài của một số học sinh còn yếu.

Nhận thức được vấn đề này, chúng tôi có một vài đề xuất thiết kế một bộ đề ôn tập học kì I cho HS lớp 6.

## **II. Phương pháp nghiên cứu**

- Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu: Trong bài báo chúng tôi có tham khảo một số nguồn tài liệu tập huấn bồi dưỡng giáo viên THCS và tài liệu trên mạng Internet. Trên cơ sở đó, tôi tổng hợp các kiến thức lí luận cần có, phân tích và làm sáng tỏ vấn đề.
- Phương pháp thực nghiệm: Nghiên cứu này được thực nghiệm trong chương trình Ngữ Văn của trường PTH CLC Nguyễn Tất Thành.
- Phương pháp quan sát: Giáo viên tiến hành quan sát học sinh thực tế khi đổi mới kiểm tra đánh giá.

## **III. Kết quả và bàn luận**

### **1. Cơ sở lí luận của vấn đề nghiên cứu**

#### **1.1. Nguyên tắc kiểm tra, đánh giá**

##### ***1.1.1. Đảm bảo tính toàn diện và tính linh hoạt***

Việc đánh giá năng lực hiệu quả nhất khi phản ánh được sự hiểu biết đa chiều, tích hợp, về bản chất của các hành vi được bộc lộ theo thời gian. Năng lực là một tổ hợp, đòi hỏi không chỉ sự hiểu biết mà là những gì có thể làm với những gì họ biết; nó bao gồm không chỉ có kiến thức, khả năng mà còn là giá trị, thái độ và thói quen

hành vi ảnh hưởng đến mọi hoạt động. Do vậy, đánh giá cần phản ánh những hiểu biết bằng cách sử dụng đa dạng các phương pháp nhằm mục đích mô tả một bức tranh hoàn chỉnh hơn và chính xác năng lực của người được đánh giá.

### ***1.1.2. Đảm bảo tính phát triển***

Nguyên tắc này đòi hỏi trong quá trình kiểm tra, đánh giá, có thể phát hiện sự tiến bộ của học sinh, chỉ ra những điều kiện để cá nhân đạt kết quả tốt hơn về phẩm chất và năng lực; phát huy khả năng tự cải thiện của HS trong hoạt động dạy học và giáo dục.

### ***1.1.3. Đảm bảo đánh giá trong bối cảnh thực tiễn***

Để chứng minh người học có phẩm chất và năng lực ở mức độ nào đó, phải tạo cơ hội để họ được giải quyết vấn đề trong tình huống, bối cảnh mang tính thực tiễn. Vì vậy, kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS chú trọng việc xây dựng những tình huống, bối cảnh thực tiễn để HS được trải nghiệm và thể hiện mình.

### ***1.1.4. Đảm bảo phù hợp với đặc thù môn học***

Mỗi môn học có những yêu cầu riêng về năng lực đặc thù cần hình thành cho HS, vì vậy, việc kiểm tra, đánh giá cũng phải đảm bảo tính đặc thù của môn học nhằm định hướng cho GV lựa chọn và sử dụng các phương pháp, công cụ đánh giá phù hợp với mục tiêu và yêu cầu cần đạt của môn học.

## **1.2. Cấu trúc đề kiểm tra môn Ngữ văn 6**

Từ năm học 2021 – 2022, việc đổi mới sách giáo khoa, đổi mới chương trình học dẫn đến việc ra đề kiểm tra đánh giá cũng thay đổi. Cấu trúc đề kiểm tra môn Ngữ Văn 6 như sau:

### **Phần I: Đọc hiểu (60%)**

- a. Ngữ liệu: GV tìm các ngữ liệu ngoài sách giáo khoa.

\*Lưu ý:

- Ngữ liệu có độ dài vừa phải, có ý nghĩa giáo dục, ý nghĩa xã hội.

- Tìm từ những nguồn rõ ràng, trích trong sách, báo...
- Ngôn ngữ văn hóa phù hợp với đối tượng HS.
- Thử thách vừa phải.
- Phù hợp với việc ra câu hỏi tương ứng với nội dung học.

b. Hệ thống câu hỏi: Số lượng câu hỏi tùy giáo viên.

- Trả lời các câu hỏi thuộc các mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp.

+ Nhận biết (Trả lời câu hỏi: Là gì?; Xác định...; Chỉ ra... )

+ Thông hiểu (Trả lời câu hỏi: Tại sao...?; Vì sao...?)

+ Vận dụng thấp (Trả lời câu hỏi: Như thế nào...; Bài học nhận thức hoặc ý nghĩa thông điệp...)

\*Lưu ý:

- Nội dung câu hỏi cần có sự kết hợp kiến thức giữa 3 phân môn: Văn bản – Tiếng Việt – Tập làm văn.

- Trong những trường hợp cụ thể, hệ thống câu hỏi có thể điều chỉnh cho phù hợp với ngữ liệu và đối tượng học sinh ở mỗi địa phương.

## **Phần II: Viết (40%)**

Đảm bảo nội dung viết nằm trong chương trình tập làm văn khối lớp.

### **1.3. Khung chương trình Ngữ Văn 6**

<b>TT</b>	<b>Kĩ năng</b>	<b>Đơn vị kiến thức / kĩ năng</b>
<b>1</b>	<b>Đọc hiểu</b>	Truyện dân gian (truyện thuyết, cổ tích)..
		Truyện đồng thoại, truyện ngắn
		Hồi kí hoặc du kí
		Thơ và thơ lục bát
		Văn nghị luận

		Văn bản thông tin
<b>2</b>	<b>Viết</b>	Kể lại một trải nghiệm của bản thân.
		Kể lại một truyền thuyết hoặc truyện cổ tích.
		Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt
		Trình bày ý kiến về một hiện tượng mà xã hội mình quan tâm
		Thuyết minh thuật lại một sự kiện.

## 2. Cơ sở thực tiễn

Trong thực tế giảng dạy bộ môn Ngữ Văn lớp 6 tại trường PTTH CLC Nguyễn Tất Thành, chúng tôi nhận thấy rằng:

Bước vào môi trường Trung học cơ sở (THCS), các em học sinh lớp 6 còn nhiều bỡ ngỡ, chưa biết cách học, dẫn đến việc điểm kiểm tra khảo sát và điểm các bài kiểm tra thường xuyên đầu năm ở mức thấp. Đối với môn Ngữ Văn, tỉ lệ điểm giỏi (Từ 8 điểm trở lên) giảm, tỉ lệ điểm trung bình (5 điểm) và dưới trung bình tăng cao (so với số liệu kết quả điểm thi và điểm tổng kết cuối năm lớp 5). Trong khi đó kết quả học tập của hầu hết các em học sinh ở Tiểu học là khá và giỏi. Trước thực trạng này, nhiều phụ huynh lo lắng tìm giải pháp cho con em mình. Nhưng nếu không đi đúng hướng có thể khiến học sinh mệt mỏi, gây ra tâm lí áp lực, stress vì học tập quá nhiều mà không hiệu quả.

Chương trình Ngữ Văn THCS hiện nay có hai hình thức kiểm tra đánh giá là đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. Với đánh giá thường xuyên, chúng tôi có thể áp dụng nhiều phương pháp đánh giá đa dạng như: Phương pháp hỏi – đáp, phương pháp quan sát, phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập, phương pháp đánh giá qua sản phẩm học tập. Đối với đánh giá định kì, trong môn Ngữ Văn, trường PTTH CLC Nguyễn Tất Thành thực hiện theo chỉ đạo chung của Phòng Giáo dục và Đào tạo Hòa Bình sử dụng phương pháp kiểm tra viết để đánh giá học sinh trong bài

kiểm tra giữa học kì và bài kiểm tra cuối học kì. Tuy nhiên, kĩ năng làm bài kiểm tra viết của học sinh còn chưa cao.

Trước tình hình đó, chúng tôi thiết nghĩ cần có biện pháp nâng cao chất lượng dạy học môn Ngữ Văn lớp 6. Đặc biệt là việc hướng dẫn học sinh ôn tập đúng cách trước những bài kiểm tra thi khảo sát chất lượng, thi giữa học kì và thi cuối kì. Từ đó, chúng tôi xây dựng bộ đề ôn tập môn Ngữ Văn cho học sinh lớp 6 tại trường PTTT CLC NTT.

### **3. THIẾT KẾ BỘ ĐỀ ÔN TẬP HỌC KÌ I CHO HỌC SINH LỚP 6 MÔN NGỮ VĂN**

#### **3.1. Nội dung bộ đề.**

##### **ĐỀ 1:**

#### **Phần I: Đọc hiểu**

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

*Một hôm, đàn Kiến phát hiện một chú Ong nhỏ bị thương đang nằm dưới khóm hoa hồng trong vườn. Ong nhỏ không bay được nữa, đang nằm rên la vì đau. Đàn Kiến tốt bụng ngay lập tức cố gắng nhắc Ong nhỏ lên, tìm cách đưa về nhà.*

*Vài hôm sau, Ong nhỏ đã hồi phục sức khỏe, lại có thể bay lượn tung tăng trong vườn hoa như trước.*

*Ong nhỏ không quên ơn cứu mạng của đàn Kiến. Việc đầu tiên nó làm sau khi khỏi là tặng đàn Kiến một lẵng hoa đầy mật. Nó nói: “Các bạn Kiến, cảm ơn các bạn đã cứu tôi. Đây là mật hoa tươi tôi tặng các bạn, xin hãy nhận lấy, mong các bạn sẽ thích”.*

*Đàn Kiến thấy Ong nhỏ chân thành quá liền nhận món quà đáng quý rồi cùng Ong nhỏ thưởng thức mật hoa ngọt thơm.*

*(Trích “Mật hoa thơm ngọt” Trương Thái - NXB Thanh niên, 2018 )*

Câu 1: Xác định thể loại và phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2: Truyện được kể theo ngôi thứ mấy? Nhân vật trong truyện gồm có những ai?

Câu 3: Từ in đậm trong câu: “Đàn Kiến thấy Ong nhỏ chân thành quá liền nhận món quà đáng quý rồi cùng Ong nhỏ thưởng thức mật hoa ngọt thơm.” có nghĩa là gì?

Câu 4: Ong nhỏ tặng đàn Kiến lẵng hoa đầy mật thể hiện điều gì?

Câu 5: Chủ đề của văn bản trên là gì?

Câu 6: Em hãy viết một đoạn văn từ 3-5 câu rút ra bài học mà em tâm đắc nhất sau khi đọc văn bản trên và lí giải tại sao.

## Phần II: Viết

Kể một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.

GỢI Ý:

Phần	Câu	Nội dung
<b>I</b>		<b>ĐỌC HIỂU</b>
	<b>1</b>	- Truyện đồng thoại. - PTBD chính: Tự sự.
	<b>2</b>	- Ngôi kể: ngôi thứ 3 - Nhân vật: Đàn Kiến, Ong
	<b>3</b>	- <i>Chân thành</i> có nghĩa là: Thật lòng
	<b>4</b>	- Ong nhỏ thể hiện lòng biết ơn với đàn Kiến.
	<b>5</b>	- Chủ đề của văn bản: Tình yêu thương và lòng biết ơn trong cuộc sống.
	<b>6</b>	* Hình thức: Học sinh viết được đoạn văn từ 3-5 câu. * Nội dung: - Học sinh rút ra được bài học cho bản thân. (Gợi ý: Sẵn sàng giúp đỡ người khác khi gặp khó khăn; Luôn trân trọng, biết ơn người đã giúp đỡ mình và tìm cách báo đáp....) - Lí giải phù hợp.
<b>II</b>		<b>VIẾT</b>
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Kể trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.

	<p><i>c. Kể trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.</i>  <i>HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng ngôi kể thứ nhất.</li> <li>- Giới thiệu về trải nghiệm của bản thân.</li> <li>- Các sự kiện chính của trải nghiệm: bắt đầu – diễn biến – kết thúc.</li> <li>- Nêu những ý nghĩa của trải nghiệm đó đối với bản thân em (quan trọng, khó quên).</li> </ul>
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i>  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>
	<p><i>e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo.</i></p>

**ĐỀ 2:****Phần I: Đọc hiểu**

Đọc bài thơ sau và trả lời câu hỏi:

**MẸ**

*Lặng rồi cả tiếng con ve,  
Con ve cũng mệt vì hè nắng oi.  
Nhà em vẫn tiếng ạ ời,  
Kêu cà tiếng vông mẹ ngồi mẹ ru,  
Lời ru có gió mùa thu,  
Bàn tay mẹ quạt mẹ đưa gió về,  
Những ngôi sao thức ngoài kia,  
Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con,  
Đêm nay con ngủ giấc tròn,  
Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.*

(Mẹ, Trần Quốc Minh, theo *Thơ chọn với lời bình*, NXB GD, 2002, tr 28-29)



Câu 1: Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

Câu 2: Nội dung của bài thơ trên là gì?

Câu 3: Em hãy chỉ ra cách gieo vần trong 4 câu thơ đầu.

Câu 4: Văn bản thể hiện tâm tư, tình cảm gì của tác giả đối với người mẹ?

Câu 5: Thông điệp mà tác giả muốn nhắn gửi qua bài thơ trên là gì?

Câu 6: Suy nghĩ về vai trò của tình mẹ đối với mỗi người.

## Phần II: Viết

Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt.

GỢI Ý:

Câu	Nội dung
	<b>ĐỌC HIỂU</b>
1	Thể thơ lục bát
2	Nỗi vất vả cực nhọc của mẹ khi nuôi con và tình yêu vô bờ bến mẹ dành cho con
3	Tiếng thứ 6 của dòng 6 vần với tiếng thứ 6 của dòng 8 (vần e); tiếng thứ 8 của dòng 8 vần với tiếng thứ 6 của dòng 6 tiếp theo (vần oi)
4	Tình yêu thương, nỗi nhớ, lòng biết ơn, trân trọng đối với mẹ.
5	Lời ru của mẹ có ý nghĩa rất quan trọng với cuộc đời mỗi người con. Tình mẫu tử là tình cảm thiêng liêng và sâu đậm nhất. Con cái cần có bổn phận đền đáp công ơn sinh thành và dưỡng dục của cha mẹ.
6	HS có thể nêu suy nghĩ như sau: - Tình mẹ chính là một thứ tình cảm cao quý bởi đó chính là mối quan hệ gắn bó ruột thịt giữa mẹ và con cái. - Tình mẹ chính là điểm tựa vững chắc cho con trên mỗi bước đường đời.

<b>II</b>	<b>VIẾT</b>
	<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn miêu tả (có sử dụng các yếu tố tự sự và, biểu cảm)</i>
	<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> Tả lại một cảnh sinh hoạt mà em ấn tượng.

	<p><i>c. Tả lại cảnh sinh hoạt ấn tượng</i></p> <p>HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <p><u>Mở bài</u>: Giới thiệu cảnh sinh hoạt: Tên cảnh sinh hoạt, ấn tượng chung về cảnh được tả.</p> <p><u>Thân bài</u>: Miêu tả cảnh sinh hoạt</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tả bao quát quanh cảnh</li> <li>- Tả cụ thể cảnh sinh hoạt theo trình tự (không gian, thời gian, hoạt động chính). <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tả hoạt động cụ thể của con người. Hoạt động nào là nổi bật. Chi tiết nào gây ấn tượng.</li> <li>+ Thể hiện cảm xúc khi quan sát, khi chứng kiến hoặc tham gia cảnh sinh hoạt.</li> </ul> </li> </ul> <p>(Lưu ý: Sử dụng từ ngữ phù hợp để miêu tả cảnh sinh hoạt một cách rõ nét, sinh động. Khi tả có đan xen tả một vài hình ảnh quang cảnh thiên nhiên phù hợp )</p> <p><u>Kết bài</u>: Nêu suy nghĩ đánh giá của người viết về cảnh sinh hoạt.</p>
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>
	<p><i>e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo.</i></p>

### **ĐỀ 3:**

#### **Phần I: Đọc hiểu**

**Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

#### **CÂU CHUYỆN VỀ CHIM ÉN VÀ DÉ MÈN**

*Mùa xuân đất trời đẹp. Dé Mèn thơ thẩn ở cửa hang, hai con Chim Én thấy tội nghiệp bèn rủ Dé Mèn dạo chơi trên trời. Mèn hót hoảng. Nhưng sáng kiến của Chim Én rất giản dị: Hai Chim Én ngậm hai đầu của một cọng cỏ khô. Mèn ngậm vào giữa. Thế là cả ba cùng bay lên. Mây nồng nàn, đất trời gợi cảm, cỏ hoa vui tươi.*

*Dé Mèn say sưa. Sau một hồi lâu miên man Mèn ta chợt nghĩ bụng: “Ồ hay, việc gì ta phải gánh hai con én này trên vai cho mệt nhỉ . Sao ta không quăng gánh nợ*

này đi để dạo chơi một mình có sướng hơn không?”. Nghĩ là làm. Nó bèn há mỏ ra và nó rơi vèo xuống đất như một chiếc lá lìa cành.

(Theo Đoàn Công Lê Huy trong mục “Trò chuyện đầu tuần” của báo Hoa học trò số 1056. 21/4/2014)

Câu 1: “Câu chuyện về Chim Én và Dế Mèn” được viết theo thể loại nào?

Câu 2: Câu chuyện trong tác phẩm được kể bằng lời của ai?

Câu 3: Trong câu sau: “*Nó bèn há mỏ ra và nó rơi vèo xuống đất như một chiếc lá lìa cành*” có sử dụng biện pháp tu từ nào ?

Câu 4: Tại sao Chim Én muốn đưa Dế Mèn cùng đi chơi?

Câu 5: Hãy rút ra bài học mà em tâm đắc nhất sau khi đọc văn bản “Câu chuyện về Chim Én và Dế Mèn”.

Câu 6: Em có đồng ý với cử chỉ và hành động của Dế Mèn trong câu chuyện không? Vì sao?

## Phần II: Viết

Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt.

### GỢI Ý

Câu	Nội dung
	<b>ĐỌC HIỂU</b>
1	Truyện đồng thoại
2	Lời của người kể chuyện
3	So sánh
4	Vì yêu thương bạn
5	HS nêu được cụ thể bài học; ý nghĩa của bài học mà bản thân tâm đắc nhất.
6	HS có thể nêu đồng ý/ không đồng ý. Giải thích phù hợp.

<b>II</b>	<b>VIẾT</b>
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn miêu tả (có sử dụng các yếu tố tự sự và, biểu cảm)
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Tả lại một cảnh sinh hoạt mà em ấn tượng.

<p><i>c. Tả lại cảnh sinh hoạt ấn tượng</i></p> <p>HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <p><u>Mở bài</u>: Giới thiệu cảnh sinh hoạt: Tên cảnh sinh hoạt, ấn tượng chung về cảnh được tả.</p> <p><u>Thân bài</u>: Miêu tả cảnh sinh hoạt</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tả bao quát quanh cảnh</li> <li>- Tả cụ thể cảnh sinh hoạt theo trình tự (không gian, thời gian, hoạt động chính).</li> <li>+ Tả hoạt động cụ thể của con người. Hoạt động nào là nổi bật. Chi tiết nào gây ấn tượng.</li> <li>+ Thể hiện cảm xúc khi quan sát, khi chứng kiến hoặc tham gia cảnh sinh hoạt.</li> </ul> <p>(Lưu ý: Sử dụng từ ngữ phù hợp để miêu tả cảnh sinh hoạt một cách rõ nét, sinh động. Khi tả có đan xen tả một vài hình ảnh quang cảnh thiên nhiên phù hợp )</p> <p><u>Kết bài</u>: Nêu suy nghĩ đánh giá của người viết về cảnh sinh hoạt.</p>
<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>
<p><i>e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo.</i></p>

#### **ĐỀ 4:**

##### **Phần I: Đọc hiểu**

##### **Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu sau**

*Cả đời ra bể vào ngòi*  
*Mẹ như cây lá giữa trời gió rung*  
*Cả đời buộc bụng thắt lưng*  
*Mẹ như tầm nhả bổng dựng tơ vàng*  
*Đường đời còn rộng thênh thang*  
*Mà tóc mẹ đã bạc sang trắng trời*  
*Mẹ đau vẫn giữ tiếng cười*  
*Mẹ vui vẫn để một đời nhớ thương*

*Bát cơm và nắng chan sương  
Đói no con mẹ sẻ nhường cho nhau  
Mẹ ra bơi gió chân cầu  
Tìm câu hát đã từ lâu dập vùi...*

(Trích *Trở về với mẹ ta thôi* – Đồng Đức Bốn, *Chim mỏ vàng và hoa cỏ độc*, NXB Hội nhà văn, 2006)

Câu 1: Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào?

Câu 2: Tìm từ láy trong hai câu thơ sau

*Đường đời còn rộng thênh thang  
Mà tóc mẹ đã bạc sang trắng trời*

Câu 3: Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ sau:

*Cả đời ra bẻ vào ngòi  
Mẹ như cây lá giữa trời gió rung*

Câu 4: Nêu chủ đề của bài thơ?

Câu 5: Người con trong đoạn thơ thể hiện tình cảm gì với mẹ?

Câu 6: Thành ngữ “buộc bụng thắt lưng” diễn tả điều gì về người mẹ?

Câu 7: Chỉ ra tác dụng của biện pháp so sánh trong câu thơ: “Mẹ như tấm nhả bông dựng tơ vàng”?

Câu 8: Qua bài thơ, em hiểu như thế nào về sự hi sinh của người mẹ đối với gia đình?

Câu 9: Từ nội dung của văn bản trên, em rút ra được bài học gì cho bản thân mình trong cách ứng xử với mẹ hằng ngày?

## **Phần II. Viết**

Viết một bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của em.

### **GỢI Ý**

<b>Phần</b>	<b>Câu</b>	<b>Nội dung</b>
<b>I</b>		<b>ĐỌC HIỂU</b>

	<b>1</b>	Thể thơ: Lục bát
	<b>2</b>	Từ láy: Thên thang
	<b>3</b>	Biện pháp tu từ: So sánh
	<b>4</b>	Chủ đề của bài thơ: Tình mẹ con
	<b>5</b>	Người con trong đoạn thơ thể hiện tình yêu thương, kính trọng, biết ơn người mẹ của mình.
	<b>6</b>	Thành ngữ “ buộc bụng thắt lưng” diễn tả sự vất vả, cực nhọc của mẹ trong cuộc sống.
	<b>7</b>	Tác dụng của biện pháp so sánh trong câu: Mẹ như tầm nhả bổng dung tơ vàng” thể hiện vẻ đẹp tâm hồn của người mẹ.
	<b>8</b>	- Hs nêu được những vất vả, hi sinh của người mẹ cho gia đình. (hs nêu được 3 ý trở lên cho điểm tối đa).
	<b>9</b>	- Hs nêu được những hành động của bản thân thể hiện người con hiếu thảo: phải biết yêu thương, trân trọng, biết ơn tình cảm của mẹ dành cho bản thân.....
<b>II</b>		<b>VIẾT</b>
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự</i>
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Kể về một trải nghiệm của bản thân em.</i>
		<i>c. Kể lại trải nghiệm của bản thân</i> HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:
		- Sử dụng ngôi kể thứ nhất. - Giới thiệu được trải nghiệm của bản thân em - Các sự kiện chính trong trải nghiệm: bắt đầu – diễn biến – kết thúc. - Cảm nhận, những suy nghĩ, bài học của bản thân sau trải nghiệm ấy
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.
		<i>e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo.</i>

## ĐỀ 5

### Phần 1: Đọc hiểu

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

**Mẹ! Người con yêu quý nhất**

(Tác giả: Phan Huỳnh Vân Anh)

Mẹ là tiếng hát câu thơ  
 Ru con vào những giấc mơ tuyệt vời  
 Du dương hai tiếng à ơi  
 Dong đưa con ngủ, suốt đời không quên  
 Mỗi ngày con lớn khôn lên  
 Trong vòng tay mẹ êm đềm thiết tha  
 Mẹ là tổ ấm mái nhà  
 Tình thương, cao cả, bao la, dạt dào  
 Lời mẹ dạy bảo ngọt ngào  
 Hiền từ, âu yếm, xiết bao ân tình  
 Mẹ là nắng ấm bình minh  
 Là bông hoa cúc đẹp xinh sáng ngời  
 Ôn mẹ biển rộng mây trời  
 Không gian ấp ủ cho đời con tươi.  
 Nay thì mẹ đã qua đời  
 Bỗng dưng hạnh phúc chơi vơi chiều tà!

(Trích Báo Giao thông- Chủ Nhật, 29/08/2021)

Câu 1 . Bài thơ trên được viết theo thể thơ gì? Chỉ ra cách gieo vần trong bốn câu thơ đầu tiên.

Câu 2: Em hãy cho biết nội dung chính của bài thơ.

Câu 3: Trong bài thơ, chủ thể trữ tình đã bộc lộ tình cảm, cảm xúc gì? Với ai?

Câu 4: Câu thơ *Mẹ là nắng ấm bình minh/Là bông hoa cúc đẹp xinh sáng ngời* sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó.

Câu 5: Bài thơ gợi cho em những tình cảm, cảm xúc gì? Em rút ra được bài học gì cho bản thân.

## **Phần II: Viết**

Kể về một chuyến đi trải nghiệm của bản thân em.

## GỢI Ý:

Phần	Câu	Nội dung
<b>I</b>		<b>ĐỌC HIỂU</b>
	<b>1</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- - Bài thơ được viết theo thể thơ lục bát.</li> <li>- - Cách gieo vần:</li> <li>- + Chữ thứ 6 của câu lục (thơ) vần với chữ thứ 6 của câu bát (mơ);</li> <li>- +Chữ thứ 8 của câu bát (vời) vần với chữ thứ 6 của câu lục tiếp theo (oi).</li> <li>- + Chữ thứ 6 của câu lục (oi) vần với chữ thứ 6 của câu bát (đòi)</li> <li>- thơ - mơ; vời - oi - đòi</li> </ul>
	<b>2</b>	- Nội dung chính của bài thơ: Nói về vai trò của mẹ đối với con cái và tình cảm của người con dành cho mẹ của mình.
	<b>3</b>	- <i>Trong bài thơ, chủ thể trữ tình đã bộc lộ tình cảm, cảm xúc biết ơn, trân trọng những việc làm của người mẹ, qua đó thể hiện tình yêu thương và cảm xúc hụt hẫng khi người mẹ qua đời.</i>
	<b>4</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Câu thơ <i>Mẹ là nắng ấm bình minh/Là bông hoa cúc đẹp xinh sáng ngời</i> sử dụng biện pháp nghệ thuật so sánh.</li> <li>- Tác dụng: Gợi hình, gợi cảm; giúp người đọc cảm nhận sâu sắc hơn về vai trò của người mẹ trong suy nghĩ của người con và tô đậm vẻ đẹp của người mẹ.</li> </ul>
	<b>5</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài thơ gợi cho em những tình cảm, cảm xúc: yêu thương mẹ, biết ơn mẹ vì những việc mẹ đã làm và trân trọng những giây phút được ở bên mẹ.</li> <li>- Bài học: Yêu thương mẹ, giúp đỡ mẹ những việc làm trong khả năng của mình, cố gắng học tốt, vâng lời cha mẹ, thầy cô...</li> </ul>
<b>II</b>		<b>VIẾT</b>
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự</i>
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i>



	Kể trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.
	<p><i>c. Kể trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.</i>  <i>HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng ngôi kể thứ nhất.</li> <li>- Giới thiệu về trải nghiệm của bản thân.</li> <li>- Các sự kiện chính của trải nghiệm: bắt đầu – diễn biến – kết thúc.</li> <li>- Nêu những ý nghĩa của trải nghiệm đó đối với bản thân em (quan trọng, khó quên).</li> </ul>
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i>  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>
	<i>e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo.</i>

### 3.2. Kết quả cụ thể

Trong quá trình giảng dạy tôi nhận thấy rằng: sau khi được rèn luyện các bộ đề, học sinh đã có kỹ năng làm bài hơn. Sau mỗi đề luyện, tôi đều cho học sinh tự đánh giá bằng hình thức chấm chéo. Kết quả bước đầu đã có sự thay đổi tích cực.

\* Trước khi luyện đề:

Các mức độ	Giỏi (8,0 – 10)	Khá (6,0 – 7,9)	Trung bình (5,0 - 6,9)	Yếu (3,0 – 4,9)	Kém ( < 3 )
Tỉ lệ (%)	19%	48%	22%	11%	0%

\* Sau khi luyện đề:

Các mức độ	Giỏi (8,0 – 10)	Khá (6,0 – 7,9)	Trung bình (5,0 - 6,9)	Yếu (3,0 – 4,9)	Kém ( < 3 )
Tỉ lệ (%)	26%	49%	18%	7%	0%

\*Minh chứng trên bài làm của học sinh:

*Ảnh học sinh được 5/6 điểm đọc hiểu và 3/4 điểm viết sau thời gian ôn luyện nghiêm túc.*

PHÒNG GD&ĐT TP HÒA BÌNH      BÀI KIỂM TRA MÔN: ...*Ngữ Văn*...

	Điểm bài thi	Lời phê của thầy, cô	
	Bảng số	Bảng chữ	Số phách
	<i>8,0</i>	<i>Dần tiến</i>	
		Giáo viên chấm số 1: <i>Đan Nguyễn Văn</i>	Giáo viên chấm số 2:

Học sinh phải ghi rõ số tờ giấy kiểm tra đã nộp vào khung này.      Bài làm gồm có: ...*0.1*... tờ

Kết quả chấm:      **BÀI LÀM**      Tờ số: ...*0.1*...

Trắc nghiệm:

Tư luận: *5,0*

Câu 1: *5,0* d

Câu 2: *3,0* d

Câu 3: ..... d

Câu 4: ..... d

Câu 5: ..... d

Câu 6: ..... d

Câu 7: ..... d

Câu 8: ..... d

Cộng: *8,0* d

Thầy sinh phải ghi rõ số tờ giấy kiểm tra đã nộp vào khung này.

I Đọc hiểu

Câu 1: *0,5*

- Câu chuyện trên được kể theo ngôi thứ : 3

Câu 2: *0,5*

Biểu cảm : run rẩy.

Câu 3: *1,0*

Trạng ngữ : Ngay ngày

Chức năng : Chỉ thời gian mẹ chờ con về.

Câu 4: *0,5*

Chiều dài : Bình mẫu tử

Câu 5: *0,75*

- Ý nghĩa của câu " ~~Đ~~ Ăn trái ba lần mới biết trái ngon. Con có lớn khôn mới hay lòng mẹ" là : câu nói trên muốn nhắc nhở con cái phải biết yêu thương cha mẹ, để khi lớn lên rồi mới hiểu được cha mẹ thì lúc đó muộn rồi.

Câu 6: *1,75*

Sau khi đọc xong câu chuyện "Tư tích Cây vú sữa", em rút ra rất nhiều bài học cho bản thân mình. Đó là những

Số phách

Lớp: *6A4*      Trường: *PT. TH. CL. C.*      Ngày soạn: *1.1.2028*      Ngày kiểm tra: *2.1.1.1.2028*

Phòng thi số: *0.1*      Số báo danh: *NTT - 625*

Giáo viên coi thi số 2: *(Họ tên và chữ ký)*

**PHÒNG GD&ĐT TP HÒA BÌNH**      **BÀI KIỂM TRA MÔN: NGỮ VĂN**

Điểm bài thi		Lời phê của thầy, cô	Số phách
Bảng số	Bảng chữ		
8,0	Tấm tìn		
		Giáo viên chấm số 1: <i>Bm Ng Văn</i>	Giáo viên chấm số 2:

Học sinh phải ghi rõ số tờ giấy kiểm tra đã nộp vào khung này.      Bài làm gồm có: 01.....tờ

**BÀI LÀM**      Tờ số: 01.....

**I Kết quả chấm:**

I Trắc nghiệm: I, Đọc hiểu: I Tự luận:

C Câu 1: 5,0 đ  
C Câu 2: 3,0 đ  
C Câu 3: ..... đ  
C Câu 4: ..... đ  
C Câu 5: ..... đ  
C Câu 6: ..... đ  
C Câu 7: ..... đ  
C Câu 8: ..... đ  
C Cộng: 8,0 đ

Thí sinh ghi rõ số:

Số phách

Họ và tên học sinh: *Nguyễn Mai Chi*  
 Lớp: 6.A.1      Trường: Nguyễn Trãi Thanh  
 Ngày sinh: 28/12/2002  
 Ngày kiểm tra: 2/11/2022  
 Số báo danh: MT 614  
 Giáo viên coi thi số 2: (Họ tên và chữ ký)

**Câu 1:**  
 - Câu chuyện trên được kể theo ngôi thứ kể thứ 3. *0,5*

**Câu 2:**  
 - Từ láy: run rẩy. *0,5*

**Câu 3:**  
 - Trong từ: ngày ngày *0,5*  
 - Chúc năng: trạng từ chỉ thời gian (mẹ chờ con về) *0,5*

**Câu 4:**  
 - Chủ đề: tình mẫu tử *0,5*

**Câu 5:**  
 - Câu nói trên có ý nghĩa là muốn nhắc nhở con cái khi đã khôn lớn thì mới thấu hiểu công lao to lớn của cha mẹ. Từ đó, mới có cách ~~chăm sóc~~ <sup>ưu ý</sup> xử phù hợp <sup>để</sup> đạo làm con. *✓ để đến đáp 0,75*

**Câu 6:**  
*1,75*  
 Sau khi đọc sự tích "Cây vú sữa", em đã rút ra được rất nhiều bài học cho bản thân mình. Đó là người mẹ hoá thân thành Cây vú sữa thể hiện tình yêu thương của người mẹ dành cho các con không bao giờ với cạn như dòng sữa ngọt ngào. Bởi vì thời gian ở cạnh mẹ và chăm sóc mẹ không còn nhiều nữa, hãy nên hãy nghe lời của mẹ, yêu thương, chăm sóc mẹ khi còn có thể. Chờ đến sau này mới xin lỗi, mới yêu thương thì đã muộn rồi.

#### **4. Kết luận**

Đổi mới nhằm mục đích nâng cao chất lượng dạy và học đang là nhiệm vụ hàng đầu của nền giáo dục nước nhà. Những khó khăn trong đổi mới là điều không thể tránh khỏi. Quan trọng là cách chúng ta thực hiện sao cho phù hợp, hiệu quả, đáp ứng được tình hình thực tế giảng dạy. Đây cũng là điều mà các thầy cô trường PTTH CLC Nguyễn Tất Thành luôn hướng tới.

#### ***Tài liệu tham khảo:***

1. Nguyễn Thị Hồng Nam (2022) - Sách giáo khoa Ngữ Văn 6 tập 1 (Chân trời sáng tạo), NXB Giáo Dục Việt Nam, Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Hồng Nam (2022) - Sách giáo khoa Ngữ Văn 6 tập 2 (Chân trời sáng tạo), NXB Giáo Dục Việt Nam, Hà Nội.
3. Tài liệu tập huấn giáo viên THCS xây dựng ma trận, đặc tả, đề kiểm tra định kì môn Ngữ Văn.
4. Tài liệu module 3 Bồi dưỡng thường xuyên về việc kiểm tra đánh giá học sinh THCS theo hướng phát triển phẩm chất năng lực.